

慧  
感  
文集



HUỆ KHẢI

BẮC CẦU TÂM LINH

NXB TÔN GIÁO

HUỆ KHẢI

**BẮC CẦU  
TÂM LINH**

 NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

## BẮC CẦU TÂM LINH

**HUỆ KHẢI.** Thê danh Lê Anh Dũng. Chào đời tại Chợ Mới, An Giang. Bút danh: Dũ Lan LÊ ANH DŨNG, NGHÊ DŨ LAN, LÊ KHANG THÌN... Chủ biên giai phẩm **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN** (Nxb Tôn Giáo, 2012, 2013, ấn tổng mỗi quý).

**ĐÃ IN TRONG CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO:**  
**NHỚ ĐẠT LINH** (chủ biên, 2008) • **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI** (viết chung với Thanh Căn, 2009, 2010, 2011) • **HÀNH TRANG TIẾN BỐI CAO TRIỆU PHÁT** (viết chung với Cao Bạch Liên, 2010, 2012).

### HUỆ KHẢI VĂN TẬP (ấn tổng)

**ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2008, 2012) • **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism / La Cochinchine – le Préalable Juridique pour la Fondation du Caodaïsme*, 2008, 2010) • **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** (*Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*, 2008, 2009, 2012) • **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI** (2008, 2010, 2012) • **LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI** (2008, 2010) • **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI** (2009, 2010, 2011) • **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO** (2009, 2010) • **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2010, 2013) • **MỘT DÒNG BÁT NHÃ** (2010, 2013) • **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU** (1993, 1995, 2000, 2001, 2003, 2005, 2010, 2011) • **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN** (2011, 2012) • **NHỊP CẦU TƯỞNG TRI** (2011) • **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ** (2011, 2013) • **ĐIỂM TỰA TÂM LINH** (2011, 2012) • **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** (2011) • **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI** (2011) • **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC** (2011) • **TU CỨU CỬU HUYỀN THẤT TỔ** (2012, 2013) • **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ 1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950** (2012) • **BẮC CẦU TÂM LINH** (2012, 2013) • **HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN** (2012, 2013) • **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY** (1995, 2013)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI  
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

**BẮC CẦU TÂM LINH**

IN LẦN THỨ HAI

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**  
Hà Nội 2013



Ấn tống lần thứ hai năm ngàn quyền do  
Quý môn sanh Chiếu Minh (Long Vân Đàn, Mỹ Tho):

\* Hiền huynh **TRẦN THANH HOÀNG**  
công quả ba triệu đồng.

\* Hiền tỷ **DIỆU HƯƠNG**  
công quả mười triệu đồng.

\* Hiền tỷ **DIỆU MINH HƯƠNG**  
công quả mười triệu đồng.

\* Hiền huynh **LÊ TRẦN HIẾU NHÂN**  
công quả mười lăm triệu đồng.

Đồng kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,  
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương,  
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bi ngàn.

**ĐÔI LỜI THA THIẾT**

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

**Ban Ấn Tống**

## MỤC LỤC

<i>Giao Cảm</i>	7	25 Người Hiếm Có	63
1 Ác Mộng	9	26 Như Tách Cà Phê	66
2 Ai Thật Sự Cần Đạo?	11	27 Những Cây Bút Chì	69
3 Ba Bình Lọc	13	28 Những Kẻ Đón Cây	71
4 Cầu Đảo	15	29 Những Viên Sỏi	74
5 Chủ Tiệm Tạp Hóa	17	30 Nói Và Làm	77
6 Chuyện Chép Ở Bệnh Viện	19	31 Nước Mắt Kẻ Trộm	80
7 Chuyện Con Két	21	32 Phép Lạ (a)	83
8 Chuyện Ở Lò Rèn	23	33 Phép Lạ (b)	85
9 Chuyện Thiên Bên Mỹ	26	34 Phép Thử	88
10 Chuyện Trên Đồng	28	35 Phụng Sự Đích Thực	90
11 Con Cá Tuổi Thơ	30	36 Quanh Quẩn Âu Lo	93
12 Còn Tùy	32	37 Sen Nở Trên Cành Thập Giá	95
13 Di Chúc Của Đại Đế	35	38 Sợ Gì Nhất	99
14 Dinar Vàng	37	39 Tâm Hồn Người Tù	101
15 Đôi Khi	39	40 Tâm Tình Mùa Xuân	104
16 Đòi Người Chẳng Hẹn	41	41 Thấp Nền Tìm Vàng	109
17 Góc Sâu Rể Bền	43	42 Thầy Và Trò	112
18 Hoàn Hảo Của Không Hoàn Hảo	45	43 Thấy Vậ Mà Không Phải Vậ	115
19 Ít Mà Nhiều	48	44 Thiên Đàng Địa Ngục Hai Bên	117
20 Khao Khát	52	45 Tiếng Cười Bên Khe	121
21 Lá Cờ Hiệu	55	46 Tin Có Thiên Thần	124
22 Một Bài Thơ Hay Mà Thiếu Tên Tác Giả	57	47 Triết Lý Bốn Vợ	126
23 Một Chút Tình Cờ	59	48 Triết Lý Sống Nghịch Lý	129
24 Ngày Trọng Đại	61	49 Trói Buộc	133
		50 Truyền Lửa	136
		51 Vết Nơ Từ Bên Trong	139
		52 Vô Sở Bất Tại	141

## GIAO CẢM

*Đạo lý không chỉ trọn vẹn trong giáo điều  
kinh sách, mà phải tràn lan trong sự thế,  
trong nhứt dụng thường hành của nhơn loại.<sup>(1)</sup>*

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt

*Đạo lý không phải trong ngàn kinh muôn điển (...)  
mà chính đạo lý ở trong lòng của chư môn đồ.  
Một lời nói, một hành động đều có đạo lý cả.<sup>(2)</sup>*

Đức Di Lạc Thiên Tôn

\*

*Bắc Cầu Tâm Linh* kết tập năm mươi hai bài viết của một người đạo Cao Đài đã đăng trên tuần san và nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc* (CGvDT) nhiều năm vừa qua.

Có thể xem *Bắc Cầu Tâm Linh* là hiệp tuyền nối tiếp *Nhịp Cầu Tương Tri*,<sup>(3)</sup> với ý hướng mở rộng thêm một nhịp cầu nối liền tâm tình người đạo chúng ta không phân biệt tôn giáo.

Người viết ước mong rằng quý đạo hữu gần xa, vì một ngẫu nhĩ nhân duyên nào đó, tình cờ có dịp cầm quyển sách nhỏ này trên tay, giở ra vài trang, đọc thử vài mẩu chuyện

(1) Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, ngày 21-3-1970.

(2) Trúc Lâm Thiên Điện, ngày 03-3-1971.

(3) Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011. Quyển 42 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

ngăn ngẫn, sẽ nhận ra tâm linh vốn vượt lên khỏi mọi ngăn ngại của tường rào định kiến giữa tôn giáo này với tôn giáo khác; tâm linh không đóng khuôn trong cuộc sống tu hành mà cũng không vắng mặt giữa mảnh đời thường.

Từ cảm nhận như thế, chúng ta nhớ lại và càng thấm thía hơn lời Đức Lê Đại Tiên và Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy về chân nghĩa hai chữ *đạo lý*.

Tôi chân thành biết ơn quý hiền huynh, hiền tỷ môn sanh Cao Đài Chiếu Minh (Long Vân Đàn, Mỹ Tho) đã trợ duyên cho hiệp tuyền này, cũng như một vài quyển sách khác của tôi, được đến tay đông đảo quý đạo hữu, đạo tâm gần xa.

Tôi cũng vô vàn biết ơn hàng hàng lớp lớp quý vị Mạnh Thường Quân trong và ngoài đạo Cao Đài với lòng thương Thầy mến Đạo, luôn luôn tin cậy và ủng hộ mạnh mẽ Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Thật vậy, hơn năm năm qua, biết bao tấm lòng vàng ở hải ngoại và quốc nội không ngừng trợ giúp Chương Trình Ấn Tổng trên nhiều phương diện. Nhờ thế đàn con áo trắng chúng ta mới có thể hòa hiệp tâm trí thiển bạc, dốc hết tài tuệ mỏng manh, ra sức dưỡng nuôi bèn bỉ một phương tiện góp phần hoằng pháp Kỳ Ba ngô hầu cùng nương náu nhau trên đường lập công bồi đức trong nguơn hội chót này.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn lành đến toàn thể quý vị Mạnh Thường Quân và cửu huyền thất tổ của quý vị.

*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Huệ Khải  
Tháng 7-2013

## ÁC MỘNG

Đây là chuyện tôi nghe:

Anh nọ đang ngủ say thì gặp ác mộng, thấy bị cọp rượt, mấy lần suýt bị vồ. Chạy thục mạng, không kịp tránh vực sâu trước mặt, anh hụt chân rơi ngay xuống đó.

May phước, trong lúc hốt hoảng quờ tay loạn xạ, anh chụp được một nhánh cây từ trong vách đá mọc gie ra. Tuy khỏi tan xương nát thịt, nhưng phải chịu treo mình lơ lửng giữa khoảng không, chẳng khác kẻ đánh đu.

Ngước lên miệng vực, anh hết hồn khi thấy cọp dữ kiên nhẫn ngồi chờ. Vậy thì, dẫu có leo lên được cũng không xong với nó.

Anh bèn cúi xuống nhìn và sợ vỡ mật khi thấy một con mãng xà nằm cuộn tròn dưới đáy vực, đang ngóc cao đầu, ngoác to miệng ngay bên dưới anh. Chỉ cần anh tuột tay rớt xuống là tiêu đời.

Anh ráng đu mình ngồi lên cành cây, rồi nhìn quanh quất chung quanh, cố nghĩ cách thoát thân.

Bỗng đâu có hai con chuột lớn, một đen một trắng, cùng bò ra thi nhau gặm chỗ gốc nhánh cây bắt rễ trong vách đá.

Nghe hai bộ răng nhọn của chúng nhai gỗ kêu rào rào, anh hoảng vía, chỉ sợ nhánh cây thành linh gãy ngang. Anh bèn nạt nộ xua đuổi, nhưng cặp chuột tinh quái vẫn lì lợm, không chịu bỏ đi.

Chợt một giọt nước mát rượi rơi đập xuống mặt, anh giật mình ngẩng lên. Không phải nước, mà là mật ong đang rỏ xuống từ một tầng ong rưng kết nơi chằng ba cây mọc phía trên đầu anh.

Đang mệt lả người và chết khát khô, anh liền ngửa cổ, há mồm thè lưỡi, cố tìm cách hứng lấy từng giọt mật trời cho. Chao ôi! Sao mà ngon ngọt, thơm tho đến thế! Anh chếp chếp miệng, mãi mê nuốt từng giọt lại từng giọt, quên bém cảnh ngộ hiểm nghèo, tính mạng đang ngàn cân treo sợi tóc.

Đúng lúc đó thì anh choàng tỉnh, mồ hôi ướt đẫm lưng áo. Không thể đỡ lại giấc ngủ, anh thao thức nằm chờ sáng, trong đầu rối rùi những ý tưởng mung lung về giấc mơ kỳ dị.

Sáng ra, anh vội vã đi đến ngôi chùa trong làng, kể rõ đầu đuôi câu chuyện và cầu xin sư cụ phân giải.

Trầm ngâm một lúc, sư cụ thông thả nói:

- Cọp dữ là cái chết luôn bám theo anh không chịu buông tha.

Miệng mãng xà là mộ huyết đang chờ ngày anh gởi xác.

Chuột đen là đêm, chuột trắng là ngày, tượng trưng thời gian cứ lần hồi gặm mòn dần quãng đời anh.

Giọt mật ngọt ngào quyến rũ anh trong cảnh hưởng ngọt nghèo chính là những thú vui, dục vọng chạm bầy trần gian. Chúng khiến anh lạc hướng, mãi mê tìm cách hưởng thụ nhất thời, quên rằng không còn bao lâu nữa anh sẽ chết.

07-5-2012

CGvDT số 1857, ngày 11-5-2012

## AI THẬT SỰ CẦN ĐẠO?

*Các con ơi! Nếu thế gian này là cõi toàn thiện thì Thầy không đến đây mở Đạo làm gì. Các con thử nghĩ: Nếu nhơn sanh không bị thiên tai hạn hán, bão lụt chiến tranh tàn phá, hỏa hoạn thiêu đốt, thì họ đâu cần chi tới đoàn người cứu trợ ứỵ lạo. Nếu nhơn sanh không đau ốm bệnh tật thì họ đâu cần gì đến đoàn bác sĩ lương y. Nếu nhơn sanh học giỏi, văn hay chữ tốt thì họ đâu cần gì đến đoàn người giáo dục mở lớp khai trường. Nếu nhơn sanh thuần chon đạo đức, không đi trong hố sâu tội lỗi, khổ sở tinh thần thì họ đâu cần gì đến đoàn người hướng đạo đem giáo lý đến cho họ.<sup>(1)</sup>*

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế

\*

Trong lịch sử Phật Giáo Nhật Bản, thiền sư Bàn Khuê Vĩnh Trác 盤珪永琢 (Bankei Yōtaku, 1622-1693), tông Lâm Tế, là một vị rất danh tiếng. Sư có công đưa thiền học đến với quần chúng. Rất đông người thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau dễ dàng tìm đến tu viện của sư để tập làm quen với thiền. Nhưng cửa thiền càng rộng mở càng khó tránh khỏi phần tử xấu trà trộn.

Đây là chuyện tôi nghe:

<sup>(1)</sup> Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu (Hội Thánh Hậu Giang Minh Chon Đạo), ngày 26-8-1969.

Trong một khóa tu tập nọ, các thiền sinh không thể nào giữ lòng thanh tịnh để tập trung tu hành vì thường xuyên bị mất cắp. Các nạn nhân kín đáo hội ý với nhau bố trí người luân phiên theo dõi. Họ dễ dàng bắt quả tang kẻ trộm, là một thiền sinh giả hiệu.

Vụ việc lập tức được trình lên thiền sư Bàn Khuê. Họ xin thầy phải trục xuất kẻ gian, giữ cho cửa thiền trong sạch. Sư chỉ làm thinh.

Kẻ trộm nghĩ “xả hơi” được vài hôm thì ngứa ngáy tay chân, bèn tái phạm. Y lập tức bị tóm cổ, và bị lôi xềnh xệch đến trước mặt thiền sư. Nhưng chẳng khác chi lần trước, sư chỉ làm thinh.

Lần thứ ba tóm được kẻ trộm, vì quá bất mãn trước việc “bao che” của thầy, các thiền sinh quyết liệt yêu cầu thầy chọn lựa: Nếu kẻ trộm vẫn tiếp tục được dung túng, tất cả môn sinh sẽ đồng lòng cuốn gói ra khỏi chùa!

Bấy giờ Sư Bàn Khuê mới ôn tồn bảo:

- Các anh là những người khôn ngoan, có lý trí và hiểu biết. Các anh đã đủ khả năng phân biện đúng sai, phải quấy. Do đó, các anh có thể tìm chỗ nào khác tu học cũng được, chẳng sao cả. Nhưng kẻ đáng thương này chưa hề biết phân biệt đúng sai, thiện ác, nếu thầy không giáo hóa anh ta thành người lương thiện thì ai sẽ dạy anh ta đây?! Thôi, các anh muốn đi đâu tùy ý, cứ để người này lại cho thầy dạy dỗ.

Sư vừa dứt lời, kẻ cắp liền quỳ sụp xuống chân thầy, khóc nức nở.

03-7-2012

CGvDT số 1865-1866, ngày 06-7-2012

## BA BÌNH LỘC

*Rủi may dạ chẳng kiêng dè  
Những điều xấu bạn, đem khoe ngạo cười  
Gổ ganh lòng chẳng hổ người  
Trông mong soi bói của người việc riêng.*  
Kinh Cảm Ứng (Điều thứ Tư)

*Lời đừng nói ác hại ai  
Nói lành nói thiện miệt mài tu thân.*  
Kinh Pháp Cú (đoạn 232)

\*

Nhà đại hiền triết Socrates (khoảng 469-399 trước Công Nguyên) chào đời tại thành phố Athena (Hy Lạp), là một trong những người tạo nên nền tảng triết học phương Tây. Trong số những danh ngôn của ông, thường được nhắc tới là: “*Hãy tự biết mình.*” Một câu khác nữa: “*Tất cả những gì tôi biết là tôi chẳng biết gì hết.*”

Đây là chuyện tôi nghe:

Một hôm, có người tới gặp Socrates, hào hứng khoe:

- Thầy có muốn biết những gì tôi mới nghe thiên hạ nói về bạn thầy không?

Socrates chặn lại:

- Khoan đã! Trước khi thuật lại lời bá tánh nói về bạn tôi, tốt hơn cả có lẽ ông nên đợi một chút để chúng ta lọc lại những gì ông muốn kể. Tôi có ba bình lọc dùng vào việc này. Bình lọc thứ nhất tôi gọi là *Chân Lý*. Ông có tin chắc

một trăm phần trăm rằng những điều ông muốn kể tôi nghe hoàn toàn đúng sự thật không?

Người kia thoáng lưỡng lự rồi thú nhận:

- Ô, không! Thật ra tôi chỉ nghe bà con đồn đãi mà thôi. Và lại...

Socrates khoát tay:

- Được rồi. Như thế hiển nhiên ông chẳng hề biết chuyện đó đúng sai ra sao. Nào, chúng ta hãy dùng thêm bình lọc thứ hai, tôi gọi là *Thiện Hảo*. Những điều ông muốn kể về bạn tôi có chút gì tốt lành trong đó không?

Người kia ấp úng:

- Thì... thì ... chắc thầy đoán được rồi. Chả hay ho gì đâu!

Socrates gật gù:

- Thế đấy! Tuy chẳng biết miệng mồm thế gian đúng hay sai, ông vẫn muốn kể xấu về bạn tôi. Còn bình lọc cuối cùng, tôi gọi là *Hữu Ích*. Xin hỏi, những điều ông muốn kể về bạn tôi có chút chi ích lợi cho tôi chăng?

Người kia sượng sùng, lắc đầu không nói.

Socrates kết thúc câu chuyện:

- Rõ rồi nhé! Bản thân ông không dám chắc những gì thiên hạ đem đặt về bạn tôi là đúng sự thật. Hơn nữa, ông chỉ thấy chúng chẳng những vô ích mà còn xấu xa. Vậy thì có sao ông lại muốn đem những thứ rác rưởi ấy nhét vào tai tôi chứ?!

18-6-2012

CGvDT số 1863, ngày 22-6-2012



## CẦU ĐẢO

Đây là chuyện tôi nghe:

Một chàng trai đến nông trại nọ tìm việc làm. Ngắm nghĩa bộ vó của người xin việc, ông chủ hỏi:

- Anh có tài nghệ gì đặc biệt không?

Với giọng tự tin, anh ta đáp:

- Khi gặp giông to gió lớn, tôi vẫn có thể ngủ ngon.

Thấy câu trả lời lạ đời, chủ nông trại không khỏi ngần ngại. Nhưng việc đồng áng đang nhiều mà thiếu người lao động tay chân, thế nên do dự một lúc rồi ông cũng đánh liều nhận anh ta vào làm.

Khoảng tháng sau, nửa đêm vợ chồng chủ nông trại choàng tỉnh vì trời thỉnh linh nổi cơn giông bão. Hai ông bà lật đật chạy đi kiểm tra mọi thứ xem có an toàn không. Họ thấy cửa nẻo chuồng trại đã khóa kỹ, súc vật không nhón nháo. Củi khô chất sẵn thành đống lớn ngay gần trong kho, cạnh đó là nông cụ và máy móc ở đúng chỗ đúng nơi của chúng... Nói tóm tắt là mọi thứ đều vào đấy cả rồi!

Hai vợ chồng thở phào. Bấy giờ sức nhớ tới chàng trai, họ rón rén tới chỗ nghỉ ngơi của anh, và thấy anh đang ngủ say, chẳng thèm biết chi đến thời tiết bên ngoài. Hai ông bà chủ nông trại nhìn nhau mỉm cười. Họ đã hiểu vì sao anh ta nói: “Khi gặp giông to gió lớn, tôi vẫn có thể ngủ ngon.”

Anh ta là người siêng năng và rất có trách nhiệm. Hàng ngày anh đã chú ý lo lắng mọi việc đâu vào đó, không chênh mảng chút nào. Thế nên, nửa đêm gặp giông bão

thỉnh linh, anh vẫn an tâm ngủ ngon. Anh ta vốn biết cách “tránh bão” trước khi bão tới.

Đức Không Tử (Không Khâu) cũng thế. Sách *Luận Ngữ* (chương 7: Thuật Nhi, đoạn 34) chép rằng lần nọ Đức Vạn Thế Sư Biểu mang trọng bệnh. Bấy giờ một học trò là ông Tử Lộ đến bên giường bệnh, xin phép thầy bày biện lễ vật, nhang đèn để cúng tế thần thánh xin giải bệnh, tục gọi là “cầu đảo”.

Nghe vậy, Đức Không hỏi:

- Ủa?! Có lệ này hay sao?

Tử Lộ bèn mau mắn dẫn chúng một quyển sách nhan đề là *Lụy*, hướng dẫn phép tác cầu đảo; trong sách ấy có câu “*Đảo nhĩ ư thượng thân kỳ*”, nghĩa là vì ông mà cầu đảo với thần thánh trên trời dưới đất.

Khước từ đề nghị của Tử Lộ, Đức Không chỉ nói vắn tắt “*Khâu chi đảo cửu hỹ*”, nghĩa là từ lâu ngài đã tự cầu đảo cho bản thân rồi. Đức Không ngụ ý dạy học trò rằng cả đời biết ăn hiền ở lành cho đúng đạo lý thì đâu cần mất công cúng bái van xin thần thánh chi nữa.

Trong *Đông Nhạc Đại Đế Bảo Huấn* (lời dạy quý báu của Đức Đông Nhạc Đại Đế) của đạo Lão có chép câu này:

*Thiên địa vô tư, thần minh ám sát, bất vị hưởng tế nhi giáng phước, bất vị thất lễ nhi giáng họa.*

(Trời đất không thiên vị, thần thánh âm thầm soi xét, chẳng vì hưởng cúng tế mà ban phước lành, chẳng vì thiếu lễ cúng mà gieo tai họa.)

13-02-2012

CGvDT số 1845, ngày 17-02-2012

## CHỦ TIỆM TẠP HÓA

*Đạo bất khả tu du ly dã.*  
Trung Dung

Đây là chuyện tôi nghe:

Có thầy nọ sống đời tu hành rất mực thánh thiện. Không kể những lúc bắt buộc phải nhín chút thời gian dành cho các sinh hoạt cần thiết của đời thường, thầy luôn cố gắng thu xếp tối đa thời gian trong ngày để cầu nguyện, tụng kinh, ngồi thiền, v.v... Đầu óc thầy hầu như không còn chỗ nào trống trải cho các tà niệm sai quấy có thể thừa cơ len lỏi vào. Sau nhiều năm dài tu hành tinh nghiêm, cần mật như thế, thầy thấy mãn nguyện trước sự tiến bộ tâm linh.

Thế rồi khuya hôm nọ, sau khi xong cửu thiên giờ Tý, thầy đi ngủ và mơ thấy mình dự một buổi tiệc lớn gồm toàn những bậc đạo cao đức trọng. Trong lúc chủ tiệc chưa ra tiếp khách, mọi người lần lượt được rước tới bàn ăn rất to và dài. Ai cũng có chỗ ngồi trang trọng theo đúng thứ bậc vì chủ tiệc đã gắn sẵn trên mặt bàn những tấm thẻ nhỏ ghi họ tên từng thực khách. Thầy thấy mình được vinh dự xếp ngồi gần chủ tiệc, nhưng ở vị trí thứ nhì. Vị trí thứ nhất dành cho người bán tạp hóa ở khu phố không xa nơi thầy cư trú.

Sáng hôm sau, thầy tìm tới tiệm tạp hóa, lựa một góc và nhẩn nại đứng quan sát rất lâu. Tiệm không lớn lắm nhưng lúc nào cũng có khách hàng vào ra nườm nượp. Chủ tiệm chẳng hờ tay bán hàng, thu tiền, thối tiền... về mặt lúc nào cũng tươi cười, nói năng hòa nhã... Tuyệt nhiên không thấy chủ tiệm có cử chỉ, động tác đặc biệt gì tỏ ra ông đang tính tâm hay cầu nguyện.

Nhân một lúc ngớt khách, thầy bước tới chào chủ tiệm và kể lại giấc mơ kỳ lạ. Chủ tiệm ôn tồn nói:

- Tôi cần chiết dầu ăn từ cái thùng hai mươi lít ra hai mươi cái chai xếp sẵn ở góc kia. Xin thầy giúp một tay. Đừng để chai nào đầy quá hay vơi quá. Đừng làm sánh dầu ra ngoài chai nhớp nháp. Lát nữa sẽ tiếp tục câu chuyện của thầy.

Thầy chiết dầu vừa xong thì đúng lúc chủ tiệm được người tay bán hàng. Ông ta bước tới hỏi:

- Nãy giờ cầm cúi lo chiết dầu ra chai, trong đầu thầy có giây phút nào nhớ nghĩ tới Trời tới Phật không?

Thầy bẽn lẽn:

- Tôi làm không quen, ráng tập trung rót dầu vào từng chai theo đúng yêu cầu của ông, mệt toát mồ hôi. Do đó chẳng được phút giây nào rảnh trí mà nhớ tới Phật Trời.

Chủ tiệm cười hiền:

- Nếu thầy bận bịu buôn bán như tôi cả ngày, lu bu quanh năm suốt tháng, thì tâm thầy ắt xa Trời xa Phật mịt mù luôn. Tôi không có phước lớn để được rảnh rang chuyên lo tu hành như thầy. Tôi chỉ ráng tập thành thói quen cho tâm tôi lúc nào cũng nhớ Trời nhớ Phật. Khi bán hàng cho khách tôi nguyện không để ai phải phiền lòng vì bị cân non đong thiếu. Khi chiều chuộng khách hàng tôi nguyện không để ai mịch lòng vì thấy tôi thiên vị. Gặp khách hàng xấu tính, tôi nói cười nhã nhặn, thậm chí nhắc nhở: Thánh Thần giả dạng thường dân tới thử thách mình đây. Tôi tu như vậy đó, thưa thầy.

05-3-2012

CGvDT số 1848, ngày 09-3-2012

## CHUYỆN CHÉP Ở BỆNH VIỆN

Ông bạn đồng nghiệp mời anh ngồi xuống cái ghế nhựa kê sát bên giường rồi nhìn mặt:

- Tôi đã cố giấu nhưng cũng không tránh khỏi làm phiền mọi người phải mất công ghé thăm.

Bạn anh nằm đây đã vài hôm, chung với ba người nữa. Phòng dịch vụ, trả giá cao nên tiện nghi hơn và dễ chịu hơn. Thấy anh đảo mắt nhìn quanh, bạn nói như phân trần:

- Mấy cháu cứ khăng khăng buộc tôi nằm ở đây. Rất tốn kém, tôi ngại lắm. So với đồng lương giáo chức ba cọc ba đồng của bọn mình thì quá sức!

Anh cười:

- Các cháu có khả năng chi trả và muốn được báo hiếu, anh chớ nên phụ lòng.

Bên cạnh gối bạn anh là cuốn sách đọc dở, để mở, nằm úp xuống nệm, phơi bày trọn bìa mặt và bìa lưng: *The Analects of Confucius*. Bạn vốn là một sách. Anh trêu:

- Không có cái gì dễ đọc hơn sao? Đang bệnh mà!

- Tôi thích *Luận Ngữ*. Nhưng chuộng bản dịch của học giả phương Tây, nó dễ hiểu hơn cổ văn Trung Hoa. Và lại, cũng dễ trau dồi thêm tí tiếng Anh. Nhiều khi mình thấy họ dịch rất lạ. Không dám nghĩ rằng dịch sai, đành cố suy gẫm và cuối cùng thì vỡ ra họ dịch tới cái thần của Khổng học.

Anh lắc đầu, cười:

- Tôi chịu bác. Chia sẻ thẳng em chút kinh nghiệm đi.

- Ai chả biết Ngũ Đức của Khổng là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Họ dịch Nhân là *Benevolence* thì tôi hiểu, nhưng dịch Tín là *Sincerity* thì tôi cứ thắc mắc mãi. Tín là tin, còn *Sincerity* là thành thật, sao lại xa nghĩa đến thế? Tôi tra nhiều sách khác nhau, thấy đều dịch cùng một kiểu.

- Thiên hạ há chẳng bảo *Dịch là diệt* đấy ư?

- Đã đành *Traduttore, traditore*; nhưng ở đây té ra chẳng phản hay diệt chi hết! Anh thấy đó, Nhân đứng đầu Ngũ Đức như là một khởi phát. Nếu con người không có lòng Nhân thì họ chẳng cần quan tâm tu dưỡng để rèn luyện cho mình Nghĩa, Lễ, Trí. Tức là học làm Người. Nhưng làm Người thì khó, làm chó thì dễ. Muốn rèn luyện để trở nên người hiền đức gian nan trắc trở lắm. Vì anh phải luôn đấu tranh để đi ngược lại bản năng ích kỷ và dục vọng cá nhân. Có kẻ chỉ học làm Người được một chốc rồi buông xuôi, bại trận, thành ngòm. Thế nên Ngũ Đức phải đặt Tín đứng dưới cùng để làm nền tảng cho việc rèn luyện nhân cách. Tín theo Khổng không phải là tin như cách ta hiểu. Tín là trước sau như một, chẳng đổi dạ thay lòng. Đó là Chí Thành, tức là *Sincerity*.

Bạn anh thở dài, nói tiếp:

- Anh thấy đó, các nhà chính trị trên thế giới đều lớn tiếng hứa chăm lo lợi ích người nghèo, đó là Nhân. Nhưng chính sách thi hành hầu như ngược lại 180 độ! Tại sao vậy? Có lẽ họ thiếu chữ Tín, tức là thiếu cái lòng Chí Thành thương dân, thương những người còng lưng đóng thuế cho họ huênh hoang những lời nhân nghĩa.

09-01-2008

CGvDT số 1640, ngày 11-01-2008

## CHUYỆN CON KẾT

Đây là chuyện tôi nghe:

Lái buôn nọ bấy lâu nay nuôi một con kết rất đẹp, chẳng những nói giỏi mà còn hát hay nữa. Thế nên ông ta rất quý, chăm sóc kỹ lưỡng. Tuy nhiên, bị nhốt trong lồng sơn, con kết rất buồn vì nhớ bầu trời tự do và đồng loại.

Một hôm, trước khi qua Ấn Độ buôn bán, lái buôn ân cần hỏi mọi người trong nhà thích món gì, ông sẽ tìm mua về làm quà. Dĩ nhiên, ông không quên hỏi ý con kết yêu quý. Nó đáp:

- Xin ông vào rừng, tìm một bầy kết, gởi lời tôi thăm hỏi chúng nó. Nói là tôi rất nhớ chúng và chỉ mong có ngày sớm gặp lại nhau.

Việc buôn bán ở Ấn Độ kết thúc mỹ mãn, lái buôn bắt đầu đi tìm các thứ mua về làm quà tặng người thân trong nhà. Cuối cùng, ông ta chịu khó vào rừng, tìm kiếm mãi rồi cũng gặp đàn kết đang đậu trên một cành cao. Ông mau mắn nhắc lại những lời con kết ông nuôi nhờ cậy.

Vừa nghe xong lời nhắn ấy, một con kết trong đàn bỗng rùng mình, rồi rơi phịch xuống đất như trái cây chín rụng. Nhìn con kết nằm bất động, ông lái buôn sững sốt, nghĩ rằng lời nhắn của con kết nhà ông ắt hẳn chứa đựng sức mạnh huyền bí nào đó.

Về đến nhà, ông lần lượt phân phát quà tặng cho từng

người. Tới lượt con kết, ông đứng bên lồng và thuật lại đầu đuôi những gì ông đã chứng kiến. Lạ thay! Vừa nghe xong, con kết ông nuôi bỗng rùng mình, rồi cũng ngã lăn quay ra.

Lái buôn chết điếng, buồn tiếc đứt ruột. Ông mở lồng, cầm xác chim mang ra sân, đặt nhẹ xuống đất. Ông vừa định quay vào tìm cái xẻng đào lỗ chôn con kết yêu quý thì nó bỗng cựa cựa, rồi bay vút lên một cành cao gần đó.

Lái buôn sững sờ, ngược lên nhìn, lặng cả người. Có lấy lại bình tĩnh, ông hỏi:

- Bí mật lời nhắn nhe thăm hỏi của mi là gì?

- Con kết trong rừng Ấn Độ bày mưu cho tôi phải giả chết mới được tự do. Tôi còn sống, còn biết nói năng ca hát giúp vui cho ông thì không bao giờ được hưởng tự do. Tài năng của tôi mãi mãi là tù ngục đời tôi.

Đứt lời, nó vỗ cánh vù mất dạng.

Dụ ngôn này khiến ta nhớ một tích chép trong *Nam Hoa Kinh*, thiên Sơn Mộc (cây trên núi). Chuyện kể rằng ngày nọ Trang Tử và nhóm học trò đi chơi núi, và thấy một cây lớn, cành lá sum sê. Một tiều phu đứng bên cạnh, ngắm nghía nó một lúc rồi lắc đầu, bỏ đi. Trang Tử liền chặn lại, hỏi tại sao không đốn. Tiều phu trả lời:

- Tuy to lớn nhưng chẳng dùng được vào việc gì hết!

Trang Tử gục gặc đầu, quay sang bảo học trò:

- Nhờ vô dụng mà nó được sống.

18-4-2012

CGvDT số 1854, ngày 20-4-2012

## CHUYỆN Ở Lò Rèn

*Lập một nước dễ hơn truyền giáo  
Truyền dạy người đắc đạo khó thay  
Biết bao kèm sửa đêm ngày  
Làm nên Tiên Phật rất dày công phu.*

Đại Thừa Chơn Giáo

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Có một anh thợ rèn rất mộ đạo, kính thành tin tưởng Trời Phật. Anh đã nhập môn để làm đệ tử của Thượng Đế.

Có điều, tuy anh rất cần cù, cuộc sống vật chất của anh không nhờ thế mà khá hơn. Tệ hơn nữa, từ lúc anh nhập môn, bắt đầu tu học, làm một cư sĩ, thì cuộc sống của anh dường như càng khó khăn hơn. Anh hay gặp rủi ro và mất mát nhiều hơn so với khi anh chưa quyết định đặt chân vào đường đạo.

Trong làng, ai cũng ái ngại, nghĩ rằng có điều gì đó trục trặc.

Một hôm, bạn thân ghé thăm lò rèn nhỏ bé của anh. Sau mấy câu chào đầu vô thưởng vô phạt, bạn anh dè dặt nói thẳng vào vấn đề:



- Xin anh hoan hỷ, đừng hiểu lầm tôi xúc phạm tới đức tin của anh. Lâu nay bà con trong làng đều quý trọng anh là người tu hành đạo đức. Nhưng bà con nhận thấy từ khi anh bắt đầu tu hành thì cuộc sống của anh bỗng dưng khó khăn hơn, gặp nhiều trở ngại hơn. Nhiều người chưa biết tu, chưa theo đạo, nhìn thấy hoàn cảnh anh như vậy dĩ nhiên không khỏi sợ hãi và nếu như có ai khuyên họ hãy lo tu hành thì dễ hiểu là lời khuyên này lập tức bị bỏ ngoài tai.

Anh thợ rèn trầm ngâm khá lâu. Thắc mắc của người bạn hiển nhiên cũng là câu hỏi từng khiến anh lăm phen phải băn khoăn, trăn trở.

Một lúc sau, nhặt lấy cái móng ngựa nằm lẫn trong những món thành phẩm, anh đưa cho bạn xem, rồi thủng thỉnh nói:

- Anh thấy đó, để rèn được cái móng ngựa như thế này, tôi phải mất rất nhiều công sức. Tôi phải lựa một thỏi sắt

## CHUYỆN THIỀN BÊN MỸ

tốt, đem nung cho tới khi nó nóng đỏ, rồi tiếp tục nung thêm cho tới khi nó gần như trắng ra. Bây giờ tôi mới lấy ra khỏi lửa, đặt lên đe và vận sức quai búa nện cật lực, bắt nó uốn thành hình dạng theo ý tôi muốn. Rồi tôi nhúng nó vào nước lạnh, sau đó lại nung đỏ và nện búa sửa chữa những chỗ tôi chưa vừa ý. Tôi cứ lặp lại các công đoạn nung đỏ, đập búa, nhúng nước... cho tới khi nào thổi sắt sù sù ban đầu trở thành cái móng ngựa hoàn hảo như anh đang thấy.

Chỉ tay vào đồng sắt phế liệu dòn ở một góc lò rèn, anh nói tiếp:

- Nhưng lắm khi tôi chọn nhầm một thỏi sắt xấu. Nó không chịu nổi lửa đỏ, không chịu nổi búa đe, và nước lạnh làm nó rạn nứt. Tôi không rõ lý do vì sao nó hỏng, nhưng tôi biết chắc là nó vô dụng, và tôi phải quẳng nó vào cái góc tối tăm, bụi bặm đó, nằm chung chỗ với những thỏi sắt vô dụng khác.

Hướng đôi mắt sươn ướt nhìn thẳng vào bạn, anh thợ rèn bỗng trầm giọng, khẽ khàng như thể muốn nói với riêng mình:

- Tôi biết Thượng Đế muốn xem tôi là thỏi sắt có thể dùng được vào việc gì không. Thế nên mỗi khi gặp phải thử thách, nghịch cảnh quá sức chịu đựng, tôi lại thiết tha cầu nguyện: Lạy Thầy, xin Thầy cứ rèn giũa con theo ý Thầy, nhưng xin Thầy ban ơn đừng ném con vào đồng sắt phế liệu.

29-01-2012

CGvDT số 1843, ngày 03-01-2012

Thiền Sư Linh Mộc Đại Chuyết<sup>(1)</sup> sinh ngày 18-5-1904, tại Thần Nại Xuyên<sup>(2)</sup> trên đảo Bản Châu<sup>(3)</sup> nước Nhật; tạ thế ngày 04-12-1971 tại thành phố San Francisco (bang California, Hoa Kỳ).

Sư thuộc dòng thiền Tào Động,<sup>(4)</sup> qua San Francisco năm 1959, có công phổ truyền thiền học tại Mỹ.

Năm 1962 sư lập tại California một trung tâm thiền mang tên *San Francisco Zen Center* (địa chỉ: 300 Page St., San Francisco, CA 94102).

Năm 1966 sư lập thêm một trung tâm thiền tại California mang tên *Tassajara Zen Mountain Center* (địa chỉ: 39171 Tassajara Road Carmel Valley, CA 93924).

Linh Mộc Đại Chuyết là một thiền sư rất có ảnh hưởng ở Mỹ, còn để lại nhiều thiền thoại thú vị, sâu sắc.

Đây là ba mẫu chuyện tôi nghe về sư:

1. Một nữ đệ tử đến gặp riêng sư để bộc lộ nỗi lòng. Nàng thú nhận không sao dẫn được lòng yêu thương thầy mình say đắm, thành thử tâm nàng chẳng lúc nào an bình, thanh thản.

---

(1) Suzuki Roshi 鈴木大拙

(2) Kanagawa 神奈川

(3) Honshu 本州

(4) Sōtō 曹洞

## CHUYỆN TRÊN ĐỒNG

Sư điềm nhiên bảo:

- Không hề gì. Con cứ để lòng con tự do yêu thương thầy con. Cũng tốt thôi. Thầy có đủ giới luật nghiêm minh để gìn giữ cho thầy và cả cho con nữa.

2. Một đệ tử người Mỹ hỏi sư vì sao người Nhật lại làm những tách cốc uống trà mỏng manh, dễ vỡ như thế.

Sư đáp ngay:

- Không phải chúng mỏng manh dễ vỡ, mà bởi con không biết cách cầm đó thôi. Con phải điều chỉnh bản thân con với ngoại cảnh chứ không phải ngược lại.

3. Một lần nọ khi được mời đến thành phố Cambridge (bang Massachusetts) để thuyết pháp, sư bằng lòng và chấp nhận ngày hẹn. Trước ngày hẹn một hôm, sư đến tận nơi ấy, bắt gặp mọi người đang bận rộn dọn dẹp, trang hoàng phòng ốc để chuẩn bị cho đại lễ long trọng sẽ tổ chức vào hôm sau.

Ai nấy cũng sững sốt khi thấy sư túm gọn vạt áo cà sa và mau mắn sà vào tham gia. Họ ái ngại, cố ngăn lại, thì sư cương quyết nói như ra lệnh:

- Phải cho tôi góp công quả chuẩn bị đón tiếp tôi ngày mai chứ!

Mẫu chuyện thứ ba khiến ta nhớ đến lời Chúa dạy:

“Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ anh em. Và ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ anh em.” (Matthêu 20:26-27)

04-7-2012

CGvDT số 1867, ngày 20-7-2012

Đây là chuyện tôi nghe:

Chú bé sinh ra trong một gia đình trồng bông vải bên Mỹ.<sup>(1)</sup> Mới năm, sáu tuổi đầu, chú được mẹ đưa ra đồng để sớm làm quen với nghề nghiệp gia truyền.

Chỉ cho chú thấy một hàng cây bông vải trồng nối nhau dài chừng bảy tám trăm mét, và đưa cho chú con dao nhỏ, mẹ bảo nhiệm vụ của chú là “*chopping cotton*”.

Còn gì vui hơn với đứa bé con. Việc lao động nghe sao giống hết cuộc chơi có tính phá hoại. Thế là chú hăng hái vung dao lên, cứ nhè vào những thân cây bông vải mỏng mảnh mà bụp mạnh. Khi chú đã hạ gục được hàng cây dài chừng năm sáu mét thì mẹ chú hoảng hồn hoảng vía, nhảy bổ tới, giăng lấy con dao. Bấy giờ, chú bé mới vỡ lẽ đã hiểu sai lời mẹ.

Nông dân thường phải dùng cuốc giẫy cỏ quanh gốc cây bông vải. Thời kỳ kinh tế Mỹ suy thoái, một người suốt ngày phơi lưng ngoài trời nắng chang chang làm thuê việc này chỉ được trả công hai đô la.

Thay vì nói “*hoeing weeds*” tức là dùng cuốc (*hoe*) để giẫy cỏ dại (*weeds*), người trồng bông vải vẫn quen nói là “*chopping cotton*”, mặc dù *chopping* có nghĩa là “*đốn, chặt*”. Thành thử, chú bé hiểu chữ đúng theo nghĩa thông thường mà hóa ra sai bét với tập quán nghề trồng bông vải!

---

<sup>(1)</sup> Cây bông vải (*cotton plant*) cao chừng một thước, là loại cây lấy sợi quan trọng nhất ở các nước nhiệt đới. Sợi bông là nguyên liệu chủ yếu trong công nghiệp dệt.

Sau này chú bé trở thành giáo sĩ, vẫn luôn bị kỷ niệm ấu thơ ám ảnh. Ông thấy rằng hàng ngày trong giao tiếp ngôn từ với nhau, chúng ta vẫn thường hiểu sai ý, diễn dịch lầm lẫn ý tưởng người khác. Ý tưởng người khác mỗi khi truyền tới chúng ta luôn luôn bị “lọc” qua tấm lưới trong não bộ chúng ta. Bởi thế, chúng ta chỉ hiểu người khác theo những gì mà tấm lưới trong não bộ cho lọt qua! Tấm lưới gạn bỏ lại nhiều chùng nào, chúng ta càng hiểu sai người khác chùng nấy.

Trong đạo Cao Đài có nói tới hai chữ *tâm điền*, nghĩa là ruộng lòng. Tâm con người như đất ruộng, bỏ hoang thì cỏ dại và gai góc tha hồ mọc um tùm; nhưng chăm chỉ cày xới, gieo giống tốt, siêng năng tưới nước, bón phân... thì ruộng đồng sẽ phì nhiêu, sinh sôi bông trái sai oằn, hạt lúa trĩu ngon.

Liên hệ tới sứ vụ của mình trên cánh đồng truyền giáo, vị giáo sĩ ấy nghĩ rằng để khỏi vô tình phá hủy những mùa màng tâm linh đang có cơ hội nảy nở, tăng trưởng trong mảnh tâm điền của những người khác, nhà truyền giáo nên biết nhìn xa hơn bản thân mình, và nên ghi nhớ lời giáo huấn của Thánh Phaolô: “*Mỗi người đừng tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng hãy tìm lợi ích cho người khác.*” (Philípphê 2:4). Hãy luôn cân nhắc xem điều gì thật sự tốt nhất cho những người khác, những người mà nhà truyền giáo muốn chia sẻ ơn phước tâm linh. Đừng để chúng ta giống như chú bé hồn nhiên xưa kia, cứ đinh ninh mình đang “*giã cỏ dại*” cho cây bông vải khỏe mạnh mà chẳng ngờ mình đang vô tình phá hoại tan nát mùa màng.

14-8-2011

CGvDT số 1821, ngày 19-8-2011

## CON CÁ TUỔI THO

*Thế nên người quân tử  
thận trọng khi ở một mình.*<sup>(1)</sup>

Trung Dung

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Trên tờ báo *Minneapolis Star Tribune* ở Mỹ có lần đã đăng bài viết “*Catch of a Lifetime*” (Con cá nhớ đời) của James P. Lenfestey, kể lại một lần đi câu khi tác giả mười một tuổi.

Cha James có mái nhà nhỏ trên đảo giữa một hồ ở bang New Hampshire, đông bắc nước Mỹ, và cậu bé tận dụng mọi cơ hội để câu cá nơi đó. Năm ấy, mùa được phép câu cá vược (*bass*) phải còn một ngày nữa mới bắt đầu. Cậu ra hồ câu với cha và mới vừa buông câu không lâu thì bắt được liền con cá vược thật lớn.

Cha cậu nhìn đồng hồ. Mười giờ đêm. Còn hai giờ nữa lệnh cấm câu cá vược mới hết hiệu lực. Ông nhìn con cá rồi nhìn con trai, và bảo:

- Thả xuống hồ đi con.

Cậu bật khóc:

- Cha!

- Con sẽ câu được nhiều cá khác.

---

<sup>(1)</sup> *Cổ quân tử thận kỳ độc dã. 故君子慎其獨也.*



Cậu nhìn quanh, đêm tối vắng ngắt. Không ai chứng kiến để biết con cá vược của cậu là phi pháp. Nhưng giọng nói cương quyết của cha buộc cậu phải miễn cưỡng gỡ lưới cá và tiếc nuối thả con cá xuống hồ. Con cá quẫy mình thật mạnh rồi lặn mất. Cậu buồn rười rượi vì biết sẽ không còn dịp may nào cậu được con cá lớn như vậy nữa.

Ba mươi bốn năm sau, James là một kiến trúc sư thành đạt ở thành phố New York. Mái nhà nhỏ giữa hồ vẫn còn, và đến lượt James đưa con cái ra đó câu cá mỗi khi có dịp.

Đúng như linh tính năm xưa, từ lần ấy về sau chưa bao giờ James câu được con cá nào lớn y như thế. Tuy nhiên, hình ảnh con cá đó cứ mãi tươi nguyên trong trí James. Mỗi khi ông gặp mặt với vấn nạn đạo đức, phải lựa chọn giữa đúng và sai, thì y như rằng con cá ấy lại hiện ra.

Nhà văn Mark Twain (Mỹ, 1835-1910) từng bảo:

*“Bài học luân lý bền bỉ nhất không đến từ sách vở giáo điều, mà từ sự ném mùi, trải nghiệm.”*<sup>(1)</sup>

Trường hợp của James có lẽ đã minh chứng cho câu nói thâm thúy đó. Cha James đã dạy con bài học đạo đức một cách giản dị mà cụ thể.

Điều khó khăn nhất là khi ta ở một mình, dẫu không ai chứng kiến, ta vẫn hành xử đúng đạo lý.

05-7-2009

CGvDT số 1719, ngày 07-8-2009

<sup>(1)</sup> The most permanent lessons in morals are those which come, not of booky teaching, but of experience.



Tôi đọc được trên Internet một bài thơ tiếng Anh (tác giả khuyết danh), tuy không vần điệu nhưng ý tứ sâu sắc. Tôi chuyển ngữ như sau:

Quả bóng rổ trong tay tôi đáng giá mười chín đô.

Quả bóng rổ trong tay Michael Jordan<sup>(2)</sup> đáng giá khoảng ba mươi ba triệu đô.

Là tùy vào tay ai.

<sup>(2)</sup> *Michael Jordan* (sinh ngày 17-02-1963), người Mỹ, là cầu thủ bóng rổ nhà nghề nổi tiếng thế giới trong hai thập niên 1980 và 1990.

Quả bóng chày trong tay tôi đáng giá khoảng sáu đô.

Quả bóng chày trong tay Mark Mcguire <sup>(3)</sup> đáng giá mười chín triệu đô.

Là tùy vào tay ai.

Cây vợt tennis trong tay tôi vô dụng.

Cây vợt tennis trong tay Pete Sampras <sup>(4)</sup> giành được giải vô địch Wimbledon.

Là tùy vào tay ai.

Cây gậy trong tay tôi xua được thú hoang.

Cây gậy trong tay Môsê rẽ đôi Biển Đỏ. <sup>(5)</sup>

Là tùy vào tay ai.

---

<sup>(3)</sup> *Mark McGwire* (sinh ngày 01-10-1963), biệt danh “*Big Mac / Mac Lớn*”, là cầu thủ bóng chày (*baseball*) nhà nghề danh tiếng của Mỹ, về sau chuyển sang làm huấn luyện viên (từ năm 2010).

<sup>(4)</sup> *Pete Sampras* (sinh ngày 12-8-1971), người Mỹ, là tay vợt tennis số một trên thế giới. Sampras bảy lần vô địch tại giải Wimbledon (*The Championships Wimbledon*), là giải vô địch quần vợt Anh rất uy tín, ra đời từ năm 1877, được tổ chức vào khoảng tháng 6, tháng 7 hàng năm. Sampras là tay vợt nam có số tiền thưởng lên tới 43.280.489 Mỹ kim. Tạp chí *Tennis* chọn ông là tay vợt xuất sắc nhất từ 1965 đến 2005.

<sup>(5)</sup> *Cựu Ước* (Xuất Hành 14:15-22) chép về phép lạ tại Biển Đỏ như sau: Đức Chúa dạy ông Môsê cứ cầm gậy giơ lên trên mặt biển, nước sẽ rẽ ra tạo thành lối đi khô ráo ngay giữa lòng biển. Quả nhiên, khi ông Môsê giơ tay trên mặt biển, Đức Chúa cho một cơn gió đông thổi mạnh suốt đêm, khiến nước biển rẽ ra hai bên như tường thành sừng sững, chừa một lối đi khô cạn ở giữa.

Dây ném đá trong tay tôi là đồ chơi trẻ nhỏ.

Dây ném đá trong tay Đavít là vũ khí lợi hại vô cùng. <sup>(6)</sup>

Là tùy vào tay ai.

Hai con cá và năm ổ bánh mì trong tay tôi đủ làm vài miếng xăng-uych.

Hai con cá và năm ổ bánh mì trong tay Chúa thừa sức no dạ mấy ngàn người. <sup>(7)</sup>

Là tùy vào tay ai.

Đinh nhọn trong tay tôi đóng được chuồng chim.

Đinh nhọn trong tay Chúa cứu rỗi toàn nhân thế.

Là tùy vào tay ai.

Thế nên mọi nỗi băn khoăn, lo âu, sợ hãi, hy vọng, ước mơ, gia đình, sự nghiệp, ta hãy đặt hết vào tay Chúa.

Bởi lẽ, bạn thấy đó, khác biệt là tùy vào tay ai.

30-5-2012

CGvDT số 1860, ngày 01-6-2012

---

<sup>(6)</sup> *Cựu Ước* (Samuen 1, 17:40-51) chép lại trận chiến tay đôi giữa gã khổng lồ Goliát và người chăn chiên là Đavít. Đavít dùng dây phóng đá, bắn trúng vào giữa trán Goliát, gã khổng lồ ngã xuống. Đavít lấy gươm của Goliát cắt đầu hắn.

<sup>(7)</sup> *Tân Ước* (Matthêu 14:15-21) chép rằng Đức Giêsu cầm hai con cá và năm ổ bánh mì, ngược mắt lên trời, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra, trao cho môn đệ đem chia cho cho đám đông. Không kể đàn bà và trẻ con, năm ngàn đàn ông được ăn no, mà còn thừa mười hai giỏ đầy bánh mì.

## DI CHÚC CỦA ĐẠI ĐẾ

*Còn hơi hóp tranh đua bay nhảy  
Nhắm mắt rồi, phải thấy lợi danh...*

Kinh Sám Hối

A Lịch Sơn (*Alexander*) sinh vào hạ tuần tháng 7 năm 356 trước Công Nguyên tại vương quốc Macedonia, ngày nay là miền bắc Hy Lạp. Hoàng tử theo học với triết gia Aristotle cho tới năm mười sáu tuổi. Chưa tròn ba mươi tuổi, Đại Đế đã cai trị một đế quốc minh mông, trải dài từ Hy Lạp tới Ấn Độ.

Đây là chuyện tôi nghe:

Vào thượng tuần tháng 6 năm 323 trước Công Nguyên, đang nằm bẹp trên giường bệnh, trong những giờ phút sau cùng trước khi rời khỏi thế gian, vị Đại Đế ba mươi ba tuổi ra lệnh cho các tướng quân thân cận:

- Sau khi ta qua đời, lúc tấn liệm, các ông phải để cho hai cánh tay ta thông ra bên ngoài áo quan với hai bàn tay mở xòe ra. Các thầy thuốc giỏi nhất, danh tiếng nhất trong vương quốc phải đích thân khiêng linh cữu ta ra huyết mộ.

Mệnh lệnh cuối cùng này được thi hành đúng như ý Đại Đế, mặc dù mọi người rất đỗi bối rối, không hiểu lý do.

Khi đông đảo quan chức, quốc khách, thần dân... cung kính đến viếng tang, đưa tang dĩ nhiên cũng không ai hiểu vì sao Đại Đế lại ra lệnh kỳ quặc như thế.

Một nhà thông thái biết chuyện, bèn giảng giải:

- Đại Đế muốn nhắn nhủ cho chúng ta nhớ rằng khi còn cai trị thế gian này, ngài làm chủ biết bao lãnh thổ minh mông, biết bao kho tàng chứa đầy vàng bạc, châu báu. Ngài còn là chủ nhân của biết bao con người phải thần phục dưới quyền lực uy vũ của ngài. Nhưng đến lúc rời bỏ trần gian, ngài ra đi chỉ vồn vẹn hai bàn tay trắng mà thôi, y hệt như lúc ngài được sinh vào cõi đời này.

Có người hỏi:

- Vậy các danh y làm đô tỳ khiêng linh cữu là sao?

- Đại Đế cũng muốn chúng ta nhớ rằng, khi Thần Chết tìm tới ta, không một thầy thuốc tài giỏi nào đủ sức giành giật được mạng sống giúp cho ta cả.

Một vị hiền triết nghe nhà thông thái giảng giải như thế, gật gù bổ sung:

- Khi từ bỏ trần gian, mỗi người chúng ta sẽ phải chia lìa hai thứ, và chỉ còn một thứ vẫn bám riết theo chúng ta. Chia lìa thứ nhất là gia đình, thân thích, bè bạn. Chia lìa thứ hai là quyền lực, danh vọng, của cải. Bám riết theo chúng ta là tất cả những gì ta đã làm, đã trót gây tạo trong suốt cuộc đời. Chúng sẽ bám cứng theo chúng ta cùng đi sang bên kia thế giới. Phật gọi chung những thứ đó là nghiệp (*karma*). Những nghiệp ác, nghiệp dữ sẽ là điểm trừ. Những nghiệp thiện, nghiệp lành sẽ là điểm cộng. Sau khi bù trừ qua lại, ai còn giữ được nhiều điểm cộng sẽ hưởng phúc lành. Ai chỉ còn điểm trừ đành phải chịu đền bồi tội lỗi.

13-3-2012

CGvDT số 1849, ngày 16-3-2012

## DINAR VÀNG

*Lo danh vọng, hao mòn thân thể  
Ham làm giàu, của để bằng non  
Một mai nhắm mắt đâu còn  
Dem vàng chuộc mạng, đổi lòn đặng chằng?  
Đức Thái Thượng Lão Quân  
Kính Sám Hối*

\*

Ngày nay, dinar (tiền giấy) là đơn vị tiền tệ ở nhiều nước như Algeria, Bahrain, Iraq, Jordan, Kuwait, Lybia, Macedonia, Serbia, Tunisia, v.v... Nhưng xưa kia, dinar vàng (*gold dinar*) là đồng tiền đúc bằng vàng được lưu hành tại các nước theo đạo Islam ở Tây Nam Á, Bắc Phi và Nam Âu. Đồng dinar vàng đầu tiên được đúc và phát hành vào thế kỷ 7 ở Ả Rập Saudi dưới vương triều Abd al-Malik bin Marwan (646-705). Có tài liệu cho biết một dinar nặng 4,25 gam vàng.

Đây là chuyện tôi nghe:

Một nhà buôn Ả Rập nợ suốt đời chỉ lo kiếm tiền, khao khát làm giàu. Ông tích lũy được ba trăm ngàn dinar vàng, chưa kê ruộng đất, dinh thự. Mãn nguyện, ông bắt đầu nghĩ

tới chuyện hưởng nhàn cho bố công rất nhiều năm lao nhọc thân xác và hao tổn tinh thần.

Ông chưa kịp lập kế hoạch hưởng thụ thì Thần Chết chợt ghé vào nhà, bảo rằng tới lúc ông phải ra đi.

Hoảng sợ, ông nhà giàu tha thiết cầu xin Thần Chết hãy hoãn cho ông sống thêm ba ngày, ông sẽ dâng hiến một trăm ngàn dinar vàng để tạ ơn.

Thần Chết lắc đầu, nắm tay ông lôi đi.

Ông cố sức vùng ra, rồi quỳ xuống khóc lóc thảm thiết:

- Hãy cho con sống thêm một ngày, và con xin cúng Ngài hai trăm ngàn dinar vàng.

Thần Chết làm thinh. Ông liền nằm bẹp xuống sàn, ôm chặt chân Thần Chết, cố năn nỉ:

- Con chỉ xin sống thêm một giờ và Ngài hãy lấy hết ba trăm ngàn dinar vàng của con.

Thần Chết cúi xuống, gỡ tay ông ra.

Thấy vẻ kiên quyết của Thần Chết, ông thở dài rồi khăn nài lần chót:

- Thôi, đành vậy! Nhưng cho con nhắn lại một lời.

Thần Chết gật đầu.

Ông nhà giàu liền cắn đầu ngón tay, viết vội trên nền gạch men trắng bóng dòng chữ máu:

*Ba trăm ngàn dinar vàng không đổi được một giờ sống thêm! Hãy quý đời mình. Hãy sống có ích.*

28-3-2012

CGvDT số 1851, ngày 30-3-2012

## ĐÔI KHI

Khoảng năm 2003, Jenny Sharaf cho đăng báo bài thơ *Sometimes* (Đôi khi). Bấy giờ cô đang học năm chót bậc trung học, và dự định sang thu sẽ vào Emerson College, một đại học tư thành lập năm 1880 ở thành phố Boston, bang Massachusetts, là nơi đào tạo danh tiếng về ngành truyền thông, thuật hùng biện, và nghệ thuật. Thời học sinh, mới mười mấy tuổi đầu, Jenny đã có thơ được chọn in, và còn tham gia biên tập các sách hướng dẫn thanh thiếu niên biết cách sống đẹp.

Bài thơ *Sometimes* của Jenny Sharaf gồm năm đoạn, tổng cộng hai mươi câu viết theo thể tự do.<sup>(1)</sup> Lời thơ giản

---

<sup>(1)</sup> Sometimes I question you,  
And wonder whether you're listening.  
I can't see you, or touch you, or even feel you,  
So how do I know if you're really there?  
Sometimes I get mad at you,  
When I see bad things happen to good people.  
I wonder why you wouldn't save them.  
It makes me wonder if you're real.  
Sometimes when I pray to you,  
I can sense that you are there with me,  
Watching over me as your child,  
Blessing me with your grace.  
Sometimes when I can see you clearly,  
When I see little babies or kind smiles,  
Generous people and the beauty of nature,  
It makes me believe with my whole heart.

đi, bày tỏ những băn khoăn, tự vấn, và suy nghiệm tâm linh của một thiếu nữ mới lớn.

*Đôi khi con hỏi  
Mà chẳng rõ liệu Ngài nghe tiếng  
Con không thấy, không sờ, không cảm nhận được Ngài  
Sao biết chắc quả Ngài đang ở đó?*

*Đôi khi con điên lên vì giận  
Bởi thấy người tốt vương tai vương nạn  
Con tự hỏi cứ sao Ngài không đưa tay cứu vớt  
Để con tin quả nhiên Ngài có thật?*

*Đôi khi con nguyện cầu  
Linh cảm được có Ngài đang bên cạnh  
Đôi nhìn con với ánh mắt Cha yêu  
Và ban bố ơn lành cùng phước hạnh.*

*Đôi khi con thấy Ngài rất rõ  
Lúc gặp trẻ thơ hay những nụ cười hiền  
Người quảng đại hay cảnh trời tuyết mỹ  
Nên tin Ngài bằng trọn cả lòng con.*

*Đôi khi con hay hỏi nhưng có chi là quan trọng  
Dẫu chưa bao giờ con nhận được tiếng trả lời  
Nhưng con tin Ngài, ôi Thượng Đế bao dung  
Tha thứ cho con vì cứ hỏi, hỏi Ngài hoài!*

27-8-2008 / CGvDT số 1672, ngày 29-8-2008

---

Sometimes my questions about you don't matter,  
Even though there are never definite answers.  
I have faith in your love.  
Forgive me, God, for ever questioning you.

## ĐỜI NGƯỜI CHẴNG HẸN

Đây là chuyện tôi nghe:

Ba ông lão vừa khè khà nhấp rượu vừa bàn luận lẽ đời vô thường (nay còn mai mất). Một ông cảm khái:

*Năm nay chiếu rượu cùng ngồi  
Sang năm chẳng biết vắng người nào đây?*<sup>(1)</sup>

Cho rằng bạn nói quá xa vời, ông thứ hai bèn sửa:

*Cởi giày lột vớ chiều hôm  
Sáng mai nào biết có còn xỏ chân?*<sup>(2)</sup>

Như thế, thời gian một năm rút lại chỉ còn một sớm một tối. Vẫn không băng lòng, ông thứ ba sửa lại:

*Một hơi ra khỏi mũi rồi  
Biết chẳng còn có một hơi hít vào?*<sup>(3)</sup>

Suy nghĩ của ông lão thứ ba gọi nhớ đến chuyện khác.

Một hôm, đạo sư hỏi học trò:

- Đời người dài bao lâu?
- Thưa, vài ngày.

---

<sup>(1)</sup> Kim niên tửu tịch diên tiền hội / Bất tri lai niên hựu thiếu thùy? 今年酒席筵前會 / 不知來年又少誰?

<sup>(2)</sup> Kim văn thoát hạ hài hòa miệt / Bất tri minh nhật xuyên bất xuyên? 今晚脫下鞋和襪 / 不知明日穿不穿?

<sup>(3)</sup> Giá khẩu khí ký nhiên xuất khứ / Bất tri tấn lai, bất tấn lai? 這口氣 既然出去 / 不知進來不進來?

Đạo sư lắc đầu. Trò khác đáp:

- Đủ xong một bữa cơm.

Đạo sư lại lắc đầu. Trò thứ ba nói:

- Dài chừng một hơi thở.

Đạo sư gục gặc đầu tỏ ý tán thành và chậm rãi bảo các đệ tử:

- Trong thư của Thánh Giacôbê có câu này:

*“Các người không biết cuộc đời mình ngày mai sẽ ra sao. Thật vậy, các người chỉ là hơi nước xuất hiện trong giây lát, rồi lại tan biến đi.”* (4:14)

Thánh Giacôbê còn có câu này nữa: *“Vậy kẻ nào biết làm điều tốt mà không chịu làm thì mắc tội.”* (4:17)

Trong các điều tốt lành ở thế gian, có chi hơn học đạo? Thế nhưng, khi được khuyên hãy học đạo, hãy tu đi, thì lắm người than thở rằng tôi còn mắc bận chuyện này kẹt chuyện nọ, chừng nào rảnh rang mới dám nghĩ tới chuyện tu hành.

Người xưa cảnh tỉnh:

*Chớ bảo đợi già sẽ học đạo  
Mồ hoang chẳng thiếu kẻ đầu xanh.*<sup>(4)</sup>

Éo le là cái chết luôn chờ chờ mỗi người, chẳng ai biết trước đời mình sẽ dài bao lâu. Vậy, đừng có hẹn!

12-10-2011

CGvDT số 1829, ngày 14-10-2011

---

<sup>(4)</sup> Mạc đãi lão lai phương học đạo / Cô phần đô thị thiếu niên nhân. 莫待老來方學道 / 孤墳都是少年人。

## GỐC SÂU RỄ BỀN

*Sức mạnh của chúng ta nảy sinh  
từ sự yếu ớt của chúng ta.*<sup>(1)</sup>

Ralph Waldo Emerson (1803-1882)

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Thuở mới lớn anh có ông hàng xóm dễ mến. Ông hay cười, ăn mặc khá xuề xòa, và không bao giờ quát nạt rầy la khi thấy lũ trẻ con các anh chơi đùa âm ỉ trong mảnh đất rộng nhà ông, một khu vườn nhiều tàn cây râm mát không có rào ngăn vách chắn bao quanh.

Ông làm thầy thuốc. Những khi rảnh rang ông thích trồng cây và khi gặp dịp anh hay lần quần bên cạnh xem ông trồng trọt.

Chẳng như lẽ thường, khi trồng cây mới ông không tưới nước. Có lần tò mò anh hỏi tại sao. Ông giải thích tưới nước sẽ làm hại cây, vì cây sống dễ dàng quá, những đời sau chúng càng yếu ớt hơn. Phải cho chúng tự lực tìm lấy nước để phát triển khả năng sinh tồn của chúng. Có như vậy bộ rễ mới chịu đâm sâu vào đất tìm mạch nước và nhờ thế mà gốc càng bền vững. Rồi ông so sánh, giống như con người quen sống sung sướng an nhàn quá thì thường hay

---

<sup>(1)</sup> Our strength grows out of our weakness.

đau yếu mỗi khi mới chớm trái gió trở trời; còn người lao động vất vả, quen dầm mưa dãi nắng thì sức đề kháng của cơ thể rất mạnh mẽ, họ không dễ gì mắc bệnh lật vật.

Năm tháng qua đi, anh trưởng thành, lập gia đình, và có con. Mỗi tối trước khi đi ngủ anh luôn vào phòng con để xem hai cậu con trai ngủ nghê ra sao. Anh sung sướng đứng bên giường trẻ thơ theo dõi lồng ngực bé bỏng nhấp nhô lên xuống đều đặn theo nhịp thở. Những lúc đó, anh lại âm thầm cầu nguyện.

Thoạt đầu, anh quen cầu xin Ông Trên ban phước cho con trẻ được bình an, sau này bước đường đời của trẻ luôn bằng phẳng, suôn sẻ. Nhưng sau đó, nhớ tới phương pháp trồng cây lạ đời của ông thầy thuốc gần nhà năm xưa, anh ngừng nghĩ lại. Anh hiểu cuộc đời này vốn hứa hẹn nhiều gian nan bất trắc. Người đi biển giỏi là người đã dạn dày bão tố giữa sóng cả trùng dương. Không cha mẹ nào có thể úm mãi con cái suốt đời trong đôi bàn tay thương yêu che chở của mình.

Nhớ đến hình ảnh những thân cây khỏe khoắn vươn thẳng lên cao trong khu vườn ông thầy thuốc, thế là anh thay đổi lời cầu nguyện. Anh cầu xin Ông Trên ban cho trẻ lòng nhẫn nại, chí quật cường vượt khó. Xin giúp cho trẻ có được nghị lực mạnh mẽ để trẻ vào đời vững vàng trong mọi thử thách.<sup>(2)</sup>

19-8-2009

CGvDT số 1721 ngày 21-8-2009

---

<sup>(2)</sup> Mượn ý Philip Gulley, “*Growing Roots*” (1997).

# HOÀN HẢO CỦA KHÔNG HOÀN HẢO

*Vì vậy anh em hãy trở nên hoàn hảo,  
như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn hảo.<sup>(1)</sup>*

Matthêu 5:48

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Trong một buổi họp để gây quỹ chăm sóc các trẻ khuyết tật, ban tổ chức mời một người cha lên phát biểu. Ông nói:

- Thưa quý ông, quý bà, con trai tôi sinh ra đã không hoàn hảo. Cháu không hiểu được những điều bình thường mà các trẻ khác đều hiểu dễ dàng. Cháu không biết làm tính cộng tính trừ mà cũng không nhớ được các con số. Tay chân cháu vụng về, cầm nắm món gì cũng rất lỏng lẻo! Nuôi đứa con như vậy, những lúc không nhẫn nại nổi, tôi từng gào lên oán trách: Thượng Đế thì toàn năng toàn trí, sao lại tạo ra con tôi không hoàn hảo? Thượng Đế hoàn hảo ở chỗ nào chứ?!

Người cha nghẹn ngào ngừng giọng. Cả gian phòng rộng chật người bỗng trỉu một nỗi im lặng nặng nề.

---

<sup>(1)</sup> You therefore must be perfect, as your heavenly Father is perfect.

Lấy lại bình tĩnh, người cha nói tiếp:

- Thế rồi, một hôm tôi chợt ngộ ra, chợt tìm thấy câu trả lời cho câu hỏi đầy than oán trách móc của tôi. Vâng, tôi ngộ được điều đó vào buổi sáng Chúa Nhật, khi đưa con trai tôi ra công viên. Bấy giờ có một nhóm chừng chục đứa trẻ cùng trang lứa với con tôi đang chia làm hai phe đá banh.

Con tôi hỏi: “Con vô chơi chung được không?” Ai đòi lại xin chơi với nhóm trẻ không quen?! Nhưng nhìn ánh mắt khẩn khoản và vẻ mặt háo hức của con trai, tôi biết mình chẳng thể làm gì khác hơn là ngần ngại đi tới gặp đứa trẻ lớn nhất trong nhóm, có vẻ như đầu đàn.

Tôi nói vắn tắt rằng con tôi không được khỏe mạnh lắm, nhưng muốn xin chơi chung. Lúc ấy, đám trẻ đã bỏ dở cuộc vui, tụm lại quanh đứa đầu đàn để hóng chuyện.

Tôi nói xong, chú nhỏ chỉ làm thinh. Chú liếc con tôi rồi quay lại, đảo mắt nhìn khắp đám bạn, như dò xét ý tứ. Cả nhóm chẳng nói gì, nhưng có vài cháu gật đầu.

Thế là con trai tôi được nhập bọn. Cháu hào hứng chạy lúp xúp theo chân đám trẻ. Trái banh nhựa cứ lăn kêu bình bịch phía trước cháu, bên trái cháu, bên phải cháu, hay sau lưng cháu... Con tôi không sao bắt kịp. Cháu cứ lết đệt đuổi theo hướng này rồi đổi sang hướng khác. Chẳng mấy chốc, mồ hôi đã ướt đầm lưng áo, và cháu dừng lại thở dốc, gương mặt nhễ nhại đổ bưng, nhưng cháu cứ tươi cười sung sướng dù bàn chân chưa hề chạm được trái banh.

Lúc đó, đứa trẻ mà tôi cho là đầu đàn khoát mạnh tay làm hiệu. Một trẻ khác liền lăn trái banh về phía chú. Chú nhỏ liền bê trái banh đi về chỗ con tôi đứng, đặt ngay dưới



chân con tôi. Và chú giơ chân làm hiệu, ra dấu cho con tôi đá trái banh.

Con tôi vụng về quệt bàn chân vào khối cầu bằng nhựa dẻo. Trái banh chao đi một chút rồi thôi. Chú nhỏ đầu đàn nhặt trái banh để lại dưới chân con tôi và chỉ cách cho con tôi co chân đá mạnh. Khi trái banh văng ra phía trước, lũ trẻ vỗ tay hò reo và đuổi theo nhặt về cho con tôi được đá thêm lần nữa...

Thưa quý ông, quý bà, như thế đâu phải là đá banh! Nhưng có hề chi! Lũ trẻ chẳng quan tâm, con tôi lại càng chẳng thêm quan tâm. Cháu rất vui, có lẽ chưa bao giờ cháu được vui như thế. Và tôi cũng vui nữa, tôi cười theo con tôi mà nước mắt làm nhòe nhoẹt những hình ảnh sống động của các thiên thần bé nhỏ trên bãi cỏ công viên.

Nén xúc động, người cha mím môi thở sâu rồi kết thúc câu chuyện:

- Thưa quý ông, quý bà, sáng hôm đó tôi chợt ngộ ra một điều: Khi Thượng Đế mang một đứa trẻ khuyết tật vào cõi đời chúng ta, Thượng Đế muốn tìm thấy sự hoàn hảo trong cách thế mà mọi người chúng ta đối xử với đứa trẻ không hoàn hảo.

26-12-2011

CGvDT số 1839, ngày 30-12-2011

## ÍT MÀ NHIỀU

Chuyện xưa này rất nhiều người biết:

Tổ thứ hai mươi tám dòng thiền Ấn Độ và sơ tổ thiền tông Trung Quốc là Bồ Đề Đạt Ma (*Bodhidharma*, 470-543). Tới Trung Quốc năm 520, Tổ gặp Lương Võ Đế trước khi lên núi Tung Sơn, ngồi quay mặt vào vách đá chín năm trong động Thiếu Thất.

Lương Võ Đế (464-549) trị vì bốn mươi bảy năm (502-549), rất sùng mộ đạo Phật. Tương truyền vua đã cho cất được bảy mươi hai cảnh chùa. Khi gặp Tổ, vua hỏi:

- Từ khi lên ngôi đến nay, trẫm xây chùa, in kinh, ủng hộ tăng ni nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Vậy có công đức gì không?

Tổ đáp:

- Không có công đức.

Câu chuyện này còn thêm một đoạn nữa, và xưa nay được nhiều người bình luận khác nhau. Nhưng chúng ta tạm dừng ở câu trả lời “phủ phàng” trên đây của Tổ.

Không thể phủ nhận rằng những của cải mà vua Lương dốc vào làm công quả, phụng sự Phật pháp là rất lớn, rất nhiều. Vua quả là một đại thí chủ khó có ai “cạnh tranh”. Tuy nhiên, chúng ta hiểu rằng vua lấy của cải trong quốc khố mà làm công quả, tức là lấy tiền thuế của dân chúng. Do đó, công quả của vua Lương nhiều mà ít, lớn mà nhỏ.

Chuyện này cũng rất nhiều người biết:

A Xà Thế (*Ajātasatru*) làm vua nước Ma Kiệt Đà (*Magadha*) ở miền Bắc Ấn Độ. Trong tám năm cuối cùng

của Phật Tổ khi Đức Thế Tôn còn hoàng pháp giữa cõi ta bà, vua có duyên tu theo Phật và rất nhiệt tâm phụng sự Phật pháp.

Một hôm, vua tổ chức đại hội hoa đăng để kính dâng Như Lai và giáo hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn, với ý nghĩa ánh sáng đạo pháp tỏa rộng đến đâu thì bóng tối vô minh bị xóa nhòa đến đó.

Xế chiều ấy, một bà lão ăn xin biết tin rằng kinh thành sẽ mở đại hội hoa đăng. Xét phận mình, thấy chưa từng làm được một công quả nhỏ nhứt nào, bà phát tâm bồ đề, liền đem hết số tiền ít ỏi xin được trong ngày để mua dầu thắp đèn cúng dường Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng).

Thấy bà lão chỉ có vòn vện hai đồng tiền mọn mà chịu nhịn đói để góp lòng thành vào đêm hoa đăng, người bán cảm động, bèn tặng bà thêm ba đồng tiền dầu kèm cái đèn nhỏ. Bà lão mang đèn đến tịnh xá, hướng về Đức Phật và lập đại nguyện kiếp sau sẽ tu thành Phật.

Số đèn của nhà vua được quân lính luân phiên châm dầu, thay tim cẩn thận, nhưng không tránh khỏi nhiều ngọn bị gió thổi tắt, hoặc bén lửa cháy rụi...

Tuân lời Đức Thế Tôn, sáng sớm hôm sau tôn giả Mục Kiền Liên (*Moggallāna*) bước ra ngoài tịnh xá, lần lượt đi tắt hết những ngọn đèn còn cháy.

Khi đến trước cây đèn nhỏ của bà lão ăn xin, tôn giả quạt mạnh ba lần, đèn vẫn không tắt. Tôn giả cầm vạt cà sa và dùng phép thần thông quạt thêm lần nữa, đèn càng rực sáng hơn. Chúng ta nhớ, trong mười đại tông đồ của Đức Phật, tôn giả Mục Kiền Liên là vị thần thông đệ nhất (phép thuật cao cường hơn hết).

Lúc ấy, Đức Phật vừa đến bên cạnh và dạy:

- Dù đem hết phép thần thông con vẫn không thể tắt được ngọn đèn này, vì đó là ánh sáng công đức của một vị Phật sẽ thành.

Chúng ta thừa biết cây đèn bé nhỏ của bà lão ăn xin nghèo khổ chỉ có một ít dầu, nhưng nó đã sáng bền suốt cả đêm dầu không được ai châm thêm chất đốt. Hơn thế nữa, gió không thể thổi tắt nó, kể cả cơn gió lớn từ phép màu của vị tông đồ nổi tiếng là thần thông đệ nhất.

Do tâm thành và đại nguyện, công quả của bà lão ít mà nhiều, nhỏ mà lớn.

Câu chuyện thứ hai nhắc chúng ta liên tưởng tới một trường hợp được chép lại trong Phúc Âm như sau:

*“Ngược mắt lên nhìn, Đức Giêsu thấy những người giàu đang bỏ tiền dâng cúng của họ vào thùng tiền. Người cũng thấy một bà góa túng thiếu kia bỏ vào đó hai đồng tiền kẽm. Người liền nói: ‘Thầy bảo thật anh em. Bà góa nghèo này đã bỏ vào nhiều hơn ai hết. Quả vậy, tất cả những người kia đều rút từ tiền dư bạc thừa của họ mà bỏ vào dâng cúng; còn bà này, thì rút từ cái túng thiếu của mình, mà bỏ vào đó tất cả những gì bà có để nuôi sống mình.’”* (Luca 21:1-4)

Hai đồng tiền của bà góa nghèo ấy cũng to tát chẳng khác chi một xu bolivar được tặng cho Mẹ Teresa (giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1979).

Lần nọ, Mẹ gặp một người ăn xin. Cả ngày kẻ khốn khổ này chỉ xin được một đồng xu

bolivar.<sup>(1)</sup> Giúi đồng xu vào tay Mẹ, ông nói:

- Con tặng Mẹ hết những gì con có. Mẹ hãy nhận lấy đem giúp người nghèo của Mẹ.

Mẹ thổ lộ:

- Trong thâm tâm tôi cảm thấy con người khốn khó kia đã trao cho tôi còn nhiều hơn cả giải thưởng Nobel, bởi vì ông cho tôi tất cả những gì ông có. Chắc hẳn tối hôm đó chẳng ai cho ông thêm tí gì nữa và ông phải ôm bụng đói đi ngủ.<sup>(2)</sup>

12-11-2011

CGvDT số 204, tháng 12-2011

---

<sup>(1)</sup> *Bolivar*: Tiền nước Venezuela, tương đương khoảng 0,23 Mỹ kim (tỷ giá ngày 26-5-2012).

<sup>(2)</sup> In my heart I felt that the poor man had given me more than the Nobel Prize because he gave me all he had. In all probability, no one gave him anything else that night and he went to bed hungry.

## KHAO KHÁT

*Phúc thay những ai khát khao  
được nên người công chính,  
vì Thiên Chúa sẽ cho họ thỏa lòng.*

Matthêu 5:6

Khát khao (hay khao khát) tức là thèm muốn mãnh liệt. Trong bản tiếng Anh, theo *New International Version* (NIV), câu Kinh Thánh Matthêu 5:6 dẫn trên được in như sau: “*Blessed are those who hunger and thirst for righteousness, for they will be filled.*” Chúng ta ngầm hiểu câu kinh này hàm ngụ một cách ví von, so sánh: Ai mà thèm muốn công chính y hệt như kẻ đói thèm ăn, kẻ khát thèm uống thì họ sẽ được toại nguyện.

Như thế, thử hỏi ngược lại: Khi nào, hay với điều kiện gì thì con người được Thiên Chúa nhậm lời ban ơn cho mình? Câu trả lời là: Tù vào mức độ mình khao khát mong cầu.

Thông thường, khi đói khát phần đông người ta chỉ còn nghĩ tới miếng ăn miếng uống và cố gắng giải quyết nhu cầu này bằng mọi cách. Có người bảo rằng ở châu Phi, họ từng chứng kiến một đàn hươu tử chiến với sư tử chỉ để giành một vũng nước trên bãi hoang khô nẻ. Vậy, lấy nỗi thèm ăn thèm uống để làm “thước đo” mức độ ham muốn mãnh liệt của con người âu cũng là một cách thích hợp.



Và đây là chuyện tôi nghe:

Một thanh niên tìm đến đạo viện danh tiếng nọ, khẩn khoản xin gặp vị đạo sư làm chủ nơi ấy.

Ngắm tướng tá chàng trai một thoáng, đạo sư hỏi:

- Anh thực sự muốn gì?

- Thưa thầy, nhiều năm nay con khao khát tìm đạo. Con muốn tu cho đắc đạo ngay trong kiếp này.

- Anh có chắc không? Đã nghĩ kỹ chưa?

- Lòng con đã quyết, xin thầy từ bi nhận con làm đệ tử.

Đạo sư dắt thanh niên đi về phía sau đạo viện, có một nhà nhỏ ẩn khuất giữa những lùm cây khóm lá xum xuê. Đây là loại “cốc” dành cho một người tu luyện, biệt lập chung quanh, bốn vách xây kín bung, chỉ chừa lỗ thông khí trên cao và cánh cửa gỗ nhỏ đóng im ỉm. Trong cốc có chỗ vệ sinh, ngọn đèn thấp tù mù, chiếc đệm ngồi thiềm. Đạo sư bảo chàng trai vào đó, căn dặn:

- Anh tạm nghỉ nơi đây. Ta sẽ khóa trái cửa để không ai quấy rầy anh. Cạnh cây đèn là nút chuông. Sau khi đã nghĩ suy thật chín chắn thì bấm chuông gọi ta.

Chàng trai đành làm tù nhân bất đắc dĩ trong không gian hẹp, lờ mờ, với chai nước lã cầm hơi.

Chưa hết nửa ngày thứ ba, chuông trong phòng đạo sư kêu ré lên. Đạo sư đích thân đi tới cốc, mở cửa ra:

- Anh sẵn sàng học đạo chưa?

Anh lắp bắp, giọng run run:

- Đói! Đói quá! Cho con ăn...

Buổi chiều hôm ấy, sau giờ công phu trong chánh điện, đạo sư bảo môn đệ nán lại một chút. Đạo sư nhỏ nhẹ bảo:

- Thông thường chúng ta ăn ngày ba bữa. Nhưng lắm khi chúng ta còn ăn nhiều hơn thế. Ngày nào thiếu ăn chúng ta không chịu được. Khi nào đau yếu, hay do hoàn cảnh khó khăn, chúng ta buộc phải ăn ít đi thì lúc khác chúng ta sẵn sàng ăn “trả bữa” hay ăn... “trả thù”. Chúng ta đều thấy như thế là rất tự nhiên.

Trái lại, trong việc học tu, phần đông chúng ta hay khoan dung với bản thân. Nếu vì lẽ gì đó chúng ta thiếu sót một giờ tu, vượt mất một buổi tu, chúng ta chẳng hề thấy đói thấy khát chi cả, và vì thế cũng chẳng muốn tu nhiều thêm một chút để gọi là bù đắp vào chỗ thiếu hụt đó. Vậy chúng ta đừng ngạc nhiên rằng tại sao xưa nay người tu tuy nhiều mà thành đạo vẫn ít.

30-12-2011

CGvDT số 1840-1841

## LÁ CỜ HIỆU

*Than ôi! Phù sinh một kiếp ai đã chắc trăm năm! Dù có trăm năm đi nữa, ai đã thấy cảnh thiên đường cực lạc để cho kiếp sống được hạnh phúc vinh quang? Hay là chỉ thấy những việc khổ đau, những điều tráo chác lẫn quần loanh quanh trong bả lợi danh vinh nhục? Rốt cuộc tay trắng buổi sơ sinh đến phút cuối cùng vẫn hoàn đôi tay trắng.<sup>(1)</sup>*

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư

Anh theo bố mẹ rời miền sông nước An Giang lên sống luôn ở thành phố này hơn bốn mươi năm, từ cái hồi hai bên con đường nối từ chân Cầu Bông đổ dốc xuống Lăng Ông Bà Chiêu còn trống trải, bày ra những vạt rau muống.

Lớn lên cùng thành phố, nhưng anh chậm nắm bắt kịp thời những thay đổi trong nếp sống thị dân. Khi ai đó nói ra rồi anh mới ngỡ ngàng “À, à...” để gián tiếp thú nhận sự trẻ bước của mình.

Tệ nữa là đôi lần anh hơi hào hứng nêu nhận xét về chút đổi khác của đô thị, ra về mình vừa phát hiện được cái mới, thì bạn liền cười: “Xưa rồi Diễm!”

Chung quy có lẽ do anh kém quan sát, thiếu nhận xét tinh tường. Thế nên, khi ông bạn già hỏi anh có biết mấy lá cờ ấy người ta bắt đầu treo từ hồi nào không, thì anh chịu!

Ông bạn già và anh đang nói về những lá cờ vuông vuông treo đầu ngõ khi trong xóm có đám tang. Anh vẫn thường gặp những lá cờ như thế hàng ngày trong thành

phố. Lắm hôm trên cùng một quãng đường không dài lại đến những hai lá.

Tập tục treo cờ hiệu cho đám tang khởi đầu bao giờ anh không biết, nhưng khi chú ý tới thì nhận ra quen mắt lâu rồi.

Cờ nền đen hoặc tím thẫm, đoán rằng tang chủ người Công Giáo. Bằng không, cờ kết vải đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, gọi nghĩ những lá cờ treo đình làng dịp lễ hội.

Nhà thành phố chen chúc, hẻm hóc góc gác đan xen. Có việc đi phúng viếng mà lạ đường lạ lối, chỉ cần nhìn thấy lá cờ từ xa cũng dễ định vị.

Giọng ông bạn bùi ngùi:

- Mới tiền một lão bằng hữu sáng nay. Gắm lại, trong chỗ thân tình với mình, những kẻ đang chờ xếp hàng còn thừa quá. Mỗi lần đi viếng một người thân quen, nhìn lá cờ báo tang, tôi lại lẩn thẩn nghĩ rằng nó còn là một thông điệp nhắn gửi bọn già chúng tôi.

Anh nắm chặt bàn tay khô ráp của ông bạn, không khỏi chạnh lòng. Ngẫu nhiên mà đây chẳng phải là ý nghĩ riêng ông. Chính anh, mỗi khi dọc đường bắt gặp lá cờ báo tang, lại hay vẫn vợ nghĩ đến bố mẹ tuổi cao, và đến cả thân mình.

Anh bây giờ chưa gọi quá già nhưng tháng ngày trẻ trung rõ đã trôi xa vào dĩ vãng. Những ước mơ và kế hoạch chưa hoàn tất, những cái người xưa bảo là “*bán đồ nhi phé*”, là bỏ cuộc nửa đường, cứ dồn thêm nhiều trong lúc anh không biết mình còn được bao nhiêu thời gian nữa để làm cho xong phần nhỏ nào của ngân ấy những dở dang.

23-01-2007 / CGvDT số 1594, ngày 26-01-2007

<sup>(1)</sup> Minh Lý Thánh Hội, ngày 21-5-1969.

## MỘT BÀI THƠ HAY MÀ THIẾU TÊN TÁC GIẢ

E-mails là bằng chứng về tính hai mặt của cuộc đời. Những thư rác luôn là chút phiền nhiễu hàng ngày, nhưng cùng lúc e-mails lại mang tặng chúng ta những niềm vui nho nhỏ bất ngờ. Chẳng hạn, có bạn thích mượn e-mails làm phương tiện duy trì mối quan hệ thân quen. Bằng cách này, thay vì những câu hỏi thăm khuôn sáo, bạn gửi cho chúng ta một video clip tiêu tếu, một mẫu viết ngắn của ai đó mà bạn cho rằng ý nhị, và cũng đáng chia sẻ với nhau.

Mới rồi, bạn phương xa chuyển cho tôi hai mươi câu thơ, kèm nhắn nhủ là “Đọc chơi cho vui.” Ừ, thì đọc. Tôi nghĩ bụng.

Đó là bài thơ của một người nước ngoài, tiếng Anh. Có lẽ bạn tôi tình cờ nhặt được đâu đó trên mạng, và lẽ thường, những gì nhặt nhanh ngẫu nhiên thế hay bị bỏ quên xuất xứ, bị sót tên tác giả.

Tôi thấy bài thơ hay lắm, bèn chuyển ngữ như sau:

*Một bài hát khuấy động phút giây  
Một đóa hoa gợi nên mơ mộng  
Một cây nhỏ làm thành khoảnh rừng  
Một cánh chim báo hiệu mùa xuân.  
  
Một nụ cười mở đầu tình bạn  
Một xiết tay nâng đỡ tâm hồn  
Một ánh sao soi đường giữa biển  
Một lời nói định hướng cuộc đời.*

*Một lá phiếu thay đổi quốc gia  
Một tia nắng soi sáng gian phòng  
Một ánh nến xua tan bóng tối  
Một tiếng cười phiền muộn cũng qua.*

*Một bước chân mở ra hành trình  
Một lời nói xướng thành câu nguyện  
Một hy vọng vực dậy tinh thần  
Một tiếp xúc tỏ lòng quan tâm.*

*Một tiếng nói có thể khôn ngoan  
Một con tim biết đâu là thật  
Một mảnh đời có thể được nên  
Những điều ấy CÒN TÙY Ở BẠN! <sup>(1)</sup>*

07-01-2012

CGvDT số 1841-1842, ngày 12-01-2012

---

<sup>(1)</sup> One song can spark a moment,/ One flower can wake the dream./ One tree can start a forest,/ One bird can herald spring.

One smile begins a friendship,/ One handclasp lifts a soul./ One star can guide a ship at sea,/ One word can frame the goal.

One vote can change a nation,/ One sunbeam lights a room,/ One candle wipes out darkness / One laugh will conquer gloom.

One step must start each journey,/ One word must start each prayer./ One hope will raise our spirits,/ One touch can show you care.

One voice can speak with wisdom,/ One heart can know what's true,/ One life can make the difference,/ You see, IT'S UP TO YOU!

## MỘT CHÚT TÌNH CỜ

*Trời có nói gì đâu...* <sup>(1)</sup>

Đức Không Tử

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Bác sĩ đã lên lịch và mẹ chị sẽ phải mổ não vì chứng phình mạch làm xuất huyết (*bleeding aneurysm*). Sau đó, mẹ sẽ phải nằm viện nhiều tháng dài để được hồi phục. Bác sĩ bảo chỗ phình mạch của mẹ khá lớn, nguy cơ khi mổ não vì thế cũng nhiều hơn. Chị còn được biết trong những trường hợp tương tự như mẹ, tỷ lệ sống sót và hồi phục hoàn toàn chức năng thường rất thấp. Lo sợ trăm bề, chị chỉ còn biết thành khẩn cầu nguyện.

Những ngày này chị hay tìm con đường vắng vắng để bách bộ, mong giảm bớt căng thẳng. Một hôm đang thong thả bước trên vỉa hè dọc theo bờ tường dài rợp bóng cây, chị giật nảy mình khi có chiếc xe chọt trờ tới sát bên. Người đàn ông nở nụ cười thân thiện và chị trấn tĩnh khi thấy ánh mắt người lạ có vẻ hiền lành. Móc trong túi áo ra mảnh giấy, ông ta chìa cho chị xem một địa chỉ:

- Chị biết chỗ này không? Trước đây tôi thường tới đó...  
Bây giờ đường sá lạ quá!

---

<sup>(1)</sup> *Thiên hà ngôn tai. 天何言哉.*

Chị không khỏi ngạc nhiên khi người lạ nói luôn một hơi như phân trần:

- Vả lại, năm ngoái tôi mới mổ não vì chứng phình mạch. Bây giờ tôi hồi phục hầu như hoàn toàn, vẫn lái xe được... Chỉ có điều đôi lúc trí nhớ hơi lồi thoi như thế này.

Chị ngẫm nghĩ một chút, rồi mượn ông ta cây bút bi, hí hoáy vẽ phác một bản đồ lên mặt sau mảnh giấy. Ông ta cảm ơn và lái xe đi tiếp, sau khi nói thêm một câu, như nhấn nhủ:

- Đi bộ nhiều như chị rất tốt cho bộ não.

Chị rảo bước, tiếp tục lộ trình dang dở. Đi thêm một đoạn ngắn, chị bỗng khựng lại khi nghĩ tới câu chuyện của người lạ tình cờ mới gặp. Chị ứa nước mắt. Có lẽ Thượng Đế đã gửi ông ta đến để chuyển cho chị một thông điệp, bảo rằng mẹ chị sẽ vượt qua, cũng như ông ta đã vượt qua. Chị cảm thấy lòng nhẹ nhõm, thấy được an ủi khôn xiết.

Chấp tay lên ngực, chị ngẩng lên bầu trời xanh ngắt trên cao, thầm tạ ơn Trời Phật. Dung không chị nhớ tới câu nói của ai đó, đã đọc trong cuốn sách nào đó:

*“Những tình cờ ngẫu nhiên xảy đến trong đời ta chính là cách thâm kín Thượng Đế cứu giúp ta, vì Ngài luôn giấu mặt, im hơi lặng tiếng.”* <sup>(2)</sup>

01-4-2009

CGvDT số 1701, ngày 03-4-2009.

---

<sup>(2)</sup> Mượn ý Diana Mason Bruhn, “*Coincidence on a Country Road*”, 2001.

## NGÀY TRỌNG ĐẠI

*Ngày gặp may mắn, hãy cứ vui hưởng.  
Ngày bị rủi ro, hãy gẫm mà xem:  
Ngày nào cũng do Thiên Chúa làm nên...*

Giăng Viên 7:14

*Đây là ngày Chúa đã làm ra,  
nào ta hãy vui mừng hoan hỷ.*

Thánh Vịnh 118:24

Đây là chuyện tôi nghe:

Cậu em rể lấy ra từ ngăn kéo tủ chiếc áo lụa vàng nõn nà trao cho chị. Chiếc áo mới tinh, mẫu giấy nhỏ in giá bán vẫn còn dính trên cổ áo bằng một sợi cước nylon thật thanh mảnh.

- Em mua tặng cô ấy đã lâu, nhân sinh nhật năm trước. Cô ấy thích lắm, nói áo đẹp và sang quá, nên cứ để dành đợi khi nào có dịp gì thật trọng đại mới mặc cho xứng đáng. Bây giờ chẳng phải là dịp trọng đại thì còn chờ lúc nào nữa!?

Chị cắn môi nén khóc khi nghe lời nói đón đầu như trách móc, rồi cùng em rể cẩn thận đỡ em gái chị lên để choàng vào thi hài tấm áo mới.

Sau lễ tang, chị suy gẫm hoài lời nói của em rể: “Chớ nên để dành bất kỳ thứ gì chờ dịp trọng đại. Mỗi ngày ta sống há chẳng phải là một dịp trọng đại sao?”

Từ đó, chị như kẻ xài sang. Những chén đĩa sứ mỹ miều xưa nay chỉ được lấy khỏi tủ khi đãi tiệc, chị bắt đầu đem ra dùng trong bữa cơm thường ngày. Những chai dầu thơm đắt tiền chỉ đựng tới khi đi ăn cưới, liên hoan, tết nhất... chị cũng lần lượt mở nút.

Chị đi làm, bạn bè hỏi:

- Sao bữa nay bà bánh thế?

Chị cười:

- Hôm nay là một ngày trọng đại.

Và đối với chị ngày nào cũng trọng đại. Chị tự nhắc nhở mình đừng nại ra lý do này lý do kia để cốt hoãn lại bất kỳ việc gì tốt mà chị biết là cần nên làm. Đi thăm người quen lâu ngày không gặp. Viết thư cho bạn ở xa. Gọi điện thoại về hỏi han bố mẹ. Đưa các con về chơi với ông bà... Khi muốn bộc lộ tình cảm thương yêu, trù mến với gia đình, người thân thì chị cũng không ngần ngại nữa, vì chị nghĩ biết đâu sẽ không còn dịp nào bày tỏ.

Mỗi sáng thức dậy, chị bắt đầu một ngày bằng cách tự nhủ thầm câu kinh nhật tụng:

- Hôm nay là một ngày trọng đại. Mỗi giây, mỗi phút, mỗi hơi thở vô thờ ra của ta chính là bảo vật Trời ban.<sup>(1)</sup>

24-6-2008

CGvDT số 1663, ngày 29-6-2008

---

<sup>(1)</sup> Phỏng theo “A Story to Live by” của Anne Wells.



## NGƯỜI HIẾM CÓ

*Tôi biết rằng sự thiện không ở trong tôi,  
nghĩa là trong xác thịt tôi.*

Thư Gửi Tín Hữu Rôma 7:18

\*

Chờ tôi đi thăm một bạn đồng nghiệp nghỉ hưu, anh bảo:

- Mình đi tắt, gần hơn mà ít xe. Đường nhỏ nhưng thường thông thoáng.

Từ phía Lăng Ông Bà Chiêu, qua khỏi trường học, gần tới Cầu Bông thì anh rẽ phải vào đường Vũ Huy Tấn. Sắp quẹo trái để lên cầu Hoàng Hoa Thám, gặp đèn đỏ, anh dừng lại. Ngồi phía sau, gãi gãi vào lưng áo anh, tôi trêu:

- Đường vắng, không cảnh sát giao thông, ngoan thế!

Trời đang nắng. Anh cười hì hì, chẳng nói gì, nhả nài đợi đèn xanh mới cho xe chạy lên cầu.

Cùng ngồi uống trà trong nhà người bạn ở Xóm Chùa, tôi kể lại chuyện chấp hành luật lệ giao thông của anh. Chủ nhà gật gù khen, giọng chẳng hề giễu cợt:

- Người hiếm có! Hiếm có!

Uống xong chén trà, ông giáo già nói thêm:

- Mà phải như vậy thôi.

Anh gật đầu, tỏ ý tán thành. Hai người vốn là tri kỷ, làm bạn tu tại gia (cư sĩ) với nhau bấy lâu, tôi đoán mình sắp được nghe một chủ đề vượt ra ngoài phạm vi đèn xanh đèn đỏ.

Quả nhiên, anh thủng thỉnh mở lời:

- Thấy cảnh sát thì mình không phạm luật. Vắng bóng họ, mình chạy ẩu. Phần đông chúng ta đều làm như thế trong cuộc sống. Vô chùa thất, vào nhà thờ nói chung ai cũng cung kính, cẩn thận khi đứng trước tượng Phật, Chúa, Thánh Thần; nhưng hễ bước ra ngoài thì hay lung tung. Chúng ta tôn kính hình ảnh, cốt tượng Đấng thiêng liêng trên bàn thờ nên biết giữ gìn mồm miệng, cử chỉ, hành vi. Trái lại, khi ở một mình, hoặc cho rằng không ai thấy ai biết, chúng ta dễ mắc lỗi, dễ sai quấy. Giá như chúng ta biết tin chắc, tin mạnh mẽ rằng trong chính ta lúc nào cũng thường trực có mặt một vị Phật, Chúa, Thánh Thần vô hình, một đấng *Impersonal God*, thì ta còn cẩn thận, giữ gìn hơn cả khi đứng trước một bàn thờ hữu hình trong thánh đường.

Chủ nhà rót thêm cho anh chén nước, gục gặc đầu tỏ vẻ đắc ý, và phụ họa:

- Hồi mới nhập môn Cao Đài, tụng Kinh Sám Hối, có hai câu tôi không hiểu: “*Biết chước quỷ đánh lừa cám dỗ / Yếu đức tin nên phải lụy mình.*” Sau này tôi mới vỡ lẽ như anh vừa nói. Nếu ta vững đức tin rằng trong thân xác ta đang có và luôn có Đấng thần minh ngự trị thì ta sẽ cố giữ mình để khỏi phạm lỗi. Có lần tôi đọc được câu này trong bài giảng của một vị mục sư người Mỹ: “*Temptation is not sin, but a trial of my faith.*” (Cám dỗ không phải là tội lỗi, mà là một thử thách đức tin của tôi.) Nói được như thế quả là đạt đạo. Nếu đức tin vào Phật Chúa nội tại (*immanent*) trong ta vững mạnh thì ta không dễ bị cám dỗ để vấp ngã, phạm tội.

Anh trầm ngâm một lúc rồi nhìn tôi, nói như tâm tình:

## NHƯ TÁCH CÀ PHÊ

- Học đạo, có những câu đơn giản lắm! Có khi mình hiểu liền; có khi phải trải qua một thời gian chiêm nghiệm sau những trầy trật bản thân, bấy giờ mới bừng ngộ, nên càng thấm thía. Đức Tôn Sư dạy chúng tôi tu thiền là Đông Phương Lão Tổ. Hồi cuối năm Ất Ty (1965), khi khuyên chúng tôi phải luôn đề cao cảnh giác, kéo dể phạm lỗi, Ngài dạy: “*Ở đời mạt kiếp này, đã là người thì không ai khỏi lỗi. Nhích chon, há miệng đã gây nên tội lỗi rồi, cần gì phải hành động?*” Đó không phải là lời nói cường điệu. Hồi xưa, trong thư gửi tín hữu Rôma, Thánh Phaolô viết: “*Tôi biết rằng sự thiện không ở trong tôi, nghĩa là trong xác thịt tôi.*” Lúc đầu, mới tập đọc Kinh Thánh, tôi không hiểu vì sao trong một vị Thánh tông đồ mà lại có điều bất thiện. Lần hỏi, tu học thêm được chút ít, tôi nghĩ Thánh Phaolô dạy như thế có lẽ để nhắc nhở chúng ta rằng trong con người phạm tục vốn chất chứa nhiều ham muốn, nên chúng ta có xu hướng dễ phạm lỗi, mắc tội.

Chủ nhà tán thành:

- Mở đầu sách *Trung Dung* của đạo Khổng có mấy chữ này: “*Cố quân tử thận kỳ độc dã.*” Đại khái mình hiểu là người quân tử dù ở lẻ loi một mình cũng rất cẩn thận giữ gìn, không để dễ dãi phạm lỗi rồi mới đi tụng Kinh Sám Hối. Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ dịch câu chữ Nho này thành lục bát quá hay: “*Nên dù chiếc bóng tịch liêu / Đã là quân tử chẳng xiêu lòng vàng.*”

18-9-2011

CGvDT số 1826, ngày 23-9-2011

*Bởi lẽ, khi bạn đang so sánh, khi bạn đang cân đong đo đếm chính mình với “cái nên là” hay “cái đã và đang là” thì bạn không thấy được cái thật sự là.*<sup>(1)</sup>

Krishnamurti (1895-1986)

Đây là chuyện tôi nghe:

Một hôm, nhóm bạn học đồng môn điện thoại rủ nhau cuối tuần đến thăm thầy giáo cũ.

Thầy họ đã già, đang nghỉ hưu. Nhiều năm xa cách từ buổi ra trường, nay gặp lại nhau do một quyết định ngẫu hứng, thầy trò đều rất vui. Câu chuyện hàn huyên cứ tự nhiên lan man từ người này sang người khác, như thuở nào cùng tụm bầy tung hứng một trái banh trong giờ ra chơi.

Ít nói hơn cả, thầy giáo chăm chú lắng nghe, thỉnh thoảng mỉm cười, gật gù khuyến khích nhóm môn sinh cũ thoải mái bộc lộ tâm tình. Chẳng mấy chốc, thầy đã có thể nắm bắt được toàn cảnh cuộc sống hiện nay của họ. Những người trẻ này đều thành đạt trên đường đời, hiểu theo nghĩa có đủ cả danh vọng và tài sản. Nhưng dường như họ vẫn

---

<sup>(1)</sup> Because when you are comparing, when you are measuring yourself with “what should be” or “what has been,” you are not seeing what is. (*The Collected Works*, Vol. 17, p. 182.)

chưa mãn nguyện với những gì họ đang có. Len lỏi giữa những mẩu chuyện họ đổi trao là lời ca cẩm, tiếng than phiền, giọng trách móc về công việc, về gia đình... Thầy không khỏi nghĩ rằng sự thành đạt của họ giống như một sân khấu hoành tráng đang che đậy phía sau một hậu trường luộm thuộm, nhếch nhác, xô bồ.

Thầy đứng dậy, lịch sự bảo học trò cũ thứ lỗi cho thầy năm, mười phút, rồi bước vào trong. Không lâu sau, thầy trở ra, khệ nệ trên tay một khay lủ khủ những tách cà phê bốc khói thơm lừng. Đặt khay giữa bàn, thầy ôn tồn nói:

- Thầy mới được người ta biểu cho thứ cà phê này ngon tuyệt. Các em nếm thử xem sao. Có điều đừng cười thầy nhé! Nhà thầy thanh bạch, cốc tách chả ra làm sao, không cái nào giống cái nào vì chẳng phải cùng một bộ ấm chén.

Học trò cười vui thông cảm khi thấy trên khay nào tách lớn tách bé, tách cũ tách mới, gốm sứ có, thủy tinh có... Nhưng nhấp cà phê rồi, họ nhìn nhau, gật đầu tỏ ý khen ngon, rất ngon!

Thầy giáo nhoèn miệng cười, thủng thỉnh nói:

- Ngon đây chứ, phải không các em? Dù cái tách trên tay các em xấu đẹp hay cũ mới khác nhau, chất lượng cà phê trong tách vẫn y hệt nhau. Lúc các em thò tay vào khay, hầu như em nào cũng kín đáo liếc nhanh để chọn cho mình cái tách tốt hơn cả. Thầy cố ý mang ra nhiều tách hơn số người có mặt, và rút cuộc, trên khay còn chừa lại hai cái tệ nhất vì mẻ miệng, sứt quai. Nhưng cà phê trong đó vẫn cùng một thứ rất ngon như các em đang thưởng thức.

Cái tách từng em đã chọn thật sự không ảnh hưởng gì tới chất lượng cà phê nó chứa đựng. Thứ các em thật sự muốn

là cà phê ngon nhưng đồng thời các em lại kén chọn vật chứa nó. Khi nâng tách lên miệng, có em còn liếc mắt xem tách bạn mình tốt hay xấu hơn mình. Những nguyên nhân phiền não trong cuộc sống chúng ta cũng đến theo cách như thế thôi.

Ý vị cuộc sống đời ta ví như cà phê. Nghề nghiệp, tiền tài, địa vị xã hội ví như những cái tách chứa cà phê. Đôi khi chúng ta quá bận tâm tới cái tách mà quên để cho lòng mình thanh thản thưởng thức hương vị cà phê. Không tiền thì rất khổ, nhưng biến đời mình thành cỗ máy in tiền thì còn khổ hơn nữa kìa. Vì như vậy tức là mình mất đi ý vị cuộc sống hay hạnh phúc.

Người thật sự hạnh phúc nhất vẫn đâu có được hết những gì tốt nhất trên đời. Thế nhưng chúng ta có thói quen hay so sánh những gì ta có với những gì người khác có để so đo xem ta hay họ, ai hạnh phúc hơn ai.

Thầy nhớ, Krishnamurti có lần nói: “So sánh sản sinh ra thói tranh cạnh, lòng tàn nhẫn, khát vọng, thế mà chúng ta cho rằng điều ấy mang lại tiến bộ.” Thế nên, ông khuyên: “Nuôi nấng, dạy dỗ trẻ con mà không so sánh mới là giáo dục đích thực.”<sup>(2)</sup>

22-5-2012

CGvDT số 1859, ngày 25-5-2012

---

<sup>(2)</sup> ... but comparison breeds competitiveness, ruthlessness, ambition, which we think brings about progress. (...) To bring up children without comparison is true education.

## NHỮNG CÂY BÚT CHÌ

Đây là chuyện tôi nghe:

Sau thời gian dài nhiều năm chuyên cần tu tập, một nhóm nhỏ tu sĩ được đạo sư cho phép xuống núi để bắt đầu đem những điều đã tu học ra thực nghiệm giữa cuộc sống đảo điên, tráo chác và bất trắc ở thế gian.

Buổi chia tay, đạo sư vùi tất cả các tu sĩ sắp rời khỏi tu viện đến gặp ngài trong chánh điện để dặn dò lần cuối.

Sau khi thầy trò cùng kính cẩn dâng hương bái lạy trước tượng Tổ Sư, nhóm môn đệ dạt cả về một bên vách và khép nép đứng thành hàng một. Ánh mắt yêu thương của đạo sư lần lượt nhìn khắp một lượt, từ gương mặt người đầu hàng tới cuối hàng. Rồi ngài nhỏ nhẹ nói, giọng bùi ngùi:

- Không một cụm mây nào cứ tụ mãi không tan. Không một sum hiệp nào lại không có lúc ly biệt. Nhưng nước đi ra biển lại mưa về nguồn, ba năm nữa cũng ngày này thầy mong sẽ gặp lại đầy đủ các con, đừng rơi rớt một ai. Tiền các con xuống núi bước vào dòng đời, thầy chẳng có thứ chi quý giá gọi là lưu niệm cho các con, ngoài món vật tầm thường này...

Lần lượt trao cho mỗi học trò một cây bút chì mới nguyên, nhận thấy vẻ ngạc nhiên trên gương mặt họ, đạo sư mỉm cười từ tốn nói tiếp:

- Có năm điều tâm huyết thầy mong các con nghe kỹ mà ghi lòng tạc dạ:

Thứ nhất, cây bút chì tầm thường này chỉ có thể làm tròn

được chức năng, bốn phận đặt để của nó khi nào được đặt trong bàn tay ai đó cầm nắm đúng cách. Các con cũng vậy, hãy đặt con trong bàn tay Thượng Đế để Ngài dùng các con hiệu quả nhất.

Thứ hai, bút chì muốn dùng tốt phải thường xuyên chuốt, vót cho nhọn. Cũng thế, các con muốn là khí cụ tốt trong tay Thượng Đế thì phải cam chịu bào gọt, chuốt vót đón đau, tức là phải chịu bầm dập với những thử thách của cuộc đời bội bạc mà các con sắp phụng sự.

Thứ ba, mọi nét bút chì nếu lỡ sai lệch đều có thể dễ dàng tẩy xóa. Cũng thế, thầy mong những lỗi lầm của các con sẽ dễ dàng cải sửa như khi tẩy xóa nét bút chì hỏng.

Thứ tư, phần quan trọng và hữu dụng nhất của cây bút chì chính là cái lõi than thanh mảnh nằm lọt bên trong lớp vỏ gỗ sơn phết đẹp đẽ. Cũng thế, giá trị cao quý nhất của các con là cái gì ở sâu thẳm tận bên trong tâm hồn các con chứ không phải những lớp vỏ màu sắc hào nhoáng, phù phiếm mà cuộc đời sẽ khoác lên thân thể các con.

Thứ năm, mỗi khi đầu viết chì quẹt qua một bề mặt, chẳng hạn như trang giấy, nó đều lưu lại dấu vết đậm nhạt. Cũng vậy, mỗi ý nghĩ, lời nói, việc làm của các con đều lưu lại dấu vết trong vũ trụ càn khôn này, tạo thành nghiệp lành hay nghiệp dữ trói buộc các con. Thầy chỉ mong các con hãy luôn cố giữ mình, đừng trót lỗ tạo quá nhiều nét bút chì lem luốc, vì chúng sẽ cản đường các con về núi với thầy sau này, cũng như sẽ cản đường các con trở về với Thượng Đế sau khi rời bỏ thế gian.

07-8-2012

CGvDT số 1870, ngày 10-8-2012

## NHỮNG KẺ ĐỐN CÂY

Robert Lee Fulghum (sinh ngày 04-6-1937) là nhà văn Mỹ chuyên viết các tiểu luận ngắn. Ông trở nên nổi tiếng khi hiệp tuyển đầu tay *Tôi Học Được Ở Nhà Trẻ Tất Cả Những Gì Tôi Thật Sự Cần Biết* <sup>(1)</sup> xuất hiện ngót hai năm liền trong bảng kê sách bán chạy nhất nước Mỹ của tờ *Thời Báo New York*. Hiện nay các tác phẩm của ông đã bán ra gần hai chục triệu bản, và có mặt ở hơn một trăm quốc gia với gần ba mươi ngôn ngữ khác nhau.

Đây là một tiểu luận ngắn của Fulghum:

Một số thổ dân trên quần đảo Solomon ở Nam Thái Bình Dương có cách đốn cây độc đáo như sau: Gặp thân cây quá to, không thể dùng búa rìu được, thổ dân Solomon hạ nó xuống bằng cách vào lúc hừng đông, họ leo lên tới đầu ngọn cây và dùng hết sức để gào thét, quát mắng, rửa sả nó thậm tệ. Cứ làm như thế suốt một tháng liền. Cây dầu to thế nào chẳng nữa rốt cuộc sẽ dần dần khô héo mà đổ ập xuống. Thổ dân giải thích, tiếng thét mắng dữ dội của họ đã giết chết linh hồn đại thụ, thế nên cách đốn cây của họ luôn rất hiệu nghiệm.

Mấy con người sơ khai đó quả thơ ngây, đáng thương làm sao! Họ không có lợi thế của khoa học kỹ thuật.

Nhưng tôi thì sao nè? Tôi nạt nộ bà xã. Tôi hét ầm trong điện thoại. Tôi om sòm rầy rà ti vi, tờ báo và lũ trẻ. Tôi nhiều phen vung mạnh nắm tay lên trời và to mồm ầm ỹ.

<sup>(1)</sup> *All I Really Need to Know I Learned in Kindergarten* (1988).

Gã hàng xóm nhà tôi vẫn hay chửi bới chiếc xe của y mỗi khi xe trục trặc. Mùa hè này, tôi nghe hấn mắng nhiếc cái thang xếp suốt cả buổi chiều.

Chúng ta đây, những kẻ văn minh sống nơi thị thành, có học thức nữa chứ, và chúng ta quen thói ó ré khi kẹt xe, khi phản đối trọng tài trong một trận banh, và đặc biệt là chúng ta hay quát tháo máy móc khi chúng trở chứng. Máy móc và người thân chúng ta vẫn lãnh đủ những lời đốn đau quát mắng.

Quát tháo cho lắm, nào được gì đâu; máy móc và đồ đạc cứ ì ra đấy thôi. Thậm chí gợn chân đá chúng bình bịch cũng chẳng ăn thua. Nhưng về phần con người thì sao? À, ở điểm này thổ dân Solomon có lý lắm đây. Quát nạt một sinh vật có thể giết chết linh hồn ẩn trú bên trong sinh vật đó. Gậy gộc và gạch đá có thể làm vỡ xương chúng ta, còn lời nói đốn đau tàn nhẫn đập nát tim ta, vụn vỡ tâm hồn ta.

\*

Câu chuyện của Fulghum và lời tự kiểm của ông nhắc chúng ta nhớ ra xưa nay chúng ta vẫn quen làm thổ dân Solomon giỏi “đốn cây” bằng miệng lưỡi độc địa. Cho nên các chánh pháp Đông Tây kim cổ đều dạy chúng ta cẩn ngôn (thận trọng lời nói).

Trong Nhất Kỳ Phổ Độ, Kinh Thánh Cựu Ước dạy:

- *Quân vô đạo dùng miệng lưỡi làm hại tha nhân.* (Châm Ngôn 11:9)

- *Lời nói bừa bãi khác nào mũi gươm đâm.* (Châm Ngôn 12:18)

- *Lời nham hiểm làm tan nát tâm can.* (Châm Ngôn 15:4)

- Chúng mài lưỡi như mài gươm sắc, lời thâm độc tựa tên lấp vào cung. (Thánh Vịnh 64:4)

Sang Nhị Kỳ Phở Độ, Phúc Âm răn dạy:

- Không phải cái vào miệng làm cho con người ra ô uế, nhưng cái từ miệng xuất ra, cái đó mới làm cho con người ra ô uế. (Matthêu 15:11)

- Anh em đừng bao giờ thốt ra những lời độc địa, nhưng nếu cần, hãy nói những lời tốt đẹp, để xây dựng và làm ích cho người nghe. (Êphêxô 4:29)

Qua Tam Kỳ Phở Độ, đạo Cao Đài nhiều lần nhắc nhở chúng sanh đừng tạo nghiệp ác vì lời ăn tiếng nói (khẩu nghiệp). Đơn cử, Đức Quan Âm Như Lai khuyên nhủ:

*Lời nói phải dịu dàng mình chánh  
Lời nói sao xứng hạnh hiền nhân  
Đừng khi gặp lúc giận hờn  
Buông lời tổn đức thỏa cơn giận đùa.<sup>(1)</sup>*

Giận đùa là giận quá xá nên không còn kèm chế được, không làm chủ được lời nói văng ra khỏi mồm miệng.

Chúa Giêsu cầu xin: “*Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết việc họ làm.*” (Luca 23:34)

Còn chúng ta, dẫu biết rõ thế nào là khẩu nghiệp mà vẫn cứ vô tư ngoác mồm “đón cây” trong giao tiếp đời thường, liệu còn Đấng nào dung tha cho chúng ta không nhỉ?!

02-5-2012

CGvDT số 1856, ngày 06-5-2012

---

<sup>(1)</sup> Huồn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân), 28-6-1965.

## NHỮNG VIÊN SỎI

*Người đạo đức phải bền chí cả  
Bực chơn tu công quả một bòn...*

Thánh Huân Hiệp Tuyển, quyển II

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Nhóm người nọ rủ nhau hành hương. Điểm đến là ngôi đền nhỏ cheo leo ở đỉnh một ngọn núi cao vút, tương như chạm tới những cụm mây lơ lửng trên bầu trời xanh ngắt ngát.

Đường đi khó, phải mất dài ngày. Càng lên cao hành trình càng thêm vất vả... Nhưng cả nhóm quyết tâm vượt núi, vì ngôi đền từ xưa nổi tiếng linh thiêng và lão sư trụ trì là bậc chân tu đã chứng đắc chánh quả.

Dưới chân núi dựng một nhà trạm, do vị đại đệ tử của lão sư trông coi, thường gọi là chủ trạm. Khách mộ đạo tạm trú ở đó, dưỡng sức, đồng thời chuẩn bị thêm ít lương khô và nước uống trước khi bắt đầu leo núi.

Ngủ một đêm ở nhà trạm, sáng sớm hôm sau thức dậy, nhóm người nọ cung kính cảm tạ và từ biệt chủ trạm.

Tiền khách ra công, đi ngang khoảnh sân nhỏ rải đầy sỏi trắng, chủ trạm tùm tùm cười, bảo cả nhóm:

- Mỗi vị hãy tự tay nhặt mấy viên sỏi này mang theo. Nhiều ít tùy tâm. Không nhặt cũng tùy tâm. Ai không nhặt sẽ hối tiếc, và ai có nhặt cũng sẽ hối tiếc.

Lời nói lạ lùng! Nghĩ đến dốc núi cao và dài, có người không muốn lưng vác thêm nặng, nên khẽ nhún vai.

Có người ngần ngại, nhưng cũng cúi xuống nhặt bừa vài viên gọi là.

Có người hồn nhiên ngồi thụp xuống, vốc sỏi đầy hai bàn tay...

Có đi thì có đến. Cuối cùng cả nhóm được vào bái kiến vị lão sư tại ngôi đền thiêng trên chót núi.

Trong chánh điện, lão sư chúc phúc cho cả nhóm rồi ôn tồn nói:

- Bàn đạo ở nơi non cao hẻo lánh, không có món gì xứng đáng lưu niệm chuyển đi nhọc nhằn của quý vị. Tuy nhiên, ai có sỏi thì lấy ra xem.

Cả nhóm sững sốt khi thấy những viên sỏi tầm thường ở nhà trạm chân núi đã hóa thành những viên ngọc óng ánh từ lúc nào.

Những người không nhặt sỏi quá đổi hối tiếc, thậm chí tiếc mắng bản thân thậm tệ.

Những người đã nhặt sỏi cũng rất hối tiếc, thậm chí trách mình đã không chịu khó hốt thêm cho thật nhiều, thật đầy vào!

\*

Người học đạo hiểu chuyện này như sau:

Đến ngày phán xét cuối cùng, mỗi người sẽ phải trình

dâng công đức tu hành trước Thượng Đế. Ai không biết tu hoặc chưa thật lòng tu, ắt sẽ chẳng có gì để dâng trình. Bấy giờ họ sẽ hối tiếc khi thấy người khác nhờ có tu mà được Thiên Đình ban thưởng đạo quả thiêng liêng.

Bên cạnh đó, những người tuy có tu, nhưng còn kém công đức nên đạo quả thấp. Họ sẽ ân hận khi thấy bạn đồng tu với mình được chấm điểm cao hơn, được hưởng ngôi vị thiêng liêng cao trọng hơn nhờ cả đời siêng chăm tu hành, dày dặn công đức.

Người Việt khuyên: “Năng nhặt chặt bị.” Đạo Cao Đài dạy môn đệ phải siêng lo bòn mót công quả, làm phước làm đức.

*“Theo Thầy học đạo mót bòn thì chung.”* <sup>(2)</sup>

Bòn mót là lượm lặt từng chút mảy mún, không để rơi rớt, bỏ sót. Vì có tu nhiều bao nhiêu vẫn cứ e chưa đủ để giải trừ nghiệp xấu bản thân đã tồn đọng, tích lũy lại từ biết bao kiếp trước. Do đó, phải ráng bòn mót công quả, công đức để khấu trừ cho mòn bớt dần nghiệp cũ. Giống như kẻ nghèo mạt suốt đời còng lưng trả góp nợ nần.

29-02-2012

CGvDT số 1847, ngày 02-3-2012

---

<sup>(2)</sup> *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, quyển II, ngày 22-7-1961.

## NÓI VÀ LÀM

*Họ hứa cho người khác được tự do,  
trong khi chính họ lại làm nô lệ cho sa đọa ...* <sup>(1)</sup>

Thư 2 của Thánh Phêrô 2:19

\*

Hội Tim Mạch Hoa Kỳ <sup>(2)</sup> khuyên rằng một phụ nữ mỗi ngày không nên dùng quá sáu muỗng nhỏ đường, còn đàn ông thì chỉ ăn nhiều hơn chín muỗng. Đường là thủ phạm gây ra bệnh béo phì, đái tháo đường, và bệnh về tim mạch, không kể sâu răng và mụn trứng cá.

Bác sĩ David Servan-Schreiber (1961-2011) là người đồng sáng lập tại Mỹ chi nhánh của *Bác Sĩ Không Biên Giới*, <sup>(3)</sup> một tổ chức quốc tế được tặng giải Nobel Hòa Bình năm 1999. Trong quyển sách *Chống Ung Thư: Một Lối Sống Mới* <sup>(4)</sup> bác sĩ cho biết đường tinh luyện trực tiếp làm phát triển ung thư.

Tuy biết rõ đường có hại, nhưng đến nay phần đông con người vẫn thích dùng chất ngọt, vì nó khoái khẩu. Sở thích này khó bỏ vì từ tấm bé, khi vừa chào đời, hài nhi đã được tập để sau này lớn lên sẽ “nghiện” chất ngọt, vì dù bú mẹ

hay bú bình, cả hai thứ sữa ấy đều chứa nhiều đường lactose. Đây là ý kiến của Elyse Resch, một chuyên gia trị liệu về dinh dưỡng, đồng tác giả quyển *Ấn Theo Trục Giác*.<sup>(5)</sup>

Vậy, đừng ngạc nhiên khi thấy trẻ con và người lớn đều thích của ngọt, kể cả một vĩ nhân như Mohandas Karamchand Gandhi (1869-1948).

Thi hào Rabindranath Tagore (1861-1941) tôn kính Gandhi, gọi ông là Tâm Hồn Vĩ Đại (*Mahatma*). Người Ấn xem Gandhi là Cha (*Bapu*), và tôn vinh là người Cha Của Dân Tộc.<sup>(6)</sup> Ngày sinh của Gandhi (02-10) trở thành ngày lễ chung cho cả nước Ấn, và cũng là Ngày Quốc Tế Bất Bạo Động.<sup>(7)</sup>

Người Ấn tôn sùng bậc vĩ nhân ấy như Thánh sống, cho nên những lời ông khuyên bảo đều rất thuyết phục. Có lẽ vì vậy, dân Ấn hay tìm đến ông để xin được giúp đỡ, thậm chí những việc nhỏ nhặt.

Và đây là chuyện tôi nghe:

Một bà mẹ gặp Gandhi, xin ông răn dạy con trai bà bỏ tật ham ăn đường. Gandhi hẹn bà tuần sau hãy dắt cậu bé tới.

Đúng hẹn, hai mẹ con đến trước mặt Gandhi và ông từ tốn bảo chú nhỏ:

- Con đừng ăn đường nữa.

---

<sup>(1)</sup> *They promise them freedom, while they themselves are slaves of depravity ...*

<sup>(2)</sup> *The American Heart Association*

<sup>(3)</sup> *Doctors Without Borders; Médecins Sans Frontières*

<sup>(4)</sup> *Anticancer: A New Way of Life*, Viking Penguin., 2009.

---

<sup>(5)</sup> *Intuitive Eating*, Nxb St. Martin's Press, 2003.

<sup>(6)</sup> *Father of the Nation*

<sup>(7)</sup> *the International Day of Non-Violence*



Bà mẹ cảm ơn vị Thánh sống, nhưng trước khi quay lưng ra về, bà hỏi vì sao chỉ có một câu ngắn ngủi như thế mà Gandhi bắt bà phải đợi suốt một tuần lễ.

Gandhi điềm nhiên đáp:

- Vì cách nay một tuần, ta chưa bỏ được tật ăn đường.

Người kể chuyện nhắc lại câu nói khôi hài của một nhà văn ở Sài Gòn trước 1975: “*Hãy làm những gì tôi nói, đừng làm những gì tôi làm.*”

Thói đời, chúng ta nói rất hay mà làm quá dở. Ta thích dạy đời mà bản thân ta chẳng mấy khi làm đúng như lời ta dạy khôn kẻ khác. Chả trách, người xưa bảo: *Hành nan, thuyết dị.* (Nói dễ, làm khó.)

Đức Đông Phương Chương Quán nhắc nhở:

*Nói rất dễ mà làm rất khó*

*Mình đối mình nào có hay đâu...<sup>(1)</sup>*

Ấu đó cũng là lý do Đức Khổng Tử khuyên phải lập đức trước khi lập ngôn. Lập đức để lòng được chân thành, ý được chân thành, và bây giờ việc làm sẽ không trái ngược với lời nói (*thuyết hành như nhất*).

Thuở còn sống, đầu mồn trán lông gót chu du các nước, Đức Vạn Thế Sư Biểu không được vua chúa nào dám dùng có lẽ cũng vì thế.

08-11-2011

CGvDT số 1833, ngày 11-11-2011

---

<sup>(1)</sup> Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc, Long An), 26-10-1973.

## NƯỚC MẮT KẼ TRỘM

*... ai xưng thú và chừa tội sẽ được xót thương.*

Châm Ngôn 28:13

*Tội đã phạm, con xin xưng thú,  
lỗi làm vương phải, con áy náy bản khoản.*

Thánh Vịnh 38:19

*... nhưng nếu nó từ bỏ tội lỗi mà trở lại  
và thực hành điều công minh chính trực,  
nếu nó trả lại của cảm, đền của lấy cắp,  
sống theo những lề luật đưa tới sự sống  
và không làm điều bất công  
thì chắc chắn nó sẽ được sống  
và không phải chết. Mọi tội lỗi nó đã phạm,  
người ta sẽ không còn nhớ đến nữa:  
nó đã thi hành lẽ công minh, nó sẽ được sống.*

Êdêkien 33:14-16

\*

Học tiếng Hy Lạp với các tu sĩ Hy Lạp, được giáo dục rất tốt, do đó Anastasius (810-879) được xem là một tu sĩ rất uyên bác của Rome vào thế kỷ 9, có công dịch nhiều kinh sách từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Latin.

Dưới triều đại Giáo Hoàng Nicholas I (trị vì 855-867), Anastasius là tu viện trưởng coi sóc tu viện Sancta Maria Trans-Tiberim ở Rome trong chín năm (858-867). Qua triều đại Giáo Hoàng kế tục là Adrian II (trị vì 867-872),

Anastasius được bổ nhiệm làm quản thủ thư viện của Giáo Hội.

Đây là chuyện tôi nghe:

Tu viện trưởng Anastasius có một quyển Kinh Thánh cổ rất quý hiếm, đầy đủ cả hai phần Cựu Ước và Tân Ước.

Một hôm có tu sinh trẻ từ phương xa đến thăm tu viện và được tu viện trưởng Anastasius tiếp đón niềm nở. Tình cờ nhìn thấy bảo bối của Anastasius, anh ta không cầm lòng được, bèn thừa dịp cuồn lấy rồi mau chân lên trốn.

Cũng ngay hôm ấy, tu viện trưởng cần đến quyển Kinh Thánh quý hiếm của mình, và biết ngay nó đã biến mất cùng người khách trẻ xa lạ. Tuy nhiên Anastasius không cho người truy đuổi để lấy lại.

Khi tới một thành phố lân cận, kẻ yếu lòng trót phạm giới cấm trộm cắp liền rao bán quyển Kinh Thánh.

Một người muốn mua nhưng thấy giá quá cao, sợ bị hớ nên thương lượng:

- Cho tôi mượn tạm quyển Kinh để nhờ người chuyên môn thẩm định. Nếu quả thật là vật quý thì tôi sẽ mua đúng giá.

Không biết người ấy có thể chấp món chi hay không nhưng kẻ trộm đồng ý.

Mang quyển Kinh Thánh tới tu viện, người ấy xin gặp Anastasius, kể rõ đầu đuôi và hỏi:

- Thưa cha, quyển Kinh Thánh này có đáng mua với cái giá đó không?

Tu viện trưởng đón lấy quyển kinh quen thuộc của mình, nhìn lướt qua rồi trao lại người ấy, và bình thản nói gọn:

- Quyển kinh này vô giá!

Mừng rỡ, người ấy liền cảm ơn và cáo từ. Trở lại gặp kẻ trộm, ông ta hào hứng khoe:

- Cha Anastasius xác nhận quyển kinh rất giá trị. Tôi chịu mua.

Kẻ trộm sừng sốt:

- Sao?! Ông gặp cha Anastasius à?! Cha có nói thêm gì nữa không?

- Không.

Kẻ trộm bỗng thù người ra. Anh ta nhú mày suy nghĩ rất nhanh rồi lắc đầu, giọng dứt khoát:

- Thôi, tôi đổi ý. Không bán đâu. Thành thật xin lỗi ông.

Lòng đầy hối hận, kẻ trộm quày quả trở về tu viện. Trước mặt Anastasius, anh ta cúi đầu, hai tay cung kính dâng cha quyển Kinh Thánh, giọng nghẹn ngào pha nước mắt, nói chẳng nên lời.

Không nhận lại quyển kinh, tu viện trưởng nói nhỏ nhẹ:

- Cha tặng con làm quà. Con đi đường bình an.

- Không đâu, thưa cha! Nếu cha không nhận lại thì lòng con mãi mãi chẳng bình an.

Nghe nói rằng sau đó tu sinh trẻ ấy đã ở lại tu viện cho tới cuối đời.

23-7-2012

CGvDT số 1868, ngày 27-7-2012

## PHÉP LẠ (1)

*Ở đâu có tình thương bao la  
thì luôn luôn có phép lạ.<sup>(1)</sup>*

Nữ sĩ Willa Cather (Mỹ, 1873-1947)

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Thế Chiến thứ Hai (1939-1945) kết thúc, anh giải ngũ trở về nhà năm 1949.

Trên các ngã đường, rất đông những người mặc quân phục vừa bước đi vừa ngoái cổ ra sau tìm xe vẫy tay xin quá giang. Anh tìm về với gia đình cùng một cách giống như họ.

Nhưng niềm vui sum hiệp của anh mau chóng tan biến. Mẹ anh vào viện cấp cứu. Bác sĩ cho biết cần phải truyền máu cho bà ngay, bằng không bà sẽ không qua khỏi một đêm. Khó khăn ở chỗ bà thuộc nhóm máu AB<sup>-</sup> là nhóm máu quá hiếm. Hồi ấy chưa có ngân hàng máu và cũng không có máy bay mang máu tới bệnh viện. Tất cả mọi người trong gia đình anh đều thử máu nhưng chẳng một ai cùng nhóm máu với bà.

Tuyệt vọng. Anh rời bệnh viện, lái xe về nhà để tập họp người thân lại chuẩn bị hậu sự cho mẹ. Dọc đường, anh gặp

một người lính vừa giải ngũ rồi rít ngoắc xe xin quá giang.

Đang lúc cõi lòng tan nát, anh định làm ngơ và nhún ga đi luôn, vì thừa biết sẽ có các xe khác ở phía sau sẵn sàng dừng lại chờ giúp. Nhưng ngay khi anh định vượt qua chỗ người lính, bỗng dừng như có ai xui khiến, anh lập tức tấp xe vào vệ đường một cách không ý thức.

Người lính ấy vừa yên chỗ trên xe, anh liền phóng xe chạy luôn. Không chào hỏi tên. Không hỏi nơi muốn tới. Không cả nhìn mặt người ngồi bên cạnh.

Người lính ấy chăm chú nhìn anh, nhận ra gương mặt đau khổ của kẻ lái xe lạng lẽ đến mức làm lì, bèn gọi chuyện. Thế là anh bật khóc và thổ lộ chuyện nhà. Người lính im lặng nghe.

Anh vừa kể dứt, người lính bảo anh mau quày đầu xe chạy ngược về bệnh viện. Anh ngơ ngác, nhưng liền hiểu ngay. Nắm tay người lính vừa giơ lên trước mắt anh; khi lòng bàn tay mở ra, anh nhìn thấy tám thẻ bài: nhóm máu AB<sup>-</sup>.

Mẹ anh sống thêm bốn mươi bảy năm nữa. Khi tiễn bà về với Chúa vào năm 1996, cả nhà anh vẫn không biết được ân nhân của họ tên gì, ở đâu. Con gái anh giải thích đơn giản: Đó là phép lạ của thiên thần. Một thiên thần hóa trang trong bộ quân phục.<sup>(2)</sup>

13-02-2008

CGvDT số 1644, ngày 15-02-2008

---

<sup>(1)</sup> Where there is great love there are always miracles.

---

<sup>(2)</sup> Theo lời kể của Jeannie Ecke Sowell (1997).

## PHÉP LẠ (2)

Đây là chuyện tôi nghe:

Berniece Duello rất sùng kính Đức Mẹ Maria. Bà dạy tám đứa con đọc kinh Kính Mừng và lần tràng hạt. Trên mặt tủ chè bà đặt tượng Đức Mẹ trang trọng, lúc nào cũng bày hoa tươi bên cạnh. Bà thích kể cho các con chuyện Đức Mẹ hiện xuống ở Lourdes bên Pháp, ở Guadeloupe bên Mexico.

Thập niên 1980, các con đã trưởng thành, bà kể thêm vài chuyện mới về việc Đức Mẹ hiện xuống ở Medjugorje là một thị trấn nằm về phía Tây Bosnia. Bà rất hứng thú tìm đọc báo chí và dự các buổi thuyết trình để biết thêm về Medjugorje. Chưa đủ, bà mua vé rời Mỹ đi Bosnia, tham gia một đoàn cứu trợ sau cuộc chiến đau thương (1992-1995).

Con gái bà, LeAnn Thieman, y tá, diễn giả, nhà văn, cũng là một nhân vật khá nổi tiếng trong các hoạt động nhân đạo quốc tế giúp đỡ nạn nhân chiến tranh. Năm 2002 LeAnn viết "*The Miracle of Medjugorje*" (Phép lạ ở Medjugorje), kể lại một chuyến đi cứu trợ của mẹ.

Ở Mỹ, ngày thứ Năm của tuần lễ thứ tư trong tháng Mười Một là ngày lễ Tạ Ơn. Năm ấy, hôm trước ngày lễ, trưởng đoàn cứu trợ của bà Duello tại Bosnia quyết định sẽ cứu trợ hai mươi bốn gia đình ở Medjugorje đúng dịp lễ Tạ Ơn.

Họ chuẩn bị hai mươi bốn túi lớn đầy ắp nhu yếu phẩm, chất kín phía sau xe buýt. Cả đoàn, kể cả lái xe, mười hai người lên đường từ sớm, lần lượt ghé từng nhà theo danh sách do các viên chức chánh quyền và một nhà thờ tại địa phương cung cấp.

Ở cuối một con đường, lái xe tình cờ dừng lại trước một căn nhà tồi tàn. Trưởng đoàn chưa kịp nói rằng gia đình này không có tên trong danh sách thì đã thấy một người cha và hai trẻ nhỏ lem luốc vừa hớn hờ chạy ùa tới, vừa vỗ tay reo mừng. Bà trưởng đoàn liền ra lệnh cho lái xe vọt đi, bỏ lại phía sau đám bụi mù và nỗi ngỡ ngàng, thất vọng của ba cha con đáng thương.

Ngoái nhìn những bàn tay vẫn cố vẫy vẫy với theo xe, bà Duello không khỏi bất nhẫn:

- Sao mình không chia cho họ ít thực phẩm?

Trưởng đoàn kiên quyết:

- Mình chỉ có hai mươi bốn túi, dành cho hai mươi bốn gia đình. Tất cả họ đều được thông báo, ta đã hứa với họ, và họ đang chờ mình.

Khi đánh dấu vào dòng địa chỉ cuối cùng bản danh sách, trưởng đoàn reo lên:

- Hai mươi bốn! Mình về được rồi!

Nhưng ai đó liền đính chính:

- Hai mươi ba! Sau xe vẫn còn một túi!

Cả đoàn ngỡ ngàng. Một người nói:

- Sao thế được?! Tôi đếm đi đếm lại ba lần trước khi xuất phát. Chỉ có hai mươi bốn túi cho đúng hai mươi bốn gia đình. Ở đâu ra túi này!?

## PHÉP THỦ

Trưởng đoàn nói:

- Chẳng phải lỗi của ai hết. Hãy xem túi đó đựng gì. Bánh mì và thịt cá hả? Vậy thì tốt quá rồi!

Cả đoàn ngẩn ra nhìn nhau, rồi cùng cười rộ lên.

- Quay lại đó!

Theo lệnh trưởng đoàn, lái xe nhấn ga lao về chỗ ba cha con đã bị từ khước.

Bây giờ không phải là ba kẻ đó đang ngóng trông đoàn cứu trợ, mà chính đoàn cứu trợ đang sốt ruột mong sớm gặp lại họ.

Nhà báo, nhà văn nữ Katherine A. Porter (Mỹ, 1890-1980, giải thưởng Pulitzer 1966) bảo:

*“Phép lạ xảy ra tức thì, người ta không thể triệu thỉnh. Phép lạ tự nó đến, thường vào những lúc không ngờ, và cho những ai chả còn mong vọng chúng...”*<sup>(1)</sup>

26-11-2008

CGvDT số 1685, ngày 28-11-2008

*Thấy lỗi mọn, chớ nghi chẳng hại  
Thường dạn làm, tội lại hằng hà  
Vì chung tụ thiếu thành đa  
Họa tai báo ứng, chẳng qua mấy hào.*

Kinh Sám Hối

\*

Cụ Phan Khôi (1887-1959) cùng Mục Sư W. Cadman có công dịch Kinh Thánh ra tiếng Việt trong buổi đầu phát triển của Hội Thánh Tin Lành tại Việt Nam. Cụ Phan Khôi dịch thuật ngữ *pastor* là *mục sư*, và dịch *preacher* là *thầy giảng*.

Đây là chuyện tôi nghe về một thầy giảng bên Mỹ:

Ở thị trấn nhỏ mọi người thường biết mặt nhau, và hẳn có sự kiện nào mới xảy ra cũng dễ lọt tai hầu hết dân cư địa phương.

Một thầy giảng vừa được thuyền bỏ tới thị trấn nhỏ nọ vài tuần. Một hôm, thầy đón xe buýt ra chợ mua vài thứ cần thiết. Khi yên vị trên ghế nệm êm ái rồi, thầy kiểm lại tiền và thấy người lái xe buýt đã thối dư hai mươi lăm xu.<sup>(2)</sup> Xử lý thế nào nhỉ? Tốt hơn là trả lại người lái xe. Không trả là sai quấy. Thầy nghĩ vậy.

Nhưng liền lúc ấy một tiếng nói khác trong thầy cãi lại:

<sup>(2)</sup> Ở Mỹ, người lái xe buýt còn trực tiếp thu tiền vé.

---

<sup>(1)</sup> Miracles are instantaneous; they cannot be summoned, but they come of themselves, usually at unlikely moments and to those who least expect them...

## PHỤNG SỰ ĐÍCH THỰC

- Nhằm nhờ gì ba cái lẻ tẻ! Ai thèm để ý chút tiền nhỏ mọn như thế chứ? Hơn nữa, công ty xe buýt mỗi ngày thu rất nhiều tiền vé; họ có thiết thời chỉ ghé góm đâu! Cứ giữ đồng xu lẻ này, và làm thỉnh, coi như quà tặng của Chúa.

Thầy giảng nắm chặt chỗ xu lẻ trong tay, lưỡng lự.

Khi xe buýt dừng lại ở trạm ngay đầu chợ, thầy giảng bước ra cửa xe, nhưng bắt chợt dừng chân ở bậc thềm. Thầy quay ngoắt lại, dang thẳng cánh tay chìa cho người lái xe thấy đồng hai mươi lăm xu nằm gọn trong lòng bàn tay mở xòe ra.

- Ông thối dư đây nè!

Người lái xe vói tay cầm đồng xu, nở nụ cười tươi tắn:

- Ông là thầy giảng mới về thị trấn phải không? Gần đây tôi có ý định sẽ tới nhà thờ nghe giảng thử một buổi xem sao. Tình cờ bữa nay gặp nhau, tôi chỉ muốn thử xem ông thầy giảng của mình sẽ làm gì với đồng xu lẻ thối dư.

Thầy giảng bước xuống xe. Không biết vì hụt chân hay vì lý do nào khác, thầy hơi loạng choạng suýt té, nhưng may mắn níu kịp cái cột cấm tẩm biển của trạm xe buýt.

Vẫn bám chặt thân cột như tìm một chỗ dựa, thầy cảm thấy mồ hôi rịn trên mặt, trên sống lưng. Ngẩng nhìn lên bầu trời xanh trong veo của một ngày đầy nắng tốt, thầy thở dài:

- Lạy Chúa, suýt chút nữa con đã bán đứng Chúa chỉ vì hai mươi lăm xu!

21-3-2012

CGvDT số 1850, ngày 23-3-2012

Trong *Kinh Sám Hối* của Minh Lý Đạo ra đời năm 1925 (và Cao Đài kế thừa năm 1926), Đức Khổng Phu Tử giảng cơ bản cho bốn câu 261-264 nói về tội lỗi của những kẻ mượn danh làm đạo để bòn rút tiền công quả của bá tánh đem dùng cho bản thân:

*Lại có kẻ miệng ngay lòng vạy,  
Tôi làm chùa, dối cậy in kinh,  
Ăn gian xối bột cho mình,  
Đâu qua dương pháp, luật hình Diêm Vương.*

Hai câu sau dễ hiểu: Những kẻ phạm tội ấy khó tránh khỏi luật thế gian (dương pháp) khi còn sống, lúc chết đi lại còn chịu thêm tội với pháp đình của âm phủ.

Nhưng câu thứ nhì thì khó hiểu. Vì thế trong một số bản in, người ta tự ý sửa là “*tôi làm chùa*”. Chữ *tôi* vô nghĩa! Thật ra, *tôi* là tiếng Việt cổ, có nghĩa là *quyên góp tiền bạc*.

Như vậy, người mắc tội này cùng lúc vi phạm cả hai giới cấm trong năm giới cấm của đạo Phật và Cao Đài:

- *Giới cấm trộm cắp*, vì tham những tiền của bá tánh công quả.

- *Giới cấm nói dối*, vì lấy danh nghĩa quyên góp tiền để cất chùa hay ấn tống kinh sách (in để biếu, không bán) mà rút cuộc lại dùng cho riêng mình.

Ở Á Đông, tín đồ đạo Phật, Lão, Cao Đài, v.v... vẫn có truyền thống lâu đời là góp tiền làm công quả ấn tống kinh sách để giúp nhiều người dễ có kinh sách học đạo. Kinh

sách dạy rằng người làm công quả này được hưởng nhiều phước báu, thế nên tín đồ rất nhiệt thành hưởng ứng. Do đó, khó tránh khỏi kẻ có tà tâm mượn danh nghĩa ấn tống để trục lợi.

Bên Nhật ngày xưa, vào thế kỷ 17 có một sự kiện ấn tống rất nổi tiếng.

Thiền Sư Thiết Nhãn Đạo Quang<sup>(1)</sup> đi quyên tiền để in kinh Phật. Chưa kể tiền giấy và công in, riêng việc thuê thợ giỏi khắc chữ lên từng phiến gỗ đã rất tốn kém, vì phải càn tới khoảng sáu, bảy ngàn bản khắc mới in đủ bộ *Đại Tạng Kinh*.

Bởi thế, phải mất ròng rã mười năm lặn lội khắp nơi sư mới kiếm đủ số tiền để khởi sự công trình. Nhưng bấy giờ nước sông Vũ Trị<sup>(2)</sup> dâng cao, gây lụt lớn, làm cho dân chúng trong vùng bị nạn đói. Thế là, thay vì in kinh Phật, sư đem hết số tiền quyên góp được để lo cứu đói cho bá tánh.

Sau đó, sư bắt đầu đi quyên góp lần thứ hai. Được vài năm thì xảy ra bệnh dịch tràn lan khắp nơi. Sư lại trút hết số tiền quyên góp vào việc cứu nhân độ thế.

Sư nhẫn nại đi quyên góp lần thứ ba. Rót cuộc, phải mất hai mươi năm sư mới đạt được ước nguyện ấn tống. Tương truyền toàn bộ bản khắc gỗ in bộ kinh ấy vẫn được lưu giữ tại chùa Hoàng Phách<sup>(3)</sup> ở Kinh Đô Phủ.<sup>(4)</sup>

---

(1) Tetsugen Dōkō 鐵眼道光 (1630-1682).

(2) Uji 宇治.

(3) Obaku 黄檗寺.

(4) Kyoto 京都府.

Việc Thiền Sư Thiết Nhãn Đạo Quang lấy tiền in kinh để cứu dân phù hợp lời chú trong Kinh Lăng Nghiêm:

*“Trương thủ thâm tâm phụng trần sát. Thị tắc danh vi báo Phật ân.”*<sup>(5)</sup>

Nghĩa là đem hết tâm lòng ra phụng sự cõi trần, như thế ắt được gọi là báo ân Phật.

Các vị Tiền Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nhắc nhở:

*“Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự cho Thượng Đế, mà con người hãy cải tạo để xây dựng thiên đàng cho con người và thế giới ở trên đời.”*<sup>(6)</sup>

Tư tưởng nhân bản này phù hợp lời Chúa:

*“Ta bảo thật các ngươi: bất kỳ việc gì các ngươi đã làm cho một trong những anh chị em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy.”* (Matthêu 25:40)

Bởi thế, người Nhật vẫn tán tụng rằng Thiền Sư Thiết Nhãn Đạo Quang thật sự đã ấn tống được ba bộ kinh, và bộ kinh thứ ba in trên giấy trắng mực đen không thể sánh được với hai bộ kinh vô tự (không có chữ) trước đó.

26-10-2011

CGvDT số 1831, ngày 28-10-2011

---

(5) 將此深心奉塵刹。是則名為報佛恩。

(6) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, ngày 07-3-1974.

## QUANH QUẢN ÂU LO

*Và có ai trong anh em nhờ lo lắng mà kéo dài  
đời mình được thêm một giờ không?*

Luca 12:25

*Vì vậy đừng lo âu cho ngày mai, hãy để ngày mai  
tự lo cho ngày mai. Hôm nay đã đủ phiền não rồi.*

Matthêu 6:34

\*

Có người nói rằng nếu chúng ta chịu khó ghi chép lại hết tất cả những điều chúng ta hay âu lo, sợ hãi trong một khoảng thời gian nào đó, bảy ngày hay nửa tháng chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy hầu hết những gì chúng ta từng lo âu, sợ hãi rốt cuộc đã không xảy ra như chúng ta nghĩ.

Vậy, có nghĩa là chúng ta đã phí phạm rất nhiều thời gian trong đời mình để lo lắng viển vông. Như thế, chẳng những chúng ta tự khiến cho tâm mình phiền não, khổ sở mà còn tự đánh mất đi cơ hội tận dụng những giờ phút vô cùng quý báu trong quỹ thời gian vẫn vói đời mình đem đầu tư vào những việc làm hữu ích hơn.

Các chánh pháp Đông Tây kim cổ đều dạy con người hãy biết trút đi nỗi âu lo, sợ hãi.

Thiền là một pháp môn dùng hơi thở giúp giữ tâm được thanh tịnh như mặt nước hồ thu phẳng lặng, chẳng chút gợn xao.

Phúc Âm truyền lại nhiều lời vàng Chúa huấn dụ chúng ta đừng lo lắng: Luca 12:22; Matthêu 6:25, 27; Philípphê 4:6; vân vân.

Bản thân chúng ta không nên lo sợ là một lẽ đạo, nhưng đồng thời còn một lẽ đạo khác là mình đừng làm cho người khác sợ hãi, âu lo; hãy giúp lòng họ được thanh bình, an ổn. Do đó, Phật Thích Ca dạy chúng sanh biết thực hành *vô úy thí*, nghĩa là hãy tập ban bố (*thí*) cho người khác cái tâm không sợ không lo (*vô úy*).

Đây là chuyện tôi nghe:

Arturo Toscanini sinh ngày 25-3-1867 tại Parma (nước Ý), qua đời ngày 16-01-1957 tại thành phố New York (Hoa Kỳ). Ông nổi tiếng là một nhạc trưởng bậc thầy của nhân loại vào nửa đầu thế kỷ 20.

Một lần nọ, chỉ còn ít phút nữa dàn nhạc danh tiếng của ông sẽ trở tài mở màn một chương trình đại hòa tấu. Toscanini đã sẵn sàng ra sân khấu thì một nghệ sĩ mang về mặt đầy lo âu bước vội tới. Anh ta lúng túng, nói như thể phân trần:

- Thưa nhạc trưởng, sắp hòa nhạc rồi mà nhạc cụ của em trở chứng. Không thể nào chơi được nốt Mi giáng! Biết làm sao đây?!

Toscanini ngạc nhiên nhìn người đối diện, rồi nở một nụ cười đôn hậu, ông thân ái quàng tay ôm lấy vai anh ta, dịu dàng an ủi:

- Nè bạn, chớ lo chi chuyện vật ấy. Tối hôm nay, anh sẽ chẳng phải đụng tới nốt Mi giáng đó ở bất kỳ bản nhạc nào hết. Vô tư nhé!

25-4-2012

CGvDT số 1855, ngày 27-4-2012



## SEN NỞ TRÊN CẢNH THẬP GIÁ



Đây là chuyện tôi nghe:

Trong lần đi đền dã phương xa, vị giáo sư tình cờ lạc bước đến nơi ẩn cư của một tu sĩ. Sau khi uống chén trà do chủ nhân mời, khách xin tu sĩ giải thích vì sao trên vách ván đơn sơ sau lưng chủ nhân treo bức tranh lạ, vẽ bằng mực đen trên nền giấy trắng đã ngả vàng cũ kỹ.

Tu sĩ cho biết đây là kỷ niệm của một bạn thân đã qua đời. Người quá cố làm linh mục coi một giáo xứ lân cận. Những khi thư nhàn, linh mục hay ghé chơi, uống trà và trao đổi về những tương đồng giữa Phật và Chúa. Những lần trò chuyện đầy cảm hứng đã khiến vị linh mục ấy, vốn chẳng có tài họa sĩ, một hôm chợt cầm bút vẽ bức tranh duy nhứt trong đời tặng tu sĩ – một đóa sen mà cuống hoa là cây thánh giá được cách điệu.

Vị giáo sư gật gù ra vẻ đã hiểu. Nhưng ông chợt nhíu mày, thắc mắc:

- Thầy nói rằng Phật và Chúa tương đồng, nghe sao lạ

quá! Chúa dạy nhiều về một Đấng Thiên Chúa có ngôi vị cai quản Nước Trời. Còn Phật không bao giờ nhắc tới một ông Trời hữu ngã. Từ căn bản là đã khác nhau lắm rồi.

Tu sĩ mỉm cười thông cảm. Rót mời khách chén trà thứ hai, ông từ tốn bảo:

- Tôi và linh mục bạn tôi cũng từng nghĩ như vậy. Xưa nay phần đông đại chúng vẫn thường nghĩ như vậy. Hồi trẻ, tôi nghe nói bên Ấn Độ người ta vẽ Chúa ngồi kiết già, tay bắt ấn, tham thiền trên tòa sen, và tôi cứ trách thầm rằng tay họa sĩ nào đó đáng mang tội báng bổ. May là tôi và ông bạn linh mục thân quý của tôi đã thoát khỏi ngộ nhận ấy. Bức tranh trên vách kia có thể xem như một thừa nhận của bạn tôi rằng Phật là Chúa mà Chúa là Phật.

Khách vừa nâng chén trà lên ngang miệng, định hớp một miếng, nghe tới đó bèn đặt chén xuống, khẽ lắc đầu:

- Thầy nói rất hay, nhưng tôi vẫn thấy chưa có sức thuyết phục.

Tu sĩ nhoẻn miệng cười bao dung. Ông hơi lim dim con mắt như mơ màng:

- Tôi không biết quý khách từng đọc Kinh Thánh bao nhiêu lần, và đã đọc được mấy quyển kinh căn bản nhất của nhà Phật. Trong *Tân Ước*, bốn Thánh Matthêu, Maccô, Luca, và Gioan chép tỉ mỉ từng lời Chúa dạy. Cũng thế, *Luận Ngữ* chép chi tiết từng câu Khổng Tử thốt ra. Tương tự, *Kinh Pháp Cú* chép đúng bốn trăm hai mươi ba lời răn dạy của Như Lai. Tôi thích suy gẫm những câu văn đầy tính khẩu ngữ ấy. Nghe có vẻ như mình được các Đấng trực tiếp nói ra với mình, trực diện khuyên nhủ mình.

Khách hơi bẽn lẽn. Ông ngập ngừng, định phân trần chi

đó thì tu sĩ khoát tay:

- Quý khách đừng nghĩ bụng tôi dám có ý thế kia với quý khách. Xin đừng hiểu lầm tôi muốn tranh biện hơn thua nơi đây. Người trí thức vốn dĩ hiểu tri, quen nói có sách mách có chứng. Đức tính này rất tốt, vì chân lý không thể cầu tìm bằng lời nói suông, vô căn cứ.

Nét mặt như dãn ra, vị giáo sư chân thành nói:

- Xin đa tạ thầy rộng lòng hỷ xả. Vậy, xin thầy cho một chứng minh điển hình.

Tu sĩ xoay người lại, lấy ra hai quyển sách cũ kỹ trên kệ nhỏ phía sau lưng. Liếc nhanh hai quyển sách tu sĩ vừa đặt lên mặt bàn, khách nhận ra quyển dày là Kinh Thánh, quyển nhỏ và mỏng như sách bỏ túi là Kinh Pháp Cú.

Không vội giở kinh ra, tu sĩ thủng thỉnh nói:

- Phật và Chúa đều dạy ta về tình yêu vô ngã, tình yêu vượt lên cái tôi nhỏ hẹp của phàm tục. Tình yêu đó vượt ra ngoài gia đình, bè bạn, đồng bào, nó không loại trừ kẻ nghịch thù mặc dầu thái độ này phải nói quá khó cho chúng ta. Tình yêu đó, ở Chúa là đức bác ái, ở Phật là hạnh từ bi.

Mở quyển nhỏ và mỏng, tu sĩ nói tiếp:

- Xin quý khách nghe chương mở đầu Kinh Pháp Cú, ba câu 3, 4 và 5. Tỳ kheo Thích Minh Châu dịch như sau:

*“Nó mắng tôi, đánh tôi, / Nó thắng tôi, cướp tôi. / Ai ôm hiềm hận ấy, / Hận thù không thể nguôi. / Nó mắng tôi, đánh tôi, / Nó thắng tôi, cướp tôi. / Không ôm hiềm hận ấy, / Hận thù được tự nguôi. / Với hận diệt hận thù, / Đời này không có được. / Không hận diệt hận thù, / Là định luật ngàn thu.”*

Cầm lên quyển Kinh Thánh, tu sĩ bảo:

- Tôi xin đọc *Tin Mừng* theo Thánh Luca, chương 6, câu 27, 28, 32 và 35. Thánh Luca chép lời Chúa như sau:

*“Thầy nói với anh em là những người đang nghe Thầy đây: Hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em. (...) Nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì có ân nghĩa gì đâu? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ. (...) Trái lại, anh em hãy yêu kẻ thù, hãy làm ơn và cho vay mà chẳng hề hy vọng được đền trả. Như vậy, phần thưởng dành cho anh em sẽ lớn lao, và anh em sẽ là con Đấng Tối Cao, vì Người vẫn nhân hậu với cả phường vô ân và quân độc ác.”*

\*

Tiến khách ra cửa, tu sĩ dịu dàng bảo:

- Tôi quen sống thui thủi nơi cô tịch lâu rồi. Hôm nay quý khách ghé uống chén trà nhạt, trò chuyện làm vui, âu cũng là cái duyên ngàn dặm. Chuyện đạo nói hoài khó dứt. Nếu quý khách để tâm tìm hiểu, ắt sẽ tìm thêm trong kinh Phật và Kinh Thánh được nhiều chỗ tương đồng về cốt tủy, vượt ra ngoài dị biệt văn tự. Tôi nhớ Thánh Matthêu chép câu này: *“Hễ ai xin thì nhận được, ai tìm thì sẽ thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở cho.”* Tôi xin chúc lành quý khách.

15-01-2011

Nguyệt san CGvDT số 193, tháng 01-2011

## SỢ GÌ NHẤT

Đây là chuyện tôi nghe:

Trong khu vườn rộng của biệt thự cỏ cây có con chồn sống lâu thành tinh, biết nói tiếng người và thích nhập bọn tán chuyện với người. Nó nói chuyện rất lý thú, mà chẳng làm hại ai, nên những lúc trà rượu chè chén, chủ nhà hay rủ nó ra ngồi chung bàn để nghe nó kể chuyện mua vui.

Một hôm chủ nhà có tiệc, lại gọi con chồn tinh ra ngồi chung bàn. Rượu uống đã sần sần, chủ nhà cao hứng bảo:

- Ai sợ gì nhất thì hãy nói ra. Ai sợ vô lý thì phải uống rượu phạt!

Mọi người lần lượt hưởng ứng. Đến phiên chồn tinh, nó nói:

- Tôi chỉ sợ chồn tinh.

Mọi người cười ồ, hỏi lại:

- Đồng loại của mi có sao lại sợ? Phạt một chén rượu, chịu không?

Chồn tinh xua tay lia lịa:

- Hãy nghe tôi giải thích. Xưa nay đồng loại mới thật là đáng sợ chứ. Quý bác thừa biết chẳng thiếu gì anh chị em cùng cha cùng mẹ mà giết nhau như ngóc chỉ để tranh đoạt gia sản. Buôn bán cùng một ngành nghề như nhau thì luôn ganh ghét, hơn thua nhau vì cạnh tranh. Quan lại cùng triều mới hay hãm hại nhau để giành giật quyền lợi và tranh đoạt quyền lực. Cứ như thế mà quý bác suy rộng ra, ắt hẳn đều phải đồng ý rằng tôi mà khiếp sợ đồng loại của tôi thì hữu lý quá đi chứ!

Đây là một chuyện khác:

Thời buổi loạn lạc, có người cuống cuống chạy trốn quân giặc, phải ẩn náu trong miếu hoang ở bãi tha ma. Đêm xuống, bỗng thấy một bóng ma lớn vờn trong miếu, anh ta khiếp sợ, ngồi co rúm người trong xó tối, lấy hai bàn tay ôm mặt che mắt, nín thở không dám cựa cựa.

Con ma sát tới bên cạnh, rú rê:

- Sao không ra đây chơi với tớ?

Anh ta đánh bò cạp, lấp bắp:

- Thưa ông... con sợ ma lắm!

- Sao ngốc thế! Người hay ma, ai đã hại anh tan nhà nát cửa, xác bác xang bang đến nông nỗi này? Vậy, ma đáng sợ hay người mới đáng sợ?

Nói xong, con ma cười ngật nghẻo rồi biến mất.

Nghe tôi kể lại hai chuyện này, một thầy tu bèn mỉm cười, lắc đầu bảo:

- Tôi không nghĩ vậy. Tôi sợ mình vì tham sân si mà tạo gây nghiệp ác, sẽ phải luân hồi để đền tội. Tôi sợ mình tu hành lười thôi, bản thân không giải thoát mà còn mắc nợ những người đã tin tưởng bảo bọc cho tôi nhiều năm yên ổn tu học. Tôi sợ đời mình vẫn vói, chưa thành chánh quả mà sớm lìa trần, sẽ phải luân hồi thêm kiếp nữa. Nhưng kiếp sau biết có còn gặp được chánh đạo mà tu nốt con đường dang dở, hay tôi lại cắm đầu cắm cổ, mãi mê hưởng thụ mùi trần tục, quên hết gia sản tâm linh quý báu của mình. Nói tóm lại, kẻ thù của tôi là tôi chứ không ai khác hơn. Thế nên tôi luôn luôn sợ chính tôi nhất!

*CGvDT số 1861, ngày 08-6-2012*

## TÂM HỒN NGƯỜI TÙ



*Khi anh em đứng cầu nguyện,  
nếu anh em có chuyện bất bình với ai,  
thì hãy tha thứ cho họ, để Cha của anh em  
là Đấng ngự trên trời, cũng tha lỗi cho anh em.*

Maccô 11: 25

*Thật vậy, nếu anh em tha lỗi cho người ta,  
thì Cha anh em trên trời cũng sẽ tha thứ cho anh em.*

Matthêu 6:14

*Hãy đối xử tốt với nhau,  
có lòng thương xót và tha thứ cho nhau,  
như Thiên Chúa trong Đức Kitô đã tha thứ cho anh em.*

Êphêxô 4:32

*Hận thù diệt hận thù, đời này không thể có.  
Tù bi diệt hận thù, là định luật nghìn thu.*

Kinh Pháp Cú, phẩm Song Yếu, 5

*Và các con nên nhớ rằng nếu các con không thương  
được kẻ ghét mình thì khó mong gần gũi với Thầy.*

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế  
thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 08-02-1967

\*

Sinh ngày 18-7-1918, Nelson Mandela là Tổng Thống Nam Phi (nhiệm kỳ 1994-1999). Trước khi trở thành tổng thống, vì hoạt động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc apartheid, Mandela bị bắt giữ và bị kết án tù chung thân năm 1962.

Tháng 9-1989, Frederik Willem de Klerk (sinh năm 1936) trở thành Tổng Thống Nam Phi. Ông phá bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc apartheid, trả tự do cho những tù nhân da màu. Nhờ vậy Nelson Mandela được phóng thích ngày 11-02-1990, chấm dứt hai mươi bảy năm lao tù. Ba năm sau, Nelson Mandela và Frederik Willem de Klerk cùng chia nhau giải Nobel Hòa Bình (1993).

Sinh năm 1946, trẻ hơn Mandela hai mươi tám tuổi, Bill Clinton là tổng thống thứ bốn mươi hai của Mỹ (nhiệm kỳ 1993-2001). Ngày 04-7-1993, khi gặp nhau lần đầu tiên,

Clinton thổ lộ với Mandela:

- Khi ông được phóng thích, bước ra khỏi nhà tù, tôi đánh thức con gái tôi vào lúc 3 giờ sáng. Tôi muốn cháu chứng kiến sự kiện lịch sử ấy.

Thế rồi Clinton nêu ra một thắc mắc mà hơn ba năm qua bản thân ông không thể tự giải đáp. Clinton hỏi Mandela:

- Khi ông bước từ khu nhà giam băng qua khoảng sân để đi ra cổng nhà tù, ông kính tập trung vào gương mặt ông. Tôi chưa hề nhìn thấy trên mặt ai như trên mặt ông hôm ấy cái vẻ phần nộ dữ dội, thậm chí là thù hận nữa. Đó chẳng phải là một Nelson Mandela như tôi biết hôm nay. Điều gì thế?

Mandela tâm sự:

- Tôi ngạc nhiên là ông bắt gặp điều đó, và tôi hỏi tiếc là các máy quay phim đã chụp được cơn phần nộ của tôi. Hôm ấy, khi băng qua sân nhà tù, tôi tự nhủ: “Chúng đã tước đi mọi thứ của mi. Sự nghiệp mi đã chết. Gia đình mi ly tán. Bè bạn mi bị giết hại. Bây giờ chúng thả mi ra, nhưng bên ngoài nhà tù có còn gì cho mi nữa đâu!” Và tôi căm thù họ vì họ đã tước đoạt mọi thứ của tôi. Đúng lúc ấy, tôi nghe một tiếng nói từ trong tôi vang lên: “Nelson ơi! Hai mươi bảy năm trời thân xác mi là tù nhân của họ, nhưng tâm hồn mi luôn luôn là người tự do. Vậy thì đừng để họ trả tự do cho thân xác mi nhưng rồi cuộc lại biến tâm hồn mi trở thành tù nhân của họ!”

25-6-2012

CGvDT số 1864, ngày 29-6-2012

## TÂM TÌNH MÙA XUÂN

*Đại khái xuân đời, cảnh vật có chi các con!  
Cành hoa chớm nở tươi xinh,  
các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây,  
ngửi mùi thơm trong nhụy. Sao các con không vun tưới  
cội lành Đạo cả, nâng niu sang sửa chơn tâm  
cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi  
ngửi lấy đạo vị nhiệm màu tự lòng con khai phát? <sup>(1)</sup>*

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế

\*

Vừa rồi, bạn vong niên ở ngoại thành, một thầy giáo mới về hưu không lâu, gọi điện dặn dò tôi:

- Tết nhưt đừng bày đặt cho chác cái gì hết nghen.

Ấy là nhắc chuyện cũ, bình rượu ngon gửi anh, chia sẻ chút quà mà một bạn văn trên đường bay nửa vòng trái đất, lúc quá cảnh Seoul đã chẳng quản ngại xách về cho tôi cả cặp. Tiếng anh cười trong điện thoại, giọng vui vẻ:

- Ông cho tôi thời giờ của ông thì quý gấp mấy quà cáp linh kính. Tết ghé chơi đi.

Tết, ngán nhất chuyện thăm nhà này nhà kia. Ghé ai buổi sáng, thì chiều hay tối thế nào cũng được đáp lễ. Sáng mới gặp nhau đó, mới chúc qua chúc lại những công thức khuôn sáo, thì chiều hay tối sẽ “diễn lại” na ná như vậy, chỉ đổi chỗ ngồi, đổi vai chủ khách.

---

<sup>(1)</sup> Thánh thất Nam Thành, ngày 06-02-1970.

Nhưng tôi muốn ghé anh. Tôi thích ra ngoại thành mấy ngày muộn màng của tháng Chạp âm lịch, may ra tìm được cái không khí chuẩn bị Tết còn sót lại chút xíu hơi hướm của những gì chưa bị đô thị hóa. Thế nên tôi đáp:

- Thì em ghé. Nhưng cận Tết được không?
- Được quá đi chớ! Tôi ngày nào cũng như ngày nào.

Anh lại cười, lần này nghe như rồn rảng.

Và tôi ghé anh, một sáng cuối năm, với cái lành lạnh bất thường của miền Nam làm cho chén trà nóng bỗng ngon hơn.

Những chuyện đầu Ngô mình Sở chẳng hiểu sao lại dẫn dắt đến Tết. Anh bảo:

- Không nhứt thiết, nhưng mấy ngày Tết tình cờ đi đâu ngang đây thì tạt vô. Lúc nào tôi cũng có nhà. Một mình hà.
- Sao vậy? Chì đâu?
- Vài năm nay bà ấy có lệ đầu xuân là ráp với mấy đứa em, đứa cháu. Không miếu thì núi, chẳng Bình Dương thì Châu Đốc, Tây Ninh. Hưu rồi, rảnh rang mà. Có khi đi hết tháng Giêng. Tôi quen rồi.

Nghĩ đến chuyện thiên hạ kinh doanh lộc thánh, tôi buột miệng:

- Hành hương hay là...?
- Ai mà biết mấy bà mấy cô! Bây giờ gần như đèn chùa, miếu mạo nào cũng bị thương mại hóa. Nghĩ thương cho bụng dạ nhi nữ thường tình. Thấy thiên hạ đi rần rần thì cũng xúm vô đi, chẳng quan điểm lập trường chi hết!

Anh vừa nói vừa cười, giọng nhẹ nhàng bao dung, không

chút mỉa mai chỉ trích.

Tôi ngược nhìn chiếc tủ nhỏ kê ở góc phòng. Những gáy sách lộ qua lớp cửa kính trong suốt. Một số quyển tôi từng mượn anh đọc, và kết bạn với anh cũng vì cùng thích chung một số tác giả. Anh đọc không nhiều, nhưng tập trung và chọn lọc. Xưa thì Đạt Ma, Trang Tử... nay thì Suzuki, Capra... Có dạo anh khoe tôi Anthony de Mello, và vị giáo sĩ Dòng Tên người Ấn này đã làm hai anh em tốn khá nhiều cà phê, nước trà khi có dịp ngồi bên nhau thủng thỉnh đối trao những gẫm suy, tâm đắc từ trang sách của bậc hiền nhân quá cố.

Hồi mới quen anh, chơi với nhau một dạo, biết “gu” đọc sách của anh rồi, tôi trêu:

- Anh đúng là người có tinh thần... liên tôn.

Anh cười cười, không thèm đính chính:

- Có vậy mới hòng phá được sở tri chương của mình, phá cái bệnh chấp ta chấp người của mình. Hồi bằng tuổi ông bây giờ, tôi chỉ đọc rất một thứ, may mà có ngày sớm vỡ lẽ mình sai.

Tôi đảo mắt liếc nhanh phòng khách của hai ông bà giáo không con về hưu. Tết khá cận kề, nhưng dường như ở đây chưa có gì thay đổi. Chùng hiểu ý tôi, anh nói:

- Nhiều năm rồi đã thành lệ. Dĩ nhiên cũng mất công thuyết phục bà ấy mới chịu nghe. Tôi thấy không gì lãng cho bằng cần kiệm cả năm để rồi tung ra tiêu hoang ba ngày Tết. Người ta tốn tiền thương xuân mà thực sự vẫn không biết cách thương xuân.

Tôi làm thinh, biết rằng cứ nhẩn nha một chút thì anh sẽ

giải bày thêm. Với tôi, anh có thể đông dài mà không sợ người nghe cười thảm rằng anh chỉ giỏi nghề lên lớp, làm tăng bộ tịch cao đạo.

- Ông biết đó, xuân là đổi mới, là hoán cựa nghinh tân. Nhưng chúng ta hầu như chỉ biết đổi mới ở bề ngoài. Đón Tết, ta tốn tiền lo làm mới nhà cửa, sắm mới áo quần, còn phần bên trong của chính mình, là tâm hồn mình thì không mấy ai lo làm cho mới hơn năm cũ. Tết đến, ai cũng tổng kết xem năm rồi mình tăng thêm thu nhập bao nhiêu, nhưng không mấy ai tính sổ xem tâm hồn mình đã được gì, mất gì.

Tôi gật gù:

- Ai cũng như anh thì không có chợ Tết đâu ghen!

- Tôi nào dám đá phá tục ăn Tết. Truyền thống ông bà mà. Tôi chỉ muốn suy nghĩ cho thấu tình đạt lý về ý nghĩa thực sự của thưởng xuân thôi. Ông nghĩ, nếu lòng mình cứ đầy nhóc tham sân si, bon chen tranh cạnh, lợi kỷ hại nhân, thì dù ăn mặc thanh lịch, ngồi bên ngàn hoa xuân tươi đẹp, ngắm sắc thắm xinh, ngửi mùi thơm thoang thoang trong nhụy, cũng chẳng ích gì. Hoa sẽ tàn, xuân sẽ qua, năm sẽ hết, còn đời mình tuổi chồng thêm tuổi, cái xấu cứ tích lũy dày thêm thì chẳng bề bàng lắm sao?

Tôi trêu:

- Vâng, các cụ há chẳng bảo xuân nhứt nhứt tân, hựu nhứt tân là gì. Có điều người ta chỉ biết duy tân bên ngoài mà quên duy tân bên trong. Có lẽ vì vậy, chị giận anh nên Tết nào cũng bắt anh chèo queo coi nhà còn chị mặc tình đi núi đi non, chơi đèn chơi miếu.

Anh cười ha hả:

- Thì phải thỏa hiệp để chung sống hòa bình. Tôi ăn Tết kiêu tôi, bà ấy ăn Tết kiêu bà ấy. Miễn tôn trọng nhau là tốt rồi.

Anh đổi giọng:

- Nói thật lòng, thấy bà ấy mãi mê hành hương mà thương. Như tôi cũng hành hương đấy chứ, nhưng hành hương kiêu khác. Tâm hồn mình chính là ngôi đền thiêng liêng mà mình nên biết chiêm bái. Mỗi mùa xuân đến, tôi hay trầm tư là vậy. Cứ nghĩ cái quỹ thời gian đời mình đang mỏng dần, mà nội tâm mình không dày thêm theo chiều tỷ lệ nghịch là tôi phát chán cho tôi. Nói ông đừng cười, có khi cạo râu, ngắm nghía bản mặt mình trong gương, thấy cũng sáng sủa, không nổi tẻ, vậy mà cứ sao lòng mình nhiều lúc tối tăm, thảm hại quá!

Chia tay nhau, tôi cho xe hướng về trung tâm thành phố. Đọc quốc lộ, thỉnh thoảng lại gặp mấy chỗ bán mai bên vệ đường. Một vài cành nở sớm lắm tím điềm vàng cho vui mắt đoạn đường trống trải. Tôi đã qua cái tuổi rạo rục đón xuân, nhưng mỗi lần thấy tin mai báo Tết lại không khỏi băng khuâng vô có. Bây giờ, cũng đang lúc băng khuâng như vậy, tôi chợt lan man nhớ nghĩ câu chuyện hành hương thưởng xuân của anh.

Trời không nắng, gió thổi ngược dán lớp áo sơ mi dính sát vào người, vậy mà không thấy lạnh.

13-01-2003

CGvDT số xuân Quý Mùi

## THẮP NẾN TÌM TIỀN VÀNG

Dụ ngôn (*parable*) là câu chuyện kể ngắn gọn, bằng văn vần hay văn xuôi, nhằm chuyển tải một bài học đạo lý, một nguyên tắc đạo đức chuẩn mực. Nhân vật trong dụ ngôn là con người, khác với nhân vật trong ngụ ngôn (*fable*) là thú vật, thực vật, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên, v.v... Chẳng hạn, con ve và con kiến trong thơ ngụ ngôn của La Fontaine (1621-1695) là hai nhân vật rất quen thuộc.

Dụ (chữ Nho) nghĩa là ví von, so sánh cho dễ hiểu. Trong thiên *Tề Vật Luận* (Trang Tử Nam Hoa Kinh) có câu này: “*Lấy ngón tay mà ví dụ rằng ngón tay không phải là ngón tay, sao bằng lấy cái không phải ngón tay để mà ví dụ rằng ngón tay không phải là ngón tay.*”<sup>(1)</sup>

Kinh điển các đạo giáo Đông Tây xưa nay thường chép lại nhiều dụ ngôn của các đấng giáo chủ. Dụ ngôn gần gũi trong Kinh Pháp Hoa nhà Phật (quyển 2, phẩm Tín Giải) rất tương đồng với dụ ngôn đứa con đi hoang trong Phúc Âm (Luca 15: 11-32).<sup>(2)</sup>

Thánh Luca (10: 29-37) còn chép rằng một người thông luật muốn thử thách Chúa Giêsu nên hỏi:

<sup>(1)</sup> *Dĩ chỉ dụ chỉ chi phi chỉ, bất nhược dĩ phi chỉ dụ chỉ chi phi chỉ dã.* 以指喻指之非指, 不若以非指喻指之非指也.

<sup>(2)</sup> Xem bài “Hai Kẻ Đi Hoang” trong *Nhịp Cầu Tương Tri*, của Huệ Khải (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 85-86). Quyển 42 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

- Ai là người thân cận của tôi?

Thay vì trả lời thẳng vào câu hỏi ấy, Chúa dùng một dụ ngôn:

- Một người kia rời Giêrusalem đi Giêrikhô, dọc đường lột vào tay bọn cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử, rồi bỏ đi, để mặc nạn nhân dờ sống dờ chết. Có thầy tu té tình cờ đi qua đấy, trông thấy nạn nhân, nhưng liền tránh sang một bên mà đi tiếp. Rồi một thầy Lêvi đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh sang một bên mà đi. Sau cùng, một người Samaria đi tới, cũng thấy, và chạnh lòng thương. Ông ta bèn ngồi xuống, lấy dầu lấy rượu rửa vết thương và băng bó lại, rồi đặt nạn nhân trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ săn sóc. Hôm sau, người Samaria lấy ra hai quan tiền trao cho chủ quán, nhờ săn sóc nạn nhân, có tốn kém thêm bao nhiêu, thì khi trở về ông ta sẽ hoàn trả chủ quán đầy đủ.

Kể xong, Chúa hỏi:

- Theo ông, trong ba người đó, ai đã tỏ ra là người thân cận với nạn nhân?

Người thông luật đáp:

- Chính là người đã thực thi lòng thương xót đối với nạn nhân.

Đức Giêsu dạy:

- Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy.

\*

Và đây là chuyện tôi nghe:



Vị đạo sư nọ thích dùng dụ ngôn để gởi gắm các lý đạo sâu xa. Nhiều dụ ngôn được học trò lãnh hội và thích thú. Đôi khi, ngược lại, họ cảm thấy một số mẩu chuyện thầy kể dường như nhạt nhẽo, cụt lùn đến mức sơ sài.

Đọc được ý nghĩ thâm kín của học trò, đạo sư vẫn phớt tỉnh. Tuy nhiên, có lần kể xong dụ ngôn ngắn ngủi, nhìn về mặt chưng hửng của họ, đạo sư từ tốn bảo:

- Anh chị em chưa hiểu sao? Khoảng cách ngắn nhất giữa con người phàm phu và Đạo là một câu chuyện.

Một dịp khác, sau dụ ngôn vắng vẻ của thầy, họ không thêm giấu giếm nỗi thất vọng. Thấy thế, đạo sư mỉm cười an ủi bằng ... một dụ ngôn khác:

- Anh chị em chớ nên coi thường câu chuyện ấy. Có anh lái buôn trót đánh rơi đồng tiền vàng trong nhà kho tối om. Anh ta thấp ngọn nến đáng giá một xu để soi tìm, và nhặt lại được đồng tiền vàng. Cũng vậy, một câu chuyện đơn giản vẫn thừa sức chuyên tải một lẽ Đạo thâm sâu.

03-4-2012

CGvDT số 1852, ngày 06-4-2012

Theo giáo lý nhà Phật, Bồ Tát (*Bodhisattva*) là đáng có lòng đại từ đại bi, thương xót chúng sanh vô bờ bến. Các Ngài luôn sẵn sàng hy sinh không giới hạn để cứu khổ ban vui cho chúng sanh.

Bồ Tát là đáng gần thành Phật (*Buddha*), nghĩa là thấp hơn Phật, nhưng cao hơn La Hán (*Arhat*).

La Hán tuy thấp hơn Bồ Tát nhưng là bậc Thánh có được sáu phép thần thông. Một trong số đó là *Tha Tâm Thông*, tức là “đọc” được ý nghĩ, tư tưởng thâm kín của người khác.<sup>(1)</sup>

Đây là chuyện tôi nghe:

---

<sup>(1)</sup> *Lục Thông*: Sáu phép thần thông gồm có: ① *Thần túc thông*: Biến hiện theo ý muốn, không hề chướng ngại. ② *Thiên nhãn thông*: Nhìn thấy tất cả mọi hình sắc gần xa trong cả thế gian, nhìn thấy mọi hình tướng khổ vui của chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi. ③ *Thiên nhĩ thông*: Nghe và hiểu hết mọi âm thanh trong thế gian, nghe và hiểu hết mọi ngôn ngữ của chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi. ④ *Tha tâm thông*: Biết hết tất cả mọi ý nghĩ thâm kín của chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi. ⑤ *Túc mệnh thông*: Biết được kiếp trước của bản thân và của chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi, từ một đời, hai đời cho đến muôn đời trước đều biết rõ, nhớ rõ sinh ra ở đâu, cha mẹ là ai, tên gì, làm gì... ⑥ *Lậu tận thông*: Dứt trừ toàn bộ những thấy và biết sai lầm trong ba cõi, không còn sinh tử luân hồi trong ba cõi (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), được giải thoát hoàn toàn.

Vị đạo sư nọ đã tu chứng tới quả La Hán. Hôm ấy có việc, ngài dắt theo một đệ tử cùng cuộc bộ đường xa. Qua cánh đồng, hai thầy trò bắt gặp tốp nông phu đang cày ruộng. Trâu và người đều mệt nhòa dưới nắng trưa chói chang.

Khi lưỡi cày vỡ đất ra, lật tung lên từng khối, thì rất nhiều sâu bọ, côn trùng bị giết hoặc bị thương, oằn oại dọc theo những đường cày. Thê là chim chóc liên tục sà xuống kiếm mồi.

Chứng kiến cảnh ấy, trò nghĩ thầm: “Cuộc đấu tranh sinh tồn sao mà khổ đến thế! Ta nguyện tu thành Phật để cứu rỗi hết thảy chúng sanh.”

Lập tức bắt được làn sóng tư tưởng do đệ tử phóng ra, đạo sư bảo ngay:

- Mau đưa hết hành lý cho ta quảy, và hãy đi trước ta.

Trò bối rối, không hiểu gì cả, nhưng nào dám cãi, cứ răm rắp làm đúng theo lệnh thầy.

Cả hai tiếp tục lội bộ dưới nắng trưa trên con đường trống trải chằng một tàn cây. Thịnh thoảng vài con trốt nóng hực lại cuốn bụi cát bay mù lên, phủ trùm lấy hai thầy trò. Thấm mệt, trò vừa lê bước vừa ngẫm nghĩ: “Chúng sinh thì vô số và cảnh khổ thì vô biên, vô lượng! Ta chỉ có một tấm thân yếu đuối này, làm sao cứu giúp tất cả cho xuê! Có lẽ ta chỉ tu đủ để tự cứu được mình thì đã là may phúc lắm rồi!”

Lập tức bắt được làn sóng tư tưởng do đệ tử phóng ra, đạo sư liền bảo:

- Mau quảy hết hành lý cho ta, và hãy đi sau ta.

Trò bối rối, không hiểu gì cả, nhưng nào dám cãi, cứ răm rắp làm đúng theo lệnh thầy.

Từ lúc ấy trở đi, chốc chốc thầy lại đổi hành lý cho trò và cả hai cứ từng chập hoán chuyển vị trí: trò đi trước, thầy đi sau; rồi lại trò đi sau, thầy đi trước...

Tới lúc tìm thấy một tàn cây trơ trọi ven đường, cả hai dừng chân nghỉ mệt và chuẩn bị ăn trưa. Bấy giờ trò mới làm gan, kính cẩn xin thầy giải thích lý do.

Thầy đáp:

- Khi anh phát tâm cứu khổ hết thảy chúng sanh, thì anh là Bồ Tát, nên ta phải quảy hành lý và đi sau anh, vì ta mới là La Hán, thấp hơn anh một bậc. Nhưng khi anh sanh lòng ích kỷ, anh không còn là Bồ Tát nữa, vậy anh phải quảy hành lý và đi sau ta.

Thay lời bình luận, người kể chuyện dẫn lại lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy như sau:

*“Vậy chớ mình là ai? Trong một ngày qua, có lúc mình là Phật, có lúc mình là Tiên, có lúc mình là Thánh Thần, cũng có lúc mình quá phàm phu tục tử, và cũng có lúc mình là ngạ quỷ,<sup>(2)</sup> súc sanh. Như vậy, hỏi lại mình là ai? Cũng đồng thời một nhục thể này, nhưng nhục thể ấy cũng không phải là mình. Chính những nguồn tư tưởng phát xuất từ nội tâm ấy đã đánh giá con người mình là Phật Tiên, Thánh Thần, phàm phu hoặc ngạ quỷ, súc sanh.”<sup>(3)</sup>*

25-9-2011

CGvDT số 1827, ngày 30-9-2011

<sup>(2)</sup> *Ngạ quỷ* 餓鬼: Quỷ đói.

<sup>(3)</sup> Minh Lý Thánh Hội, ngày 06-11-1971.

# THẤY VẬY MÀ KHÔNG PHẢI VẬY

*Vì chính Ta biết các kế hoạch  
Ta định làm cho các người...*

Giêrêmia 29:11

Đây là chuyện tôi nghe:

Một hôm hai vị Tiên từ cõi trời xuống trần gian, giả dạng người phàm, ghé thăm khắp nơi, xem xét nhân tình. Trong chuyến đi này vị Tiên trưởng (lớn tuổi) còn kèm thêm nhiệm vụ hướng dẫn cho vị Tiên đồng (nhỏ tuổi) chưa mấy kinh nghiệm.

Trời sụp tối, hai vị ghé vào một nhà giàu lớn, xin tá túc qua đêm. Dù chủ nhà thô lỗ xưa đuôi, hai người khách lỡ đường vẫn cố năn nỉ ỉ ôi, mong ông ta rủ lòng thương. Cuối cùng, chủ nhà miễn cưỡng sai gia nhân đưa cả hai vào một nhà kho cũ đã lâu bỏ không. Chủ nhà căn dặn, hãy hừng sáng phải rời đi ngay, không được nấn ná.

Trong nhà kho bần thiu, thấy Tiên trưởng hóa phép bịt kín một lỗ hổng ở xó tường tối tăm, Tiên đồng ngạc nhiên, hỏi:

- Sao Tiên trưởng mất công sửa nhà cho kẻ xấu bụng, không đáng được giúp đỡ?

- Ấy! Thấy vậy mà không phải vậy!

Cuối ngày hôm sau, hai vị ghé một nhà nghèo xin ngủ qua đêm. Vợ chồng chủ nhà mau mắn mời vào, lại còn lệ miệng hỏi cả hai đã có chút gì bỏ bụng chưa. Hai vị trả lời đã ăn tạm dọc đường, lúc này chỉ cần chỗ ngả lưng là tốt lắm rồi, không dám làm phiền hơn nữa.

Chủ nhà sốt sắng dọn chỗ nằm khá thơm mát cho hai vị ở căn phòng nhỏ phía ngoài, vừa là phòng khách vừa là chỗ ăn cơm nên sạch sẽ và ấm áp.

Sáng dậy, hai vị Tiên cảm ơn chủ nhà trước khi cất bước lên đường. Thấy gương mặt hai vợ chồng buồn thiu, Tiên đồng hỏi lý do thì được biết con bò sữa độc nhất của họ hồi khuya bỗng dung ngã lăn ra chết! Họ mất trắng phương tiện mưu sinh!

Ra khỏi nhà hai kẻ tốt bụng mà kém may mắn ấy, đi chưa được bao xa, Tiên đồng không giấu nổi bất bình:

- Tiên trưởng lạ thật! Kẻ không đáng giúp thì ngài giúp. Còn hai người tử tế thế kia thì ngài cứ điềm nhiên không ra tay tế độ!

- Ấy! Thấy vậy mà không phải vậy!

Đi thêm đoạn đường nữa, thấy vị đồng hành có vẻ vẫn chưa thôi phiền lòng, Tiên trưởng ôn tồn giải thích:

- Đêm trước, ta thấy trong hốc tường nhà kho có giấu vàng, bèn lấp kỹ để kẻ thiếu đức khỏi được cơ hội giàu thêm. Còn hai vợ chồng kia, ta cứu họ rồi. Hồi khuya Thần Chết tới đòi bắt người chồng đi. Ta phải thương lượng với ông ấy mãi. Cuối cùng, nể mặt ta, ông ấy cũng miễn cưỡng tha chết cho người chồng, nhưng buộc phải đền con bò gọi là thế mạng. Thôi thì đành vậy... Một đổi một vẫn còn hơi chán! Có điều hai vợ chồng kia còn phải mất nhiều ngày đau khổ, than trời trách đất. Thấy họ đau khổ ta cũng chạnh lòng, nhưng đâu dám hé lộ cơ Trời.

10-8-2011

CGvDT số 1820, ngày 12-8-2011

## THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN



Rarindra Prakarsa là một nhiếp ảnh gia người Indonesia đang sống và sáng tác ở Jakarta. Ông có biệt tài sử dụng ánh sáng và màu sắc tương phản đẹp đến huyền ảo trong các ảnh nghệ thuật, đặc biệt là ảnh trẻ con chơi đùa.

Tại địa chỉ [photo.net/photos/rarindra](http://photo.net/photos/rarindra), trong số bốn trăm hai mươi lăm ảnh của ông, có một tấm ảnh màu miêu tả trẻ con Indonesia đang chơi trò rồng rắn ở một làng quê (ảnh trên). Tấm ảnh này nhắc chúng ta nhớ tới trò chơi xa xưa của trẻ con Việt Nam kèm với lời đồng dao:

*Thiên đàng địa ngục hai bên  
Ai khôn thì lại, ai dại thì qua  
Đêm nằm nhớ Chúa, nhớ Cha  
Đọc kinh cầu nguyện, kéo sa linh hồn  
Linh hồn phải giữ linh hồn  
Đến khi mình chết được lên thiên đàng.*

Câu thứ hai có vài chữ khác nhau, tuy nhiên không cần khảo dị ở đây. Điều đáng nói là ý nghĩa của bài đồng dao, khiến ta đoán phỏng rằng trò chơi này xuất phát từ các làng Công Giáo.

Khi cùng đám bạn trang lứa chơi đùa vui vẻ, có lẽ các cháu nhỏ chẳng thêm bận lòng thắc mắc ý nghĩa từng câu, nhất là câu thứ hai:

*Ai khôn thì lại.* Lại là đến; đến thiên đàng.

*Ai dại thì qua.* Qua là tới; tới địa ngục.

Khôn và dại tùy vào cách sống. Sống sao cho linh hồn khỏi sa địa ngục là khôn ngoan. Sống mà linh hồn không lên được thiên đàng là khờ dại.

\*

Trong *Sa Thạch Tập*,<sup>(1)</sup> truyện thứ ba mươi mốt, thiền sư Vô Trúc Đạo Hiểu<sup>(2)</sup> kể rằng một người đến xin Thiền Sư Bạch Ẩn<sup>(3)</sup> cho biết thiên đàng và địa ngục có thật không.

(1) *Shasekishū* 沙石集

(2) Mujū Dōkyō 無住道曉 (1227-1312)

(3) Hakuin 白隱

Sur hỏi:

- Anh là ai?
- Tôi là samurai.

Sur ra giọng mỉa mai:

- Võ sĩ ư? Trông chẳng khác tên ăn mày!

Tức giận, kẻ ấy đưa tay sờ vào đốc kiếm. Sur không buông tha:

- Anh mà đủ gan cắt đầu ta ư?

Lập tức kiếm bén tuốt ra. Sur ngựa cổ, bảo:

- Đây, hãy mở cửa địa ngục!

Bừng ngộ, kẻ kia liền tra kiếm vào vỏ, cung kính chấp tay xá. Sur nói luôn:

- Cửa thiên đàng vừa mở.

\*

Đây là chuyện khác tôi nghe:

Ngày xưa có ông vua cho vời một đạo sĩ vào triều hỏi xem thiên đàng và địa ngục là thật hay hoang đường. Đạo sĩ kính cẩn mời vua ngả đầu trên chiếc gối phép. Vua nằm ngủ, thấy hồn xuất ra, đi theo đạo sĩ vào một căn phòng lớn.

Trong phòng có một nồi cháo thật to. Rất đông người ôm đống chen lấn chung quanh. Mỗi người chỉ có một cái vá cán rất dài. Ai cũng cố giành phần mức cháo. Vì cán vá quá dài, họ mức được cháo mà không thể đưa tới gần miệng để húp. Họ càng loay hoay, càng tranh giành thì càng làm cháo văng ra ngoài tung tóe.

Vua lắc đầu ngao ngán:

- Đúng là địa ngục!

Vua lại thấy hồn mình đi theo đạo sĩ bước vào căn phòng lớn thứ hai, cũng có nồi cháo thật to như vậy. Rất đông người đứng chung quanh. Mỗi người cũng chỉ có một cái vá cán rất dài. Nhưng họ đứng trật tự, chờ tới lượt. Khi mức được cháo, họ đưa cho người khác húp. Người này mức thì người khác được hưởng. Ai cũng vui vẻ vì no đủ.

Vua gật gù:

- Đúng là thiên đàng.

Người kể chuyện bình luận bằng lời Thánh Phaolô:

*“Quả thế, thưa anh em, anh em đã được gọi để được hưởng tự do. Có điều là đừng lợi dụng tự do để sống theo tính xác thịt, nhưng hãy lấy đức mến mà phục vụ lẫn nhau. Vì tất cả lề luật được nên trọn trong điều răn duy nhất này là hãy yêu mến tha nhân như chính mình người. Nhưng nếu anh em cắn xé nhau, anh em hãy coi chừng, anh em tiêu diệt lẫn nhau đấy!”* (Thư Gởi Tín Hữu Galát 5:13-15)

13-9-2011

CGvDT số 1825, ngày 16-9-2011

## TIẾNG CƯỜI BÊN KHE

Đời Đông Tấn (317-420) bên Trung Quốc có ba danh nhân là nhà nho Đào Tiềm (365-427), đạo sĩ Lục Tu Tĩnh (406-477), và sư Huệ Viễn (334-416).

**Đào Tiềm** hiệu Uyên Minh, biệt hiệu là Ngũ Liễu Tiên Sinh, người đất Tầm Dương (nay thuộc huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây). Ông sinh trong một gia đình danh giá đã sa sút. Từ năm hai mươi chín tuổi, ông giữ vài chức quan nhỏ, nghèo túng. Năm bốn mươi tuổi, chán ngán quan trường lắm kẻ tiểu nhân, ông trả ấn về làm dân. Dịp này ông sáng tác bài phú *Quy Khứ Lai Từ* (lời từ biệt khi về), mở đầu như sau: *Quy khứ lai hề, điền viên tương vu, hồ bất quy?* (Về đi thôi hề, ruộng vườn sắp hoang vu, sao không về?)

Tương truyền năm sáu mươi hai tuổi, gặp lúc đói kém, ông khôn cùng đến mức phải đi xin ăn. Năm sau thì lìa trần trong đói khổ. Hậu thế kết tập thơ văn của ông thành bộ *Đào Uyên Minh Thi Văn Tập* (mười quyển), trong đó có trên một trăm hai mươi bài thơ. Khoảng bảy tám mươi năm sau khi ông mất, thơ ông ngày càng được tán tụng.

**Lục Tu Tĩnh** quê ở Đông Thiên, Ngô Hưng (nay là huyện Ngô Hưng, tỉnh Chiết Giang), thuở nhỏ theo nghiệp Nho, nhưng hâm mộ đạo Lão. Khi trưởng thành ông bỏ nhà vào núi tu luyện. Đời Tống Văn Đế (423-453) ông được mời vào hoàng cung giảng đạo, được Thái Hậu tôn làm thầy. Tống Minh Đế (465-472) cho cất Sùng Hư Quán trên núi Thiên Ấn và mời Lục Tu Tĩnh trụ trì.

Cống hiến quan trọng của Lục Tu Tĩnh là cải cách Thiên Sư Đạo (một tông phái lớn của đạo Lão). Ông rất coi trọng việc trai giới, có công hệ thống hóa các nghi thức trai giới. Ông viết nhiều sách, còn lưu giữ được trong bộ *Chính Thống Đạo Tạng*. Ngoài ra, ông còn san định và phân loại kinh điển nhiều tông phái đạo Lão (tổng cộng 1.128 quyển). Do đó, ông được xem là một học giả uyên bác của đạo Lão.

**Huệ Viễn** thành lập Bạch Liên Xã năm 402, hướng dẫn các vị tăng và cư sĩ lễ bái Phật A Di Đà và nguyện khi chết được vãng sinh về cõi Tịnh Độ. Do sự kiện này, Sư Huệ Viễn được xem là tổ sư sáng lập Tịnh Độ Tông tại Trung Quốc. Tịnh Độ Tông là một tông phái nhà Phật rất phổ biến tại Trung Quốc, Nhật, Việt Nam... Người tu Tịnh Độ dốc lòng tin tưởng Phật A Di Đà và đại nguyện của Ngài cứu độ mọi chúng sinh; những ai biết chuyên tâm niệm “*Nam mô A Di Đà Phật*” thì khi lìa trần sẽ được Phật A Di Đà rước về cõi Tịnh Độ do Ngài làm chủ.

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Sư Huệ Viễn có lúc trụ trì chùa Đông Lâm, gần khe nước gọi là khe Cọp (Hổ khê). Sư có một nguyên tắc: Mỗi khi tiễn khách, sư chỉ đi đến bên khe thì dừng lại, rồi quay về chùa.

Một hôm, đạo sĩ Lục Tu Tĩnh và nhà thơ Đào Tiềm cùng vào núi thăm sư. Khi tiễn khách quý ra về, sư mãi trò chuyện thích thú quên cả ngoại cảnh, nên vô tình bước qua

khỏi Hồ Khê. Chùng sức tỉnh, thấy mình đã “phá lệ” xưa nay, sư cùng hai vị khách nhìn nhau cười vang khoái chí.

Giai thoại này có lẽ là hư cấu, vì tính tới năm sư Huệ Viễn viên tịch (416) thì Lục Tu Tĩnh mới mười tuổi!

Nhưng bất chấp điều ấy, câu chuyện của ba vị lưu truyền lâu đời đã trở thành đề tài cho nhiều họa sĩ Trung Quốc vẽ tích *Hồ Khê Tam Tiếu* 虎溪三笑 (ba tiếng cười bên khe Cọp).

Tranh vẽ in lại đây (họa sĩ khuyết danh) là một thí dụ. Nó phản ánh tinh thần Tam Giáo một nhà. Nói như hiện nay là có tinh thần đối thoại liên tôn.



15-10-2011  
CGvDT số 1830, ngày 21-10-2011

## TIN CÓ THIÊN THẦN

*Trên đời không có gì phải sợ hãi.  
Ta chỉ cần thấu hiểu.<sup>(1)</sup>*

Marie Curie (1867-1934)

\*

Đây là chuyện tôi nghe:

Thuở lên năm, K (con gái chị) đã phải chia tay với chị họ bảy tuổi. Cả hai đều rất thân thiết, dù cách nhau hai tuổi.

S (con gái người anh) mới lên ba đã mắc bệnh ung thư. Khối u được cắt bỏ và hai năm sau bệnh tái phát. Cha mẹ S và chị đều không muốn cho hai trẻ biết gì về bệnh tình của S. Tất cả đều cố dành nhiều thời gian rỗi rảnh cho hai trẻ được gần nhau, ngoài những lúc đi mẫu giáo.

Cô giáo của S dần biết căn bệnh của học trò, nhưng cũng như mọi người trong gia đình S, tất cả đều giữ thái độ tự nhiên, để cháu được sống và vui chơi, học hành như bao trẻ nhỏ bình thường.

Một hôm, cô giáo bảo từng trẻ hãy trình bày cho cả lớp biết mộng ước tương lai khi mình lớn lên. Tới lượt S, cháu đứng dậy và nói:

- Thưa cô, con không mơ ước gì vì con sẽ không lớn lên.

Cô giáo lặng cả người. Được cô thuật lại, gia đình sững sờ và đoán có lẽ cháu tình cờ nghe lóm ai nhắc tới căn

---

<sup>(1)</sup> Nothing in life is to be feared. It is only to be understood.

bệnh. Nhưng mọi người chẳng hỏi han S, vờ như không hay biết gì cả.

Sức khỏe S càng yếu đi, chị càng đau lòng mỗi khi thấy hai trẻ quần quít bên nhau. Làm sao chị có thể báo cho K biết người bạn thân thiết, cũng là chị họ yêu quý của cháu sắp chết. Rất cuộc, khi dự đoán ngày S ra đi gần kề, một hôm chị gọi con vào phòng riêng và tiết lộ bí mật bấy lâu giấu kín. Nào ngờ, K nói:

- Chị em con biết hết rồi, mẹ à.

- Sao con biết?

- Chị và con thường nói về chuyện đó. Chị sắp lên thiên đàng, và sẽ khỏi bệnh. Các thiên thần đã báo trước cho chị và chị kể lại cho con. Mẹ đừng khóc.

Gia đình tổ chức sinh nhật lần thứ bảy của S trong bệnh viện, tại giường cháu nằm. Tuần sau cháu ra đi.

K khóc vì mất chị và bạn. Nhưng cháu không bi thương, khổ sở như chị từng lo ngại. S cũng già từ mọi người thân yêu một cách thanh thản. Chị cảm nhận dường như hai trẻ không sợ hãi cái chết. Các cháu tin S sẽ về cõi thiên đàng, dứt hết bệnh tật. Các thiên thần đã nói như thế, và các cháu tin ở thiên thần.

Các cháu nhỏ đã giúp chị biết cách nhìn cái chết không u ám, không hoảng hốt. Giờ đây chị cũng tin có thiên thần.<sup>(1)</sup>

11-11-2009

CGvDT số 1733, ngày 13-11-2009

---

<sup>(1)</sup> Phòng theo Wendy Ann Lowden, “*I Believe in Angels*” (1999).

Kinh *Quran* của đạo Islam gồm có một trăm mười bốn Surah. Như vậy, mỗi *Surah* giống như một *Thiên* (trong kinh điển Trung Quốc) hay một *Chương* (trong sách phương Tây). Các Surah dài ngắn không đều nhau. Riêng Surah thứ tư có nhan đề *An-Nisa* (nghĩa là *Phụ Nữ*), gồm một trăm bảy mươi sáu lời dạy, trong đó lời dạy thứ ba (ký hiệu *Surah 4:3*) có nói tới việc cho phép cưới nhiều vợ.

Hafiz Abdullah Yusuf Ali (1872-1953) là một học giả Islam người Ấn Độ dày công dịch kinh Quran ra tiếng Anh. Yusuf Ali dịch *Surah 4:3* như sau: “*Marry women of your choice. Two or three or four...*” Nghĩa là: Hãy cưới những phụ nữ anh chọn lựa. Hai hay ba hay bốn vợ...

Còn đây là chuyện tôi nghe:

Một nhà buôn nợ rất giàu, và vâng theo kinh Quran nên đã cưới bốn vợ. Dĩ nhiên dì tư trẻ đẹp nhất thì được cung chiều, chăm sóc kỹ hơn hết. Có bao nhiêu quần áo sang trọng, nữ trang đắt tiền, ông đều ưu tiên dành cho dì tư.

Kể đến, ông cũng yêu quý dì ba cách đặc biệt. Mỗi khi nhà có tiệc tùng, ông rất muốn để dì ba ra tiếp đãi khách quý, bạn bè, bà con để ông có dịp hãnh diện ngăm khoe với mọi người về vẻ sang trọng của dì; nhưng lúc nào ông cũng nom nớp sợ người khác quyến rũ dì, cướp đoạt dì ra khỏi tay ông!

Tình cảm ông dành cho dì hai dường như không kém



hơn dì ba. Ông luôn quý trọng dì hai là người giỏi giang, biết giúp ông quản lý tài sản, chăm nom nhà cửa.

Có điều ông lại sớm hắt hủi bà vợ chánh kể từ khi lần lượt cưới thêm dì hai, dì ba, rồi dì tư. Bà vẫn trung thành và yêu thương ông thắm thiết như thuở ban đầu. Thành thử, dù bị bạc đãi, bà chấp nhận sống âm thầm bên cạnh ông suốt mấy mươi năm, không hề than thở, trách móc.

Thế rồi, đến lúc nhà buôn mang trọng bệnh mà mọi danh y và thuốc quý rất cuộc đều không thể cứu mạng.

Biết rõ mình sắp phải bỏ lại tất cả sản nghiệp kèch sù và buộc phải ra đi lẻ loi với hai bàn tay trắng, ông buồn thê thiết trong nỗi tiếc nuối khôn cùng.

Dẫn đo mãi, sau rốt ông gọi dì tư tới bên giường bệnh, tỉ mỉ nhắc lại tất cả những thứ ông đã ưu tiên dành cho dì, để khẩn khoản xin dì tư hoan hỷ làm bạn đồng hành với ông rời khỏi trần gian. Dì tư chỉ nguýt ông một cái rồi tức tốc quay lưng.

Thất vọng quá, ông bèn gọi dì ba tới. Ông cũng kể lể nỗi niềm và nài nỉ chưa trọn lời thì dì ba liền ngắt lời:

- Cuộc đời còn đẹp lắm. Ông chết rồi, tôi sẽ sớm tái giá!

Xong, dì ngoe ngoáy bỏ đi.

Còn nước còn tát, ông gom chút hy vọng mong manh chờ gọi dì hai tới. Nhưng dì hai lắc đầu, an ủi:

- Dù thật lòng thương ông lắm, nhưng tôi chỉ có thể tiễn đưa ông tới huyệt mộ mà thôi!

Vừa mệt đuối, vừa đau lòng vì thực trạng phũ phàng, ông nằm thở dốc. Bà vợ chánh bấy lâu vẫn luôn túc trực suốt tại giường bệnh nhưng ông nào đoái hoài. Đến khi

nhìn thấy bà hốc hác, tiêu tụy, thiếu não, âu sầu đứng xơ rỏ bên cạnh, ông bất chợt hối hận đã nhẫn tâm bỏ bê vợ hiền. Ông mới vừa nhếch môi, chưa kịp cất giọng thều thào hỏi ý thì bà đã sục sùi nói:

- Hể ông đi đâu thì tôi theo đó.

\*

Người đạo Islam hiểu câu chuyện này như sau:

Dì tư là thân xác. Dù chúng ta có trau chuốt thể xác này cho lắm, khi ta chết, thân xác bỏ đi trước tiên.

Dì ba là tài sản, của cải. Sau khi ta chết, dì sẽ lấy chồng khác, nghĩa là tài sản của ta sẽ lọt vào tay kẻ khác.

Dì hai là bạn bè, thân thích... Cho dù có thương yêu, quý mến ta đến đâu chẳng nữa, họ cũng chỉ có thể gạt nước mắt vĩnh biệt ta tại nấm mộ mới đắp mà thôi.

Bà vợ là linh hồn, không bao giờ lìa bỏ chúng ta. Nếu chúng ta cứ cắm đầu cắm cổ chạy theo sự hào nhoáng giả dối bên ngoài, cứ mê mải tạo ra các mối quan hệ để lo làm giàu mà quên trau dồi linh hồn hay tâm linh của mình, thì cũng như chúng ta không vun phân tưới nước cho hoa kiểng, linh hồn sẽ héo úa, cần cỗi. Lúc chết, chúng ta sẽ bước sang thế giới bên kia với một linh hồn ảm đạm, u ám, thảm hại.

19-02-2012

CGvDT số 1846, ngày 24-02-1012

## TRIẾT LÝ SỐNG NGHỊCH LÝ

Tiến sĩ Kent M. Keith chào đời tại Brooklyn (New York), lần lượt được nuôi dưỡng tại California, Nebraska, Virginia, và Rhode Island trước khi tới Hawaii năm 1962, rồi tốt nghiệp trung học tại Honolulu (Hawaii) năm 1966.

Năm 1968 (lúc mười chín tuổi), trong lúc đang làm sinh viên năm thứ hai tại Harvard College (thành lập năm 1636, trong khuôn viên Viện Đại Học Harvard), Kent Keith viết “Những Điều Răn Nghịch Lý” (*The Paradoxical Commandments*).

Bất chúc Kinh Thánh Cựu Ước có Mười Điều Răn, Keith cũng đưa ra “mười điều răn” như sau:

1. Con người vốn phi lý, không biết điều, và vị kỷ. Dẫu thế, cứ yêu họ.
2. Nếu bạn làm điều tốt, thiên hạ sẽ buộc tội bạn có động cơ thâm kín. Dẫu thế, cứ làm điều tốt.
3. Nếu bạn thành công, bạn sẽ kiếm được bạn bè giả dối và kẻ thù thật sự. Dẫu thế, cứ thành công.
4. Việc lành bạn làm hôm nay sẽ bị quên lãng ngày mai. Dẫu thế, cứ làm lành.
5. Lòng trung thực và thẳng thắn khiến bạn có thể bị công kích. Dẫu thế, cứ trung thực và thẳng thắn.
6. Những ông bà rất vĩ đại mang tư duy rất vĩ đại có thể bị những ông bà thật hèn mọn mang đầu óc thật ti tiểu hạ

gục. Dẫu thế, cứ tư duy cho vĩ đại.

7. Thiên hạ cảm thông những người thất thế nhưng lại xu phụ những ai đắc thế. Dẫu sao, cứ đấu tranh cho một vài người thất thế.

8. Những gì bạn mất nhiều năm xây dựng có thể bị hủy hoại trong một đêm. Dẫu thế, cứ xây dựng.

9. Bá tánh thật sự cần được giúp đỡ nhưng nếu bạn trợ giúp, có thể họ công kích bạn. Dẫu thế, cứ giúp người khác.

10. Hãy trao cho đời những gì tốt đẹp nhất bạn có và bạn sẽ nhận lấy sự bội bạc. Dẫu thế, cứ trao cho đời những gì tốt đẹp nhất bạn có.<sup>(1)</sup>

\*

---

<sup>(1)</sup> *Nguyên văn theo Keith:*

- ① People are illogical, unreasonable, and self-centered. Love them anyway.
- ② If you do good, people will accuse you of selfish ulterior motives. Do good anyway.
- ③ If you are successful, you win false friends and true enemies. Succeed anyway.
- ④ The good you do today will be forgotten tomorrow. Do good anyway.
- ⑤ Honesty and frankness make you vulnerable. Be honest and frank anyway.
- ⑥ The biggest men and women with the biggest ideas can be shot down by the smallest men and women with the smallest minds. Think big anyway.
- ⑦ People favor underdogs but follow only top dogs. Fight for a few underdogs anyway.
- ⑧ What you spend years building may be destroyed overnight. Build anyway.
- ⑨ People really need help but may attack you if you do help them. Help people anyway.
- ⑩ Give the world the best you have and you'll get kicked in the teeth. Give the world the best you have anyway.

Tại Calcutta (Ấn Độ), trong ngôi nhà Mẹ Teresa (1910-1997) nuôi dưỡng trẻ em, người ta thấy Mẹ treo trên vách tường chín lời khuyên mới. Dường như Mẹ lấy cảm hứng từ Keith, nhưng Mẹ “biên tập” lại cho những tư tưởng này thêm đậm nét đạo lý.

1. Con người thường không biết điều, vô lý và vị kỷ. Dẫu thế, cứ tha thứ họ.
2. Nếu bạn tử tế, thiên hạ có thể buộc tội bạn ích kỷ, có động cơ thâm kín. Dẫu thế, cứ tử tế.
3. Nếu bạn thành công, bạn sẽ kiếm được một số bạn bè phản trắc và một số kẻ thù đích thực. Dẫu thế, cứ thành công.
4. Nếu bạn trung thực và chân thành thì thiên hạ có thể lừa gạt bạn. Dẫu thế, cứ trung thực và chân thành
5. Những gì bạn mất nhiều năm sáng tạo, người khác có thể hủy hoại trong một đêm. Dẫu thế, cứ sáng tạo.
6. Nếu bạn thấy thanh thản và hạnh phúc, một số người có thể ghen tỵ. Dẫu thế, cứ hạnh phúc.
7. Việc thiện bạn làm hôm nay, thường sẽ bị quên lãng. Dẫu thế, cứ hành thiện.
8. Hãy tặng những gì tốt nhất bạn có, và sẽ chẳng bao giờ đủ đâu. Dẫu thế, cứ tặng những gì tốt nhất của bạn.
9. Xét cho cùng, đây là chuyện giữa bạn và Thượng Đế. Dẫu sao, nó chẳng bao giờ là chuyện giữa bạn và thiên hạ.<sup>(2)</sup>

---

<sup>(2)</sup> *Nguyên văn theo Mẹ Teresa:*

① People are often unreasonable, irrational, and self-centered. Forgive them anyway. ② If you are kind, people may accuse

Rất có thể Mẹ Teresa (nay là Đức Chân Phước Teresa) vì đức khiêm tốn, đã không “dán nhãn” cho chín lời khuyên trên đây là “điều răn” (*Commandments*), và Mẹ cũng chỉ kết thúc ở số chín, thay vì mười.

Với chín nội dung dành cho những trẻ mà Dòng Thừa Sai Bác Ái của Mẹ đang nuôi dưỡng ở Calcutta, dường như Mẹ Teresa không nói rõ là gì, là lời khuyên, là tâm niệm, là nguyên tắc, là phương châm... Vâng, dường như Mẹ không nói gì hết.

Mạn phép Mẹ, có lẽ chúng ta tạm gọi đây là *Triết Lý Sống Nghịch Lý*.

08-02-2012

CGvDT số 1844, ngày 10-02-2012

---

you of selfish, ulterior motives. Be kind anyway. ③ If you are successful, you will win some unfaithful friends and some genuine enemies. Succeed anyway. ④ If you are honest and sincere, people may deceive you. Be honest and sincere anyway. ⑤ What you spend years creating, others could destroy overnight. Create anyway. ⑥ If you find serenity and happiness, some may be jealous. Be happy anyway. ⑦ The good you do today will often be forgotten. Do good anyway. ⑧ Give the best you have, and it will never be enough. Give your best anyway. ⑨ In the final analysis, it is between you and God. It was never between you and them anyway.

## TRỜI BUỘC



*Mātā Amṛtānandamayī Devī*

Mātā Amṛtānandamayī Devī (tên thật Sudhamani Idamannel, chào đời ngày 27-9-1953) nổi tiếng là người bác ái. Hơn thế nữa, bà là một đạo sư (*guru*), vị hướng dẫn tâm linh của tín đồ Bà La Môn (Ấn Giáo, đạo Hindu). Bà được môn đồ tôn kính là Thánh, và thường được gọi là

*Amma* (Mẹ). Từ bé tới nay, bà luôn luôn an ủi những người đau khổ bằng cách ôm chặt họ. Vì thế, biệt hiệu của bà là Thánh Ôm (*the Hugging Saint*).

Trong đạo Bà La Môn có hai bộ kinh rất quan trọng là *Vedas* (Tri Thức Minh Triết) và *Bhagavad Gita* (Ca Tụng Chí Tôn). Khi viết quyển *The Timeless Path* (Con Đường Phi Thời Gian), một cao đồ của Amma là Đại Sư (*Swami*) Ramakrishnananda Puri, ca ngợi: “*Con đường [tâm linh] mà Mẹ ghi tạc giống y hệt như con đường được diễn bày trong kinh Vedas và được tóm tắt trong những pho kinh truyền thống nói tiếp chẳng hạn như Bhagavad Gita.*”<sup>(1)</sup>

Đây là một dụ ngôn của Amma:

Chú nhỏ nọ sáng nào cũng lừa bò ra đồng rồi cuối ngày lại lừa về chuồng. Một tối nọ, trong lúc lấy dây thừng cột từng con bò buộc vào cọc, chú thấy một con đã rơi mất sợi dây. Chợ thì xa mà chú không tìm được sợi dây nào khác thế vào. Sợ rằng trong đêm bò sông chuồng chạy mất, chú bèn chạy qua nhà hàng xóm nhờ giúp.

Người ấy bảo chú trở về, làm bộ như đang cột con bò vào cọc, và phải để cho con bò nhìn thấy chú đang “cột” nó lại. Chú làm y theo mẹo đó.

Sáng sớm hôm sau, chú vui mừng thấy con bò vẫn còn nguyên trong chuồng. Thế là chú tháo dây, lừa đàn bò ra đồng. Nhưng con bò bị mất sợi dây cứ đứng ì một chỗ. Chú vỗ về đủ cách nó vẫn không chịu ra! Bối rối, chú bèn chạy ù qua nhà hàng xóm nhờ giúp.

---

<sup>(1)</sup> The [spiritual] path inculcated by Amma is the same as the one presented in the Vedas and recapitulated in subsequent traditional scriptures such as the Bhagavad Gita.

Người ấy bảo chú trở về, làm bộ như đang tháo dây cột con bò, và phải để cho con bò nhìn thấy là chú đang “tháo” dây cho nó. Chú làm y theo mẹo đó. Quả nhiên, con bò liền bước ra khỏi chuồng, nhập bọn với cả đàn.

Amma giải thích: Công việc của đạo sư là tháo sợi dây đang buộc môn đồ vào tự ngã (*ego*: cái tôi). Thật ra không có sợi dây nào buộc trói họ. Thật ra họ được tự tại (tự do) nhưng cứ ngỡ rằng mình đang bị trói buộc, chẳng khác con bò kia.

Dụ ngôn của Amma nhắc ta nhớ một thiên thoại:

Năm bốn mươi tuổi, Thần Quang (487-593) lên núi Tung Sơn, quỳ mãi ngoài trời tuyết lạnh mà Bồ Đề Đạt Ma (*Bodhidharma*, khoảng 470-543) cứ day mặt vào vách động, chẳng thèm đoái hoài. Sau cùng, ông tự chặt bàn tay trái dâng thầy, chứng tỏ quyết tâm xả thân cầu đạo, giống như lời của Đức Khổng Tử: “*Triêu văn Đạo, tịch tử khả hĩ.*” (Sáng nghe Đạo, tối chết cũng cam.)

Bấy giờ Đạt Ma mới chấp nhận Thần Quang, đặt pháp danh cho học trò là Huệ Khả.

Huệ Khả bạch:

- Tâm con không an. Xin thầy an tâm cho con.

Đạt Ma bảo:

- Đem tâm con ra đây, thầy sẽ an cho.

Huệ Khả:

- Ủa, sao không thấy tâm con đâu hết?!

10-4-2012

CGvDT số 1853, ngày 13-4-2012

Nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc* số 208 (tháng 4-2012) có bài “*Công Cuộc Phúc Âm Hóa Mới*” của Linh Mục Thiện Cẩm. Thích thú những điều Linh Mục viết ra ở hai trang 7 và 8, tôi xin trích mấy đoạn như sau:

“*Có những người có tài hùng biện, văn hay chữ tốt, nhưng rốt cục bị chê là rỗng tuếch, chẳng có nội dung.*”

*Trái lại, có những người giảng dạy một cách đơn sơ giản dị, không dùng văn chương chữ nghĩa bay bướm, cũng chẳng hùng hồn mạnh mẽ, nhưng không hiểu sao lại thu hút được tâm hồn người nghe.*

*Tôi nhớ hai lần được nghe Sư Huynh Roger Schutz, Tu Viện Trưởng tu viện Taizé bên Pháp, nói chuyện với anh em tu viện L’Arbresle của chúng tôi. Sư Huynh nói nhỏ nhẹ, đơn sơ, tự nhiên, không dùng những từ cao siêu, những thuật ngữ Kinh Thánh, thần học hay tu đức, vậy mà các giáo sư của chúng tôi, chuyên môn về Kinh Thánh, thần học, triết lý, v.v... đều ngồi chăm chú nghe, như bị thu hút bởi một sức mạnh huyền bí nào đó.”*

Linh Mục lại viết:

“*Theo tôi nghĩ, lời rao giảng Tin Mừng không giống với một bài thuyết trình về triết lý, hay thần học.*”

“*... một bài chia sẻ Tin Mừng, thì lại cần cái gì khác, mà nghệ thuật văn chương hay hùng biện không giúp gì được. Cái gì khác đó, chính là **ân sủng**, là **Thần Khí**, mà chỉ cầu nguyện và suy tư chiêm niệm mới có thể đem lại cho người sứ giả Lời Chúa.*”

Đọc bài viết rất hay của Linh Mục Thiện Cẩm, tôi nhớ lại ý kiến của tác giả Đơn Tâm (đạo Cao Đài):

“... một giáo sĩ cần phải có thêm **những điều kiện tâm linh**, cần phải **được ơn** mới gặt hái được kết quả tốt khi thuyết đạo.”<sup>(1)</sup>

“Người ta thường khuyên các diễn giả nói bằng Tâm, vì thánh giả không những nghe bằng tai, bằng óc mà còn nghe bằng Tâm nữa.

Nếu điều trên đây đúng với một diễn giả nói chung, thì nó lại càng đúng, càng là vấn đề quan trọng đối với người thuyết đạo. Bởi lẽ đối với một người thuyết đạo thì phải vừa nói đạo vừa chứng minh được Đạo. Mà Đạo ở đâu nếu chẳng phải là ở trong Tâm? Thế cho nên, **người nói đạo phải nói bằng Tâm**, để cho thánh giả vừa nghe nói đạo, vừa nhìn thấy được Đạo qua lời nói, giọng nói, cách nói, qua ánh mắt, qua cử chỉ của diễn giả.”<sup>(2)</sup>

Từ ý kiến của hai tác giả Thiện Cẩm và Đơn Tâm, suy ra người thuyết giảng giáo lý ở bất kỳ tôn giáo nào cũng có yêu cầu chung về “thuật” giảng đạo: Người đó phải được Ôn Trên “mở mồm” giùm cho, như vậy người đó mới có thể thuyết giảng bằng Tâm Đạo, chứ không nói với đầu môi chót lưỡi và con tim xơ cứng.

Trong Kinh Thánh, yêu cầu này đối với người giáo sĩ từ

<sup>(1)</sup> Đơn Tâm, *Nghệ Thuật Thuyết Trình Giảng Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 7. Quyển 26 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

<sup>(2)</sup> Đơn Tâm, *Nói Chuyện Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 66-67. Quyển 37 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

xưa đã được hàm ngụ ở cả Cựu Ước và Tân Ước. Chẳng hạn:

Ông Môsê thưa với Đức Chúa:

“*Lạy Chúa, xin xá lỗi cho con. Từ hồi nào đến giờ, ngay cả từ lúc Chúa ban lời cho tôi tớ Ngài, con không phải là kẻ có tài ăn nói, vì con cứng miệng cứng lưỡi.*” Đức Chúa phán: “*Ai cho con người có mồm có miệng? Ai làm cho nó phải câm phải điếc, cho mắt nó sáng hay phải mù lòa? Há chẳng phải là Ta, là Đức Chúa đó sao? Vậy bây giờ người hãy đi, chính Ta sẽ ngự nơi miệng người, và Ta sẽ chỉ cho người phải nói những gì.*”

(Xuất Hành 4:10-12)

Thánh tông đồ Phaolô viết:

“*Vì Đức Kitô (...) sai tôi đi rao giảng Tin Mừng, và rao giảng không phải bằng lời lẽ khôn khéo hùng hồn, để thập giá Đức Kitô khỏi mất hết quyền năng.*”

(Thư 1 Gởi Tín Hữu Côrintô 1:17)

“*Và tôi, thưa anh em, khi tôi đến với anh em, tôi đã không dùng lời lẽ hùng hồn hoặc triết lý cao siêu (...) Tôi nói, tôi giảng mà chẳng dùng lý lẽ khôn khéo...*”

(Thư 1 Gởi Tín Hữu Côrintô 2:1,4)

Tóm lại, để có thể thành công trên bục giảng, để có thể “truyền lửa” cho người nghe thì bản thân giáo sĩ phải có sẵn và dư thừa “lửa”. Thứ lửa này không thể trông cậy vào trí phàm, bằng cấp, kiến thức sách vở, hay tài “dẻo miệng”.

12-6-2012

CGvDT số 1862, ngày 15-6-2012

## VẾT NHỜ TỪ BÊN TRONG

Người học đạo được dạy tập rèn khả năng nội quán, tức là biết nhìn vào bên trong. Nhưng không phải ai cũng biết nhìn vào trong.

Bài giảng “*Từ Bên Trong*”<sup>(1)</sup> của Đức Giám Mục Gioan Baotixita Bùi Tuần như một tấm gương. Nhìn vào đó, ta bùng ngộ ra bản mặt thật của nội tâm mình, và nó giúp ta soi lại lòng mình, bởi nó phản chiếu những *vết nhờ phát xuất từ bên trong*.

Không chỉ phản chiếu, tấm gương đó còn phản biện luôn những ảo tưởng của ta khi cứ ngỡ rằng mình ngoan đạo, thánh thiện, vượt trội hơn anh chị em đạo hữu của mình về mặt này hay mặt nọ.

Bài giảng của Đức Giám Mục Gioan Baotixita Bùi Tuần chẳng khác chi hồi chuông cảnh báo, rằng coi chừng ta vẫn đang tự ảo hóa chính ta trên đường học đạo:

*“Bởi vì không thiếu việc bề ngoài coi như đạo đức, nhưng bên trong lại do động lực xấu, như kiêu căng, phô trương, lợi dụng đạo để xây dựng uy tín và tìm tư lợi.”* (CGvDT số 1742, tr. 16)

Từ bài giảng ấy, tôi nghĩ đến thiên thoại về lần gặp gỡ đầu tiên mà cũng là sau cùng giữa Lương Võ Đế (sinh năm 464, trị vì 502-549) và Bồ Đề Đạt Ma (*Bodhidharma*, 470-543).

Thâm tâm, có lẽ vua Lương vẫn luôn tự hào rằng mình

là tay hoằng dương Phật pháp khó ai bì kịp, thế nên vua hỏi Đạt Ma:

- Trẫm từ lên ngôi đến nay, xây chùa, in kinh, cúng dường tăng ni không biết bao nhiêu mà kể. Vậy có công đức gì không?

Đạt Ma đáp:

- Không có công đức!

Giữa triều đình đông đủ bá quan văn võ, Tổ nữ nào phôi bày huych toẹt *vết nhờ phát xuất từ bên trong* vua Lương!

Câu nói của Tổ chẳng khác chi xô nước lạnh đổ ập xuống ngọn lửa tự hào, tự đắc của ông vua.

Câu nói của Tổ có lẽ cũng phũ phàng y hệt như lúc tông đồ Phêrô ngăn cản Đức Giêsu đừng đi Giêrusalem để khỏi thọ nạn thì Chúa quay lại bảo đệ tử:

*“Satan, hãy lui lại đằng sau Thầy! Anh cản lối Thầy...”* (Matthêu 16:23)

Cũng do *vết nhờ phát xuất từ bên trong* nên ta dễ phê phán hay chỉ trích người khác, nhưng thật ra *“chỉ để khẳng định mình”* (CGvDT số 1742, tr. 16).

Tôi không khỏi liên tưởng lời Đức Chí Tôn dạy con cái khi mới mở đạo Cao Đài:

*“Thầy cấm không cho dị nghị việc người; nhưt là đạo hữu của các con thì đừng phạm đến kẻ tội nghiệp...”*<sup>(2)</sup>

23-02-1010

CGvDT số 1746, ngày 26-02-2010

<sup>(1)</sup> CGvDT số 1742, ngày 22-01-2010.

<sup>(2)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, ngày 20-02-1926.

## VÔ SỞ BẤT TẠI

Chị Shirley Smothers sống ở bang Texas (Mỹ), tự giới thiệu trên Internet là người làm thơ tài tử (nghệ nghiệp dư). Trong số mấy bài thơ ngắn ngắn của chị đăng trên mạng, có bài *God Is Everywhere*, tôi chuyển ngữ như sau:

### Thượng Đế Ở Khắp Nơi

*Thượng Đế ở trong hoa  
Thượng Đế ở trong cây  
Thượng Đế ở trên trời  
Thượng Đế ở trong gió  
Thượng Đế ở mọi nơi bạn đi  
Mọi chốn bạn rong chơi.  
Nhưng quan trọng hơn hết  
Thượng Đế ở trong tâm  
Lấy tâm bạn làm nhà của Ngài.<sup>(1)</sup>*

Bài thơ đơn giản, dễ hiểu, nhắc chúng ta nhớ rằng Thượng Đế hiện hữu khắp nơi, không chỗ nào chẳng có Thượng Đế, tức là Thượng Đế vô sở bất tại (*God is omnipresent*). Chủ đề này thật ra không mới.

Thượng Đế vô sở bất tại, thế nên chẳng việc gì mà Ngài lại không thấy không biết (vô sở bất tri: *omniscient*). Trong

---

<sup>(1)</sup> *God is in the flowers, / God is in the trees. / God is in the sky, / God is in the breeze. / God is everywhere you go, / everywhere you roam. / But most of all / God is in the heart, / makes yours his home.*

Cựu Ước, Đức Chúa có dạy về tính vô sở bất tri này:

*“Có ai ẩn mình trong nơi bí mật mà Ta lại không thấy.”*  
(Giêrêmia 23:24)

*“Mắt Đức Chúa ở mọi nơi mọi chỗ, hằng dõi theo kẻ dữ người lành.”* (Châm Ngôn 15:3)

Trở lại với bài thơ ngắn của Smothers. Từ chủ đề Thượng Đế có khắp mọi nơi, tác giả dẫn tới một hệ luận: Vậy thì Thượng Đế có trong tâm anh chị, để biến tâm lòng anh chị thành chỗ Ngài ngự.

Hệ luận này thực ra cũng không mới. Đức Cao Đài dạy môn đệ:

*“Tâm con vốn bửu tòa Thầy ngự.”* <sup>(2)</sup>

Bửu tòa là chỗ ngồi quý báu, cái ngai của Thượng Đế.

Đức Cao Đài cũng dạy:

*“Thầy ngự nơi lòng đạo của các con bất cứ nơi nào, không luận giàu nghèo, sang hèn, thanh trọc...”* <sup>(3)</sup>

Nhưng có thể ai đó chưa tin như vậy, và hỏi: Nếu Thượng Đế ở trong tôi, sao tôi không biết? không thấy?!

Câu hỏi bộc lộ lòng hoài nghi, nhưng xét ra hữu lý. Vậy, phải chăng con người phạm tục muốn biết, muốn thấy được Thượng Đế trong lòng mình thì phải có điều kiện?

Điều kiện ấy theo Phúc Âm là đức mến, đức tin:

*“Đức Giêsu đáp: Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha của Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy.”* (Gioan 14:23)

---

<sup>(2)</sup> Cơ Quan Phở Thông Giáo Lý, ngày 09-11-1973.

<sup>(3)</sup> Hội Thánh Hậu Giang (Minh Chơn Đạo), ngày 26-8-1969.



“Nhờ có đức tin, anh em được Đức Kitô ngự trong lòng...” (Êphêsô 3:17)

Điều kiện ấy, theo Đức Cao Đài là con người phải biết tỉnh thức (giác ngộ) để đổi mới chính mình. Sự đổi mới ấy tức là sửa chữa, cải tạo bản thân mà kinh sách gọi là tu hành. Đức Cao Đài dạy:

*Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sanh,  
Chúng sanh giác ngộ biết tu hành.*<sup>(4)</sup>

Nói khác đi, con người thế gian muốn nghênh đón, cung thỉnh Thượng Đế vào ngự trong ngôi nhà tâm hồn của mình thì cần biết dọn dẹp, trang hoàng ngôi nhà đó cho xứng đáng. Tu thân tức là dọn dẹp, trang hoàng cái tâm để làm bửu tòa cho Thượng Đế.

Nhưng thói thường con người dễ hướng ngoại hơn là hướng nội. Thay vì tìm chỗ cho Thượng Đế trong tâm lành tánh thiện của mình, phần đông chúng ta vẫn có xu hướng đi tìm Ngài ở những lầu các rực rỡ, đèn điện nguy nga. Nên Thánh Phaolô nhắc nhở:

“Anh em chẳng biết rằng anh em là Đền Thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao?” (1 Côrintô 3:16)

21-11-2011

CGvDT số 1835, ngày 25-11-2011

---

<sup>(4)</sup> Thánh thất Nam Thành, ngày 17-02-1969.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ  
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

**HUỆ KHÀI**  
**BẮC CẦU TÂM LINH**

IN LẦN THỨ HAI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY

Bìa 4: HUỆ KHÀI VĂN TẬP 慧啓文集

Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, ĐIỀU NGUYỄN

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fa : (04) 37822841

In năm ngàn bản, khổ 14,5x20,5 cm, tại XN In FAHASA  
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax : (08) 38153297

Số xuất bản **794-2013/CXB/43-112/TG**, ngày 08-7-2013.

In xong và nộp lưu chiểu quý Ba năm 2013.

**SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)**

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653